THẾ LỮ, VŨ HOÀNG CHƯƠNG
HÀN MẶC TỬ

VĂN

qua ba tác phẩm

MẤY VẦN THƠ, THƠ SAY, THƠ HÀN MẶC TỬ

NGUYỄN THỊ THỤY VŨ
DU TỬ LÊ • TRẦN HOÀI THƯ

và thơ của nhiều nhà thơ trẻ

VĂN
Sáng lập NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG
Chủ trương MAI THẢO
Giao thiệp NGUYỄN THỊ TUẤN

Nội dung:

Phần biên khảo:

Văn	1	Giới thiệu giai phẩm
Lê Huy Oanh	2	Vị trí ba nhà thơ Tiền Chiến trong thi đàn Việt Nam
Lê Huy Oanh	15	Thế Lữ qua Mấy Vần Thơ
Lê Huy Oanh	34	Hàn Mặc Tử qua Thơ Hàn Mặc Tử
Lê Huy Oanh	48	Vũ Hoàng Chương qua Thơ Say

Phần sáng tác

Nguyễn Thị Thụy Vũ	59	Thao thức trong đêm
Huy Tưởng	70	Nụ cười đá xanh
Du Tử Lê	72	Những miểng chai
Trần Quang Thiếu	82	Phố đêm
Hà Vũ Giang Châu	82	Đêm ở biển
Trần Mộng Hoàng	83	Thuở yêu em
Chu Ngạn Thư	83	Bão mùa mưa 74
Trần Hoài Thư	84	Gọi người xa vắng

Mẫu bìa và Chân dung Nhà thơ Vũ Hoàng Chương
của Trần Cao Lĩnh

Giới thiệu ấn phẩm mới • Hộp Thư • Bài nhận được

Chi phiếu, bưu phiếu đề tên cô Nguyễn Thị Tuấn
38 Phạm Ngũ Lão, Saigon 2 — ĐT. 23.595

Chương trình quốc văn lớp 12, bắt đầu từ niên khóa 74-75, với ba tập Thơ Say, Mấy Vần Thơ và Thơ Hàn Mặc Tử trong số những tác phẩm được giảng dạy, làm sáng chói trở lại trong thời sự văn học ba tiếng thơ lớn của Giòng Thơ Tiền Chiến. Đó là Thế Lữ, người mở đường phong trào Thơ Mới, Hàn Mặc Tử, một trong những ngọn đỉnh chót vót của Thơ Việt, từ Thế Lữ, và Vũ Hoàng Chương, đại diện lẫy lừng và cuối cùng của giòng thơ tiền chiến còn ở giữa chúng ta.

Để bạn đọc yêu thơ có được một ý niệm tổng quát về trở thành và đi tới của thi ca Việt Nam từ Thơ Mới, đồng thời trao gửi đến tay anh chị em học sinh toàn quốc năm chuẩn bị đặt chân vào ngưỡng cửa Đại Học, một tài liệu cần thiết cho học tập và trần thuyết văn học, chúng tôi đăng trọn ở phần đầu tập của Văn số này, thiên khảo luận 60 trang của nhà văn Lê Huy Oanh. Về tiến trình của thơ Việt. Về Thế Lữ, Vũ Hoàng Chương, Hàn Mặc Tử qua ba tập Mấy Vần Thơ, Thơ Say và Thơ Hàn Mặc Tử.

Với ba truyện ngắn mới của Nguyễn Thị Thụy Vũ, Du Tử Lê và Trần Hoài Thư, tình yêu — chủ đề muôn thuở của văn chương và khuôn mặt nồng nàn nhất của đời sống — đến với bạn đọc ở phần cuối tập này. Cùng thơ của một số nhà văn trẻ nữa, những người bạn mà chúng tôi hứa chắc là tiếng nói và sự có mặt bao giờ cũng được duy trì và mở rộng trên Văn.

lê huy oanh

Thế Lữ
Vũ Hoàng Chương
Hàn Mặc Tử
qua các tác phẩm : *Mấy Vần Thơ, Thơ Say, Thơ Hàn Mặc Tử*

I

Vị trí của ba nhà thơ Thế Lữ, Hàn Mặc Tử và Vũ Hoàng Chương trong thi đàn Việt Nam

Là người Việt Nam, chúng ta có đủ chứng tích để tự hào về kho tàng thi ca của xứ ta, một trong những kho tàng phong phú quý giá nhất thế giới. Về các bộ môn triết học, biên khảo, tiểu thuyết, kịch phẩm.. nước ta có thể còn thua kém nhiều nước khác, nhưng riêng về bộ môn thơ, nước ta đứng ngang hàng với bất cứ nước nào trên thế giới. Những nhà thơ như Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Gia Thiều, Đặng Trần Côn — Đoàn Thị Điểm, Tú Xương, Tản Đà, Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Huy Cận, Bích Khê, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, Bùi Giáng, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Nguyễn Đức Sơn... đều là những nhà thơ có vóc dáng quốc tế, không những là nhà thơ lớn của xứ ta mà còn phải được coi như những thi sĩ của chung nhân loại. Chúng ta lại còn có cả

một kho tàng ca dao phong phú, tuyệt vời của những tác giả vô danh, hay đẹp không kém gì những bài hay nhất trong *Kinh Thi* của người Trung Hoa.

Mục đích của chương này là nhận định về vị trí ba nhà thơ Thế Lữ, Hàn Mặc Tử và Vũ Hoàng Chương trong thi ca Việt qua các thời đại. Để làm công việc này, thiết tưởng cần phải :

1) Nhìn qua hàng ngũ các nhà thơ Việt qua các thời đại.

2) Những hình thức và khuynh hướng thơ qua các thời đại, đặc biệt là của ba tác giả liên hệ.

3) Ảnh hưởng ngoại quốc đối với thơ Việt, và riêng đối với ba tác giả liên hệ.

Sau khi làm xong ba điều đó, chúng ta thấy rõ ràng vị trí của họ trong thơ Việt.

NHÌN QUA HÀNG NGŨ CÁC NHÀ THƠ VIỆT QUA CÁC THỜI ĐẠI. — Không kể những áng thơ bằng chữ Hán, trước hết chúng ta phải nói đến những truyện thơ hoặc những áng thơ dài bất hủ bằng chữ Nôm như Truyện Kiều của Nguyễn Du, Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu, Truyện Hoa Tiên của Nguyễn Huy Tự, Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn — Đoàn Thị Điểm, Cung Oán Ngâm Khúc của Nguyễn Gia Thiều. Chúng ta còn có những nhà thơ Nôm khác tài nghệ lỗi lạc như Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Chu Mạnh Trinh, Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, Trần Tế Xương...

Sang thế kỷ XX, chữ Quốc Ngữ thay thế chữ Nôm. Tản Đà Nguyễn khắc Hiếu, Đông Hồ và Quách Tấn được coi như những cây cầu nối cho hai giai đoạn thi ca cũ và mới. Thời kỳ thơ Mới bắt đầu. Nhiều thi sĩ tài danh xuất hiện : Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Nhược Pháp, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Xuân Sanh, J. Leiba, Huy Thông, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Mộng Huyền, Anh Thơ, Vũ Hoàng Chương, Tế Hanh, Nguyễn Bính, Tú Mỡ, Đồ Phồn... Đó là thời Tiền Chiến.

Sang thời Hậu Chiến, chỉ kể riêng miền Nam Tự Do, hàng ngũ các nhà thơ Việt rất đông đảo, trong đó, người ta thấy có Đinh Hùng, Kiên Giang, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, Bùi Giáng, [illegible]

Nguyễn Đức Sơn, Tuệ Mai, Phạm Công Thiện, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Kim Tuấn, [illegible], Tú Kếu, Viên Linh, Nguyễn Tôn Nhan, *Nguyễn Bắc Sơn, Du Tử Lê, Cung Trầm Tưởng, Hoàng Trúc Ly, Nguyễn Đạt, Phạm Ngọc Lư, Nguyễn Tất Nhiên, Luân Hoán, v.v...*

Như vậy là chúng ta đã chia quá trình tiến diễn của thơ Việt ra làm ba chặng. Chặng I, gồm thi ca truyền khẩu (ca dao) và thơ Nôm. Chặng II, từ Tản Đà cho đến 1945, kêu là thời Tiền Chiến, Chặng III, từ 1945 cho đến ngày nay, tạm kêu là thời Hậu Chiến. Ba nhà thơ Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương nằm trong thời kỳ thơ Tiền Chiến. Họ đã công mở đường, củng cố và hiển dương cho phong trào thơ Mới của thời kỳ đó. Những tác phẩm quan trọng nhất của ba thi sĩ đó: Thế Lữ: *Mấy Vần Thơ*; Hàn Mặc Tử: *Thơ Hàn Mặc Tử*; Vũ Hoàng Chương: *Thơ Say.* Trong những chương sau, chúng ta sẽ lần lượt xét tới ba nhà thơ ấy qua ba thi phẩm đó.

NHỮNG HÌNH THỨC VÀ KHUYNH HƯỚNG THƠ VIỆT QUA CÁC THỜI ĐẠI, VÀ QUA BA TÁC GIẢ LIÊN HỆ — Thơ thời kỳ I phần lớn mang hình thức lối thơ Đường luật; ngoài ra còn có nhiều hình thức phóng khoáng hơn có nhiều tính chất Việt Nam hơn như hát nói, song thất lục bát và nhất là lục bát. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du đã hiển dương cho lối thơ lục bát. Thời xưa, các cụ ta ít khi đặt nặng về khuynh hướng thơ. Tùy trường hợp, tiện kiểu nào xài kiểu đó, chứ không chú ý đặc biệt về một lối đi riêng biệt nào cả về hình thức lẫn nội dung. Do đó trên thi đàn Việt Nam thời kỳ I, tức thời kỳ ca dao và thơ Nôm, không hề bao giờ có hiện tượng trường phái.

Sang thời Tiền Chiến, ngoài nhóm Xuân Thu Nhã Tập, quy tụ các ông Nguyễn Đỗ Cung, Phạm Văn Hạnh, Nguyễn Xuân Khoát, Nguyễn Lương Ngọc, Nguyễn Xuân Sanh và Đoàn Phú Tứ, định lồng nghệ thuật, nhất là thơ vào một trường phái riêng, người ta không còn thấy trường phái nào cả (1). Mặc dầu thơ

---

(1) Nhóm Xuân Thu Nhã Tập mặc dầu ra tuyên ngôn gây ồn ào nhưng không tạo được tiếng vang và ảnh hưởng gì lắm. Công trình của nhóm này, riêng về thi ca, hình như ngày nay chỉ còn lại có bài Màu Thời Gian của Đoàn Phú Tứ.

Tiền Chiến gần như không có trường phái nhưng lại có nhiều khuynh hướng rõ rệt. Một khuynh hướng phổ quát là làm mới thơ, thay thế thơ Đường luật bằng những kiểu thơ của Tây phương như thơ năm chân, bẩy chân, tám chân liên tục hoặc phân đoạn, không còn bị chi phối bởi số câu có hạn định hoặc bởi lối văn biền ngẫu. Một vài nhà thơ táo bạo hơn nữa còn xài cả thơ hai chân, mười hai chân hoặc thơ phá thể, câu dài câu ngắn bất thường. Lục bát vẫn còn được giữ lại, nhưng đây là thứ lục bát mới, không có hiện tượng biền ngẫu, và mang những dụng ngữ những hình ảnh thật mới. Những bài lục bát của Xuân Diệu, Huy Cận chẳng hạn đã có nhiều mầu sắc mới lạ so với lục bát của Nguyễn Du khi xưa. Vài nhà thơ khác còn xài cả lối văn xuôi thi vị (prose poétique) hoặc thơ xuôi (poème en prose) là thứ thơ mà nhiều thi sĩ Âu châu đã xài từ thế kỷ 19. Thế Lữ là người có công lao rất lớn trong việc truyền bá và cổ xúy lối thơ Mới; Hàn Mặc Tử và Vũ Hoàng Chương tuy không trực tiếp cổ động cho thơ Mới nhưng đã gián tiếp tán thành và củng cố mạnh mẽ cho thơ Mới bằng cách sáng tác những bài thơ mới rất có giá trị. Tập *Mấy Vần Thơ* của Thế Lữ có thể được coi như một tác phẩm mẫu mực điển hình cho thơ Mới cả về hai phương diện hình thức và tư tưởng. Hàn Mặc Tử mới đầu có vẻ vẫn còn thiết tha với lối thơ Đường luật, nhưng chỉ ít lâu sau ông ta đã không ngại ngần bỏ rơi thơ Đường luật để xài thơ Mới. Trong thi phẩm *Thơ Hàn Mặc Tử*, ở đầu người ta thấy có một ít bài thơ Đường luật, mặc dầu có vài bài đáng được coi như những tuyệt tác, nhưng trong bốn phần năm cuốn sách về sau, thơ Mới ngự trị hoàn toàn và gần như tất cả những bài thơ tiêu biểu nhất cho thiên tài Hàn Mặc Tử đều nằm trong phần thơ Mới.

Hình thức các bài thơ trong thi phẩm *Thơ Say* của Vũ Hoàng Chương đa số đều rất mới, để cùng với hai thi phẩm *Mấy Vần Thơ* của Thế Lữ, *Thơ Hàn Mặc Tử* của Hàn Mặc Tử và nhiều thi phẩm khác của nhiều thi sĩ khác, họ Vũ, cũng như Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, đã góp phần tạo thanh thế rất mạnh mẽ cho thơ mới.

Ngoài khuynh hướng phổ quát như vừa kể, còn có nhiều thứ khuynh hướng đặc thù. Trong thơ tiền chiến, có những khuynh

hướng lãng mạn, thi sơn, tân lãng mạn và tượng trưng. Như đã nói ở trên, những khuynh hướng này mặc dầu không gây thành trường phái (écoles) nhưng đã họp thành những hiện tượng nổi bật. Các hiện tượng đó nằm bàng bạc nơi các thi phẩm. Thơ của Nam Trân, Đoàn Văn Cừ, Bàng Bá Lân hay Anh Thơ phảng phất lối thơ Thi Sơn; thơ của J. Leiba, Tế Hanh, Thế Lữ, Nguyễn Bính, Vũ Hoàng Chương, Lưu Trọng Lư thường đầy chất lãng mạn; thơ của Yến Lan, Bích Khê, Mộng Huyền hay Chế Lan Viên đầy hương vị tượng trưng. Nguyễn Xuân Sanh hay Đoàn Phú Tứ còn đầy thơ tượng trưng Việt Nam đi xa hơn nữa. Vài nhà thơ khác còn có cùng lúc hai ba khuynh hướng khác nhau. Thơ Chế Lan Viên có hai khuynh hướng: thi sơn và tượng trưng; thơ Xuân Diệu gồm ba khuynh hướng: lãng mạn, tân lãng mạn và tượng trưng. Thơ Hàn Mặc Tử ngoài chút ít hương vị thơ Đường, đã chứa đầy những hương vị tân lãng mạn, tượng trưng và còn có thêm hương vị tôn giáo cao độ. Trong khi đó, mặc dầu khuynh hướng chính của Vũ Hoàng Chương trong *Thơ Say* là khuynh hướng lãng mạn cả về hình thức lẫn nội dung, nhưng đôi khi người ta cũng gặp những bài (như *Đà Giang, Chợ Chiều, Nghệ Hát*) có thấp thoáng vẻ thơ tượng trưng, không phải thứ tượng trưng của tây phương nhưng là thứ tượng trưng đầy màu sắc Á Đông. Thơ Tượng Trưng trong Thơ Hàn Mặc Tử cũng đầy màu sắc Á Đông. Điều này chứng tỏ tâm hồn người Đông Phương, vốn trầm lặng sâu sắc, đã có tiềm tàng khuynh hướng tượng trưng từ lâu, có lẽ còn có trước cả Tây Phương, nhưng sau, đến thời Tiền Chiến, riêng ở Việt Nam, khuynh hướng ấy đã được những ý hướng tượng trưng du nhập từ Tây Phương đánh thức giậy và sau khi thức giậy nó liền bành trướng thật mãnh liệt, nhất là trong thơ Hàn Mặc Tử hoặc thơ Bích Khê.

Nói tóm lại, cả ba người, Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương, đều là những thi sĩ đáng liệt vào hàng những kiện tướng của thơ Mới. Thơ Thế Lữ trong *Mấy Vần Thơ* mang khuynh hướng lãng mạn; thơ Hàn Mặc Tử, riêng trong tác phẩm liên hệ đã kể, mang ba khuynh hướng tân lãng mạng, tượng trương và Thiên Chúa giáo; thơ Vũ Hoàng Chương trong *Thơ Say* gồm hai khuynh hướng, chính: lãng mạn; phụ: tượng trưng.

Tiêu đề này là « vị trí của ba nhà thơ Thế Lữ, Hàn Mặc Tử và Vũ Hoàng Chương trong thi đàn Việt Nam. » Chữ « thi đàn » ở đây bao gồm thi ca Việt từ thời khởi đầu thơ bằng văn tự xa xưa cho tới ngày nay. Chúng ta đã xét qua giai đoạn trước thơ Tiền Chiến, rồi đến giai đoạn thơ Tiền Chiến tức là giai đoạn của Thế Lữ, Hàn Mặc Tử và cũng là giai đoạn chính (so với giai đoạn phụ) của Vũ Hoàng Chương.

Để có thể thấy rõ hơn nữa vị trí của ba nhà thơ này trong toàn thể thơ Việt, thiết tưởng cũng nên nhìn qua tình hình thi ca của miền Nam Tự Do trong vòng hai chục năm nay (1954 — 1974) là giai đoạn chính của thời kỳ thơ Hậu Chiến. Chúng ta đã điểm qua một số tên các thi sĩ của giai đoạn này. Bây giờ thử xét thơ Hậu Chiến có những điểm gì khác biệt với Thơ Tiền Chiến hay chăng ? Trước hết là một sự khác biệt rất quan trọng về tư tưởng. Các thi sĩ Tiền Chiến trong đó dĩ nhiên có Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương (của riêng tập *Thơ Say*), đã sống trong một thời yên bình và quốc gia mình bị đặt dưới sự thống trị của thực dân Pháp, vì thế phần lớn có những tư tưởng yếm thế, ủy mị. Còn giai đoạn Hậu Chiến có những đặc tính mới sau đây : 1) Chiến tranh miên viễn kéo dài hơn hai chục năm, tới nay vẫn chưa dứt. 2) Thực dân Pháp đã phải bỏ quốc gia này, trả lại nền độc lập tự chủ cho dân Việt. 3) Vì chiến tranh kéo quá dài nên tình trạng kinh tế một lúc một thêm khó khăn và cho tới ngày nay, kinh tế Việt Nam đang lâm vào tình trạng rất khó khăn. Ba yếu tố đó đã khiến cho các nhà thơ Hậu Chiến có những tư tưởng khác biệt với tư tưởng các nhà thơ Tiền Chiến. Những tư tưởng ủy mị gần như không còn nữa. Nhà thơ Hậu Chiến sống trong một hoàn cảnh không phù hợp với tinh thần ủy mị. Vì đa số phải tham dự cuộc chiến tranh, dầu muốn hay không muốn. Họ phải thường xuyên chiến đấu để xứng đáng là một con dân một quốc gia độc lập đồng thời để bảo vệ chính mình và những người thân yêu của mình. Họ vừa cầm vũ khí chiến đấu ngoài mặt trận lại vừa phải cố gắng để lo cuộc mưu sinh giữa một tình trạng kinh tế khó khăn do một cuộc chiến tranh quá dài gây ra. Do đấy, họ không còn có thì giờ rảnh rỗi, không còn có hoàn cảnh thảnh thơi nhàn hạ để mơ màng ủy mị. Ngày nay những

cảnh mơ mộng, yêu đương hay ăn chơi mặc dầu vẫn còn nhưng chúng không thể nào da diết, đắm đuối cho bằng ở thời Tiền Chiến. Nhà thơ ngày nay có nhiều việc phải làm, phải thiết thực lo âu hơn nhà thơ Tiền Chiến, nên họ không sao còn có thể nhởn nhơ làm « một khách bộ hành phiêu lãng » như Thế Lữ, làm một kẻ mơ mộng viễn vông như Hàn Mặc Tử hoặc làm một đãng tử ham chơi như Vũ Hoàng Chương. Ngày nay, do đấy, tinh thần lãng mạn, yếm thế, phiêu diêu thoát tục mặc dầu vẫn chưa hết hẳn nhưng quả thật chúng đã trở thành lạc lõng lỗi thời. Thơ ngày nay thường nói lên sự kiêu hãnh của một con người đã thường xuyên tranh đấu chống lại những trở ngại hoặc thực tế hoặc siêu hình do một hoàn cảnh đặc biệt của đất nước gây ra. Thơ Hậu Chiến vẫn có đề cập tới Ái Tình (một đề tài muôn thuở) nhưng quả thật đã không còn quá mơ màng đắm đuối với Ái Tình. Thơ Hậu Chiến gần như không còn bầy tỏ những đam mê cuồng nhiệt đối với những thú chơi như khiêu vũ, hát ả đào, rượu mạnh, hay thuốc phiện. Thơ Hậu Chiến ít khi bày tỏ những ý nghĩ viễn vông phiêu diêu của một con « phượng hoàng, vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất » như của Hàn Mặc Tử. Phần lớn thơ Hậu Chiến nói lên những nỗi khó khăn của cuộc sống, khó khăn vì chiến tranh, khó khăn vì kinh tế, khó khăn của tình trạng một quốc gia nhược tiểu ham muốn tiến bộ cho bằng với năm châu bốn biển. Từ tâm trạng đó nẩy ra những cảm khái, những bực dọc, những khắc khoải, đôi chút kiêu hãnh và rất nhiều xót xa...

Những ý tưởng đại loại như trong mấy câu thơ trên có rất nhiều trong thơ Hậu Chiến. Hoàn cảnh mới tạo ra những ý nghĩ mới, những ý nghĩ có thể coi như không hề có trong thơ Tiền Chiến nói chung, không hề thấy trong thơ của Thế Lữ của Hàn Mặc Tử cũng như của Vũ Hoàng Chương nói riêng.

Trong thơ Hậu Chiến, Ái Tình vẫn còn thường được nhắc tới, nhưng ở đây Ái Tình đã mang những bộ mặt mới, không còn sôi nổi một cách hời hợt mà thường đượm vẻ sót sa ngậm ngùi của những tâm hồn thời đại này. Những tiếng yêu đương hôm nay không còn là những tiếng « *Anh nhớ tiếng, anh nhớ hình, anh nhớ ảnh — Anh nhớ em anh nhớ lắm em ơi* » (Xuân

Diệu) hoặc « *Đôi lứa thần tiên suốt một ngày — Em ban hạnh phúc chưa đầy tay* » (Huy Cận) hoặc « *Bơ phờ tóc rối, vành khăn lệch — Ủ rủ hoa gầy má đỏ phai* » (J. Leiba), Nhà thơ ngày nay thường nhìn ái tình trong phạm vi thân phận của con người đang sống trong một tình thế khó khăn, nghẹt thở, vì thế Thanh Tâm Tuyền bảo người bạn tình : « *Anh đưa em đi trốn — những giày vò ngày mai* », vì thế Phạm Công Thiện nức nở « *Tay gầy ôm chặt tình yêu — Anh về phố gục những chiều hư vô* » vì thế Hoàng Hương Trang ngậm ngùi « *Tin yêu cũng thể hận thù — Người yêu cũng thể mịt mù cuối mây — Mai sau làm kiếp cỏ cây — Đừng thương yêu để đọa đầy xác thân* » Tình yêu hôm nay vì chân thực nên đầy vẻ xót xa hờn tủi, nhưng cũng vì thế mà sâu lắng, chứ không sốc nổi như tình yêu thời Tiền Chiến. Khi Thanh Tâm Tuyền tuyên bố « Trong thơ hôm nay không có tình yêu » (*Nỗi Buồn Trong Thơ Hôm Nay*) tức thị anh muốn nói rằng : Trong thơ hôm nay không còn có những tình yêu như của thời Tiền Chiến. Trong thơ hôm nay, những quan niệm hưởng lạc phóng đãng của những người thanh niên trong thời bình cũng gần như không còn nữa. Người ta không còn hoàn cảnh phù hợp, không còn đủ phương tiện, không còn đủ tâm hồn thư thái để mà ăn chơi lêu lổng, bạt mạng như Thế Lữ hay Vũ Hoàng Chương. Vì thế, trong thời đại này, bất cứ ai cố giữ tác phong và thái độ sống như Vũ, như Hàn, như Thế Lữ khi xưa tất sẽ chỉ là những kẻ lạc lõng, trong xã hội bây giờ. Ngày nay, những người thanh niên thời đại vẫn còn đọc *Mấy Vần Thơ*, *Thơ Hàn Mặc Tử* hay *Thơ Say* nhưng chắc chắn họ không thể có được những rung động thiết tha sôi nổi như thanh niên thời Tiền Chiến.

Về hình thức, mặc dầu vẫn còn giữ lại một số khuôn thước của thơ Tiền Chiến, nhưng thơ Hậu Chiến đã có thêm nhiều đặc tính mới lạ. Trước hết là hiện tượng « hình thức cũ nhưng ngôn ngữ mới », nghĩa là vẫn những lối năm chân, bảy chân hoặc lục bát, nhưng ngôn ngữ thơ thường có vẻ rời rạc, uyển chuyển với những dụng ngữ được coi như có những ý nghĩa mới hoặc được tạo cho những ý nghĩa mới cùng với những hình ảnh khác lạ, thường khi xuất hiện đột ngột. Thứ ngôn ngữ mới này do

đấy thường có vẻ bâng khuâng, mơ ảo chứ không rõ ràng, chân thực như ngôn ngữ xưa cũ :

Qua đây từng giọt buồn phiền
Mắt em cổ thụ thâm xuyên gọi mời
Bãi hoang còn dựng bề khơi
Xuôi tay xin gởi miệng cười mộng du

HOÀNG TRÚC LY, Hành Trình.

Uống đời tôi một hòn đá vụn
rớt vô tình xuống đáy sông tan
còn nghe tiếng hú hồn lẩy bẩy
bay trên bờ nước xiết man man

Tội tình tôi chờ hái bụm mưa
rửa vết thương sâu ngời lửa cháy
chiều nay ai đập vỏ chai bia
máu vọt lên giữa dòng nước xoáy

PHẠM NGỌC LƯ, Rụng Tim Người.

Chúng ta nhận thấy thể thơ vẫn là lục bát hay bẩy chữ, nhưng ngôn ngữ thơ hoàn toàn mới, mới vì những dụng ngữ được lồng cho những giá trị, những ý nghĩa khác lạ, mới vì những hình ảnh và ý tưởng xuất hiện một cách thật đột ngột và bất ngờ, tạo cho thơ một không khí mơ ảo có nhiều tính chất gợi cảm hơn là truyền cảm. Thứ ngôn ngữ như thế gần như không có trong thơ Tiền Chiến. Ngoài ra, thời Hậu Chiến còn có những khuynh hướng Thơ mà thời Tiền Chiến chưa hề có. Trước hết là khuynh hướng thơ Tự Do mà Thanh Tâm Tuyền, tác giả *Tôi Không Còn Cô Độc*, là người đi tiên phong, trong công việc khai phá. Trong khuynh hướng thơ Tự Do, hầu hết những thể thơ cổ truyền thời Thơ Mới đều bị bỏ rơi. Thay vào đấy là một lối thơ các câu dài ngắn không đều được lồng vào một thứ văn phạm mới khác biệt hẳn với văn phạm cũ, và được phô diễn bằng những dụng ngữ có những khả năng mới. Một hình thức như thế được dùng để phát biểu những ý tưởng và hình ảnh rời rạc có nhiều công dụng gợi cảm, đòi hỏi người thưởng ngoạn khi thưởng thức thơ phải góp phần sáng tạo với tác giả. Thơ Thanh Tâm

Tuyền đã gây ra cả một cuộc cách mạng trong thơ Việt và đã tạo được một ảnh hưởng thật sâu rộng trong giới thơ Việt. Kế tiếp rồi tiến song song với thơ Tự Do là khuynh hướng tạm gọi một cách nôm na là « thơ Đười Ươi » mà có người gọi một cách rất sai lầm là « thơ Thiền » hoặc « thơ Viễn Mơ ». Chẳng phải Thiền cũng chẳng phải Viễn Mơ, thơ Đười Ươi do Bùi Giáng khởi xướng đã là cả một cuộc cách mạng cực kỳ mãnh liệt cả về tư tưởng lẫn hình thức, một cuộc cách mạng thoạt nhìn có vẻ quái đản nhưng lại rất thực tế. Họ Bùi đã thành công một cách vẻ vang trong việc tạo ra những giá trị và khả năng rất mới cho ngôn ngữ, và thứ ngôn ngữ như thế đã được dùng để diễn tả rất nhiều sắc thái mới lạ của tâm hồn và tư tưởng con người. Nếu chúng ta đặt Thơ Mới bên cạnh thơ Tự Do hay thơ Đười Ươi, chúng ta sẽ thấy thơ Mới của thời Tiền Chiến đã trở thành cũ mèm. Cũng thế, nếu đem so sánh *Mấy Vần Thơ*, *Thơ Hàn Mặc Tử* hay *Thơ Say* của Vũ Hoàng Chương với *Tôi Không Còn Cô Độc* hay *Bài Ca Quần Đảo*, chúng ta sẽ thấy thơ trong ba tập trên đã trở thành già nua quá đỗi. Nhưng già nua không có nghĩa là kém giá trị. *Thơ Say* và *Bài Ca Quần Đảo* là hai thứ thơ khác biệt hẳn nhau thế nhưng mỗi thi phẩm đều có giá trị riêng và sức hấp dẫn riêng của nó. Cái đẹp của thơ vốn có thiên hình vạn trạng.

ẢNH HƯỞNG NGOẠI QUỐC TRONG THƠ. — Nước Việt vốn đã phải trải qua những thời kỳ đen tối, hoặc nô lệ người Tầu hoặc nô lệ người Pháp. Có điều đáng mừng và đáng hãnh diện là dân tộc ta đã không bị đồng hóa với người Tầu cũng như vẫn giữ được những sắc thái tinh thần và sinh hoạt riêng biệt của mình trong tám chục năm thuộc Pháp. Nhờ có tinh thần bất khuất đó nên mặc dầu phải trải qua biết bao nhiêu thời kỳ khó khăn, quốc gia của chúng ta vẫn còn tồn tại và dân tộc ta vẫn tiếp tục tiến hóa. Dĩ nhiên trong những thời kỳ bị trị đó, dân tộc Việt không thể nào không chịu ảnh hưởng sâu đậm văn hóa của những quốc gia thống trị. Thi ca Việt do đấy đã chịu ảnh hưởng mãnh liệt của thi ca ngoại quốc. Các cụ chúng ta khi xưa học chữ Hán nên về hình thức thơ Việt chịu ảnh hưởng Đường Thi, về tư tưởng cũng

chịu ảnh hưởng của Lão, Trang, ảnh hưởng Phật Giáo (tôn giáo này đã được truyền vào Việt Nam phần lớn qua ngả Trung Hoa), ảnh hưởng của những thi sĩ lớn của Trung Hoa như Đào Tiềm, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Lý Thương Ẩn, Bạch Cư Dị, Đỗ Mục, Tô Đông Pha v.v...

Sang đến thời Pháp thuộc, bọn thống trị đã bắt thanh niên Việt phải học tiếng Pháp rất kỹ theo kiểu « nhồi sọ ». Với số vốn ngôn ngữ Pháp khá giầu thâu thái được, thanh niên Việt thời Tiền Chiến và cả một phần thời Hậu Chiến đã say sưa thưởng thức văn chương Pháp, đã mê man những thơ của Lamartine, Hugo, De Noailles, Musset, Gérard de Nerval, Baudelaire, Verlaine, Mallarmé, Valéry, Rimbaud, Lautréamont, Cendrars, Soupault, Breton, Aragon, Eluard Prévert, Isou... Dĩ nhiên các nhà thơ Pháp đó đều không thể không gây ảnh hưởng hoặc ít hoặc nhiều tùy trường hợp, tùy thời kỳ, tùy cá nhân, cho các nhà thơ Việt. Đa số những thể thơ của thơ Mới Việt Nam đều đã được du nhập từ Tây Phương, qua tiếng Pháp, Thơ Tự Do thời hậu chiến có rất nhiều điểm giống với thơ Rimbaud và thơ các thi sĩ siêu thực Pháp. Những khuynh hướng Lãng Mạn, Tân Lãng Mạn, Thi Sơn, Tượng Trưng, Đa Đa, Siêu Thực, Tự Do, Thuần Âm (sondisme) Thuần Tự (lettrisme) đều là những khuynh hướng phát xuất tại Tây Phương nhất là tại Pháp. Nếu như các nhà thơ Tiền Chiến và Hậu Chiến có chịu ảnh hưởng hoặc ít hoặc nhiều các nhà thơ Pháp thì điều đó cũng không có gì lạ cả, bởi vì kho tàng thơ Pháp vốn là một kho tàng phong phú nhất thế giới. Thơ Pháp đã gây ảnh hưởng hoặc trực tiếp qua tiếng Pháp, hoặc gián tiếp qua các bản dịch không những vào Việt Nam mà còn vào rất nhiều quốc gia khác trên thế giới kể cả những nước lớn, rất phong phú về văn hóa.

Tuy nhiên, về ảnh hưởng của thi ca và tư tưởng Trung Hoa và Pháp đối với thi ca và tư tưởng Việt Nam, chúng ta cần phải để ý tới vài điều sau đây :

1) Mặc dầu thời xưa, các nhà thơ tổ tiên của chúng ta chịu ảnh hưởng sâu đậm các nhà thơ Trung Hoa, nhưng các cụ vẫn tạo thêm được những sắc thái riêng biệt của thơ Việt cả về hình thức lẫn tư tưởng. Về hình thức, những thể lục bát, hát nói, song thất lục bát là những thể riêng biệt của Việt Nam, người Trung

Hoa không hề có. Về tư tưởng, nội dung thơ của một số thi sĩ như Nguyễn Khuyến, Hồ Xuân Hương, Tú Xương,.. phần lớn chứa đựng những cảm nghĩ đầy dân tộc tính, những cảm nghĩ riêng biệt của người Việt.

2) Ảnh hưởng thơ Trung Hoa và thơ Pháp đối với thơ Việt là thứ ảnh hưởng cần được nhìn chung chứ không thể nhìn tách biệt. Trừ một vài trường hợp đặc biệt, chẳng hạn bài *Huyền Diệu* trong tập *Thơ Thơ* của Xuân Diệu đã chịu ảnh hưởng trực tiếp bài thơ *Correspondances* của Baudelaire, chúng ta không nên và có lẽ không thể quyết đoán một nhà thơ Việt nào đó hoặc một tập thơ, một bài thơ Việt nào đó chịu ảnh hưởng của thi sĩ (hoặc thi phẩm hoặc bài thơ) ngoại quốc nào đó. Tôi đã gặp không hiếm những nhà phê bình khảo luận thơ Việt viện dẫn một bài (hoặc đoạn) thơ của một thi sĩ Việt Nam để nhận định một cách võ đoán rằng khi viết bài (hoặc đoạn) thơ ấy thi sĩ Việt nọ đã chịu ảnh hưởng của Lamartine, hoặc Baudelaire, hoặc Verlaine, hoặc Rimbaud, hoặc Eluard v.v.. Theo ý tôi, hầu hết những trường hợp quyết đoán như vậy thường chỉ là những hành động hàm hồ thiếu căn cứ. Chúng ta chỉ nên quyết đoán như vậy trong trường hợp thi sĩ liên hệ đã từng lên tiếng xác nhận một cách khẳng định rằng : khi viết áng (hoặc bài, hoặc đoạn) thơ đó tôi đã chịu ảnh hưởng của X .. Y... hoặc Z .. Nếu không có sự xác định đó, hoặc nếu không có một dấu hiệu chứng minh thật rõ ràng đích xác, chúng ta không nên quyết đoán rằng nhà thơ này nhà thơ nọ của Việt chịu ảnh hưởng thi sĩ nào đó của ngoại quốc. Chẳng hạn không thể bảo rằng thi sĩ Bích Khê chịu ảnh hưởng của Mallarmé hay Rimbaud, nhưng chỉ có thể nói rằng : theo lời kể lại của Trần Thanh Mại (trong sách *Hàn Mặc Tử*) cho rằng « Bích Khê thì thuộc lòng thơ Valéry, đã từng nghiên cứu Verlaine và tự cho là mình hiểu Mallarmé lắm » đằng khác thơ Bích Khê có nhiều điểm giống với thơ của các thi sĩ Tượng Trưng Pháp, như vậy có lẽ Bích Khê đã chịu ảnh hưởng các thi sĩ Tượng Trưng Pháp.

Cần áp dụng nguyên tắc đó vào việc nhận định ba thi sĩ liên hệ. Chúng ta có thể nhận định một cách tổng quát có tính cách loại suy như thế này :

— Thơ Mới phát sinh vào lúc Việt Nam tiếp xúc và thâu

nhận văn hóa Pháp. ba thi sĩ liên hệ lại đều là những người có tây học và yêu văn chương Pháp, nên chắc hẳn họ đã chịu ảnh hưởng hoặc ít nhiều, tùy người, thi ca của Pháp.

— Căn cứ vào tác phẩm cũng như các hoạt động của họ trong việc phát huy thơ Mới, chúng ta thấy Thế Lữ có lẽ chịu ảnh hưởng Pháp nhiều hơn Hàn Mặc Tử, còn Vũ Hoàng Chương là người chịu ảnh hưởng Pháp ít hơn cả.

3) Mặc dầu chịu ảnh hưởng thơ Pháp. nhưng một số thi sĩ nổi tiếng của thời Tiền Chiến và Hậu Chiến như Xuân Diệu, Huy Cận. Bích Khê, Thế Lữ, Vũ Hoàng Chương, Hàn Mặc Tử, Thanh Tâm Tuyền vẫn tạo được những sắc thái riêng biệt cho thơ của họ. những sắc thái đầy giá trị có khả năng tạo một sự phong phú riêng biệt và độc lập cho thơ Việt. Riêng trường hợp Bùi Giáng quả thật đặc biệt. Thi sĩ « Đười Ươi » này của Việt Nam đã lồng thơ vào một đôi hia bẩy dặm, khiến cho thơ Việt có một sắc thái không tiền khoáng hậu. qua mặt luôn cả thơ của nước Pháp. Về cả nội dung lẫn hình thức, thơ Bùi Giáng vốn có những nét cực hay và những nét cực dở và cả hai điểm « cực » đó thường chỉ chênh nhau trong gang tấc ; lại nữa, tùy theo khả năng lãnh hội của người đọc, cái « cực hay » có thể biến thành cái « cực dở » hoặc ngược lại. Tôi dám tưởng tượng rằng những thi sĩ thuộc loại quái kiệt của Pháp như Rimbaud, Breton, Prévert, René Char, Isidore Isou nếu còn sống đủ mặt và nếu đủ thông thạo Việt Ngữ để đọc thơ Bùi Giáng chắc hẳn sẽ có nhiều chỗ họ phải kêu « merde » ầm ỹ nhưng cũng có không hiếm những lúc họ phải ngả mũ kính cẩn; không chừng còn có thể xẩy ra trường hợp ông này thì ngả mũ còn ông kia lại vò đầu bứt tai, hoặc rùn vai nhíu trán chê bai chửi rủa cũng nên. Tôi xin nhắc lại một ý mà tôi đã phát biểu : Bùi Giáng và Thanh Tâm Tuyền đã chứng minh rõ ràng hai chữ « Tiền Chiến » quả thật có đúng cái ý nghĩa ấy của nó. Thơ Hậu Chiến đã có đủ khả năng đặt thơ Mới vào quá khứ. Một số đông các nhà thơ Việt Hậu Chiến đã đương nhiên đẩy các thi sĩ Tiền Chiến, trong số có ba ông Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương vào cảnh « kính nhi viễn chi ». Bởi vì bên chữ « viễn » cón có chữ « kính », nên chúng tôi mới có dịp thuận tiện để đề cập tới ba nhà thơ đó. Nhìn vào vị trí của họ trên

thi đàn, chúng ta đã thấy họ « viễn » như thế nào. Tiếp theo đây. chúng ta hãy tiếp tục bàn xem thơ của họ, mà tiêu biểu là ba tác phẩm *Mấy Vần Thơ*, *Thơ Hàn Mặc Tử*, *Thơ Say* có những điểm nào mà chúng ta phải kính mến và đáng cho chúng ta kính mến tới mức độ nào.

II

Thế Lữ qua « Mấy Vần Thơ »

Thơ là một phương tiện hữu hiệu nhất để diễn tả những cảm nghĩ và tư tưởng con người. Nhà nghệ sĩ thường dùng thơ để ký thác những ý nghĩ và cảm khái chân thành tha thiết của mình. Thi phẩm *Mấy Vần Thơ* của Thế Lữ là một trong những chứng tích minh thị điều đó. *Mấy Vần Thơ* (Tập Mới) do nhà xuất bản Đời Nay ấn hành lần vào năm 1941, và do bà vợ của Thế Lữ, sống tại miền Nam, đứng ra tái bản vào năm 1962 (1) Tập thơ có tổng cộng 47 áng thơ, gồm 45 bài thơ dài, ngắn và 2 truyện ngắn bằng thơ *(Hoa Thủy Tiên* và *Áng Mây Chiều)*. Trong *Mấy Vần Thơ*, Thế Lữ đã thành thật phô bày tất cả nhân sinh quan của chàng, nhân sinh quan của một thanh niên tự nhận mình là « cây đàn muôn điệu ». Tập thơ đã thâu góp những bài thơ mà chàng ta đã sáng tác từ khoảng năm 1930, nhiều bài đã được đăng rải rác trên các báo và tạp chí đương thời. Đọc tập thơ, chúng ta thấy Thế Lữ quả là một « cây đàn muôn điệu » bởi vì chàng có một nhân sinh quan rất phong phú; nhân sinh quan đó gồm có những đặc tính nổi bật như sau :

TỰ DO PHÓNG TÚNG. — Mở đầu bài thơ Cây Đàn Muôn Điệu (trang 36) Thế Lữ viết :

---

(1) Đúng ra, có lẽ do nhà Khai Trí đứng ra tái bản với sự ủy quyền của bà vợ Thế Lữ, nhưng trong sách chỉ thấy ghi là nhà sách Khai Trí phát hành. Tất cả những số trang sẽ trưng dẫn trong bài này đều căn cứ theo tập tái bản của nhà Khai Trí.

Tôi là người bộ hành phiêu lãng
Đường trần gian xuôi ngược để vui chơi...

Thật thế, kể từ khi bắt đầu lớn lên, cả cuộc đời Thế Lữ là một cuộc ngao du bất tận. Với một hồn thơ rộng mở, chàng ta đi, đi mãi trên đường đời để thưởng thức những cảnh đẹp của xứ sở, để tìm những cảm giác trong cuộc sống nay đây mai đó, và nhất là để thỏa mãn những ý thích của một con người yêu chuộng tự do, thích cuộc sống phóng túng, chứ không chịu để mình bị gò bó tại một địa điểm nào đó, trong một khoảng không gian nhỏ hẹp nào đó: Bài thơ *Con Người Vơ Vẩn* (trang 18) của Thế Lữ đã khiến người ta không thể không nhớ tới bài *Ma Bohème (Cuộc Sống Lang Thang Của Tôi)* của nhà thi sĩ Pháp Arthur Rimbaud. Mặc dầu chỉ đi giang hồ vặt chứ không có dịp làm những chuyến đi xa thật dữ dằn như Rimbaud, nhưng Thế Lữ vẫn xứng đáng được chúng ta coi như một khách giang hồ đích thực.

Tiếng pháo rắc trong thành phố vắng,
Mưa phùn rây cùng ánh đèn yên lặng
Gội lên mặt đường đen, loáng và xa.
Hai dẫy nhà kín cửa đứng trơ trơ
Điềm nhiên, mặc kệ con người vơ vẩn.

Đó là một kẻ không nơi trú ẩn,
Bốn phương trời xuôi ngược bấy lâu nay,
Tối ba mươi theo bước tới nơi đây,
Giữa hoan lạc riêng thấy mình trơ trọi.

Chàng ta ấn hai tay vào đáy túi,
— Túi rỗng không mà lòng cũng rỗng không —
Lê gót mòn trên đá, ngửng đầu trông
Những ảo tưởng vô hình cho kẻ khác.
Cơn gió thổi. Lá bàng rơi lác đác,
Cùng rơi theo loạt nước đọng trên cành

những cây khô đã chết cả màu xanh,
Trong giây phút lạnh lùng tê tái ấy...

(Con Người Vơ Vẩn)

Tối ba mươi tết. Trời rất lạnh. Đường xá vắng ngắt. Mọi người đều qui tụ trong nhà ấm áp để chờ đón Xuân sang. Vậy mà nhà thơ của chúng ta, vì không nhà không cửa nên đang phải lang thang một mình ngoài phố. Đói rét. Lạnh lùng. Cô độc. Buồn tủi. Đã hết đâu, trong lúc đó, trong giây phút lạnh lùng tê tái ấy, những cảnh sống đầm ấm của những kẻ khác đã khiến cho chàng vốn đang buồn tủi lại càng thêm buồn tủi. Kia, cửa nhà ai đang hé mở, chàng ta đưa mắt nhìn vào để thấy một cảnh bình yên, đầm ấm, êm đềm và đầy đủ với những khóm hoa đào nằm dưới ánh đèn lộng lẫy, với bàn thờ tổ tiên khói hương nghi ngút, với tủ chè câu đối, chậu xứ cây xanh, cốc ngọc thủy tiên. Cảnh đó khiến cho khách giang hồ không nhà cửa phải xôn xao trong dạ, muốn dừng bước phiêu du để cố tạo cho mình một cảnh êm ấm như thế. Thế nhưng giây phút trạnh lòng đó chỉ thoáng một chút mà thôi. Lãng tử ngoảnh mặt, rồi âm thầm bước đi trên con đường vô định.

Trên đường phiêu lưu, thỉnh thoảng chàng ta lại gặp một giai nhân, một thiếu nữ nào đó, yêu kiều. dịu dàng, cảm mến chàng và đã khiến cho lòng chàng cũng phải rung động. Chàng rất lưu luyến người đẹp, và đã thấy lòng mình mềm yếu hẳn đi. thế nhưng, rốt cuộc, chàng đã không đến nỗi quá mềm yếu để phải dừng lại. Chàng cương quyết dứt áo ra đi bởi chàng nhận thấy mình không được phép ngừng nghỉ. Vì sao không được phép dừng bước? Vì chàng tự nhận thấy mình là một kẻ « chinh phu »

Ta là một khách chinh phu
Dấn bước truân chuyên khắp hải hồ
Mũ lợt bốn bề sương nắng gội,
Phong trần quen biết mặt âu lo.

Vất vả bao từng, chi xá kể ?
Gian lao như lửa rèn tâm chí,

Bấy lâu non nước mải xông pha,
Chưa phút dừng chân chưa lúc nghỉ.

Trong thuở sinh bình đôi mắt ta
Không hề cho đẫm lệ bao giờ!
Cười phen thất bại, khinh nguy hiểm,
Nện gót vang đường nhịp khúc ca.

Đang độ nam nhi vui trẻ hoài
Sầu tư bi thiết gác bên tai,
Trái tim chỉ rộn khi căm tức
Ghét lũ vô nhân, giận nỗi đời..

(Tiếng Gọi Bên Sông, trang 10)

Thật ra, Thế Lữ đã không đi giang hồ với hoàn cảnh một kẻ chinh phu. Tiếng «chinh phu» chỉ là một cái cớ nhỏ, hoặc chỉ là một lối nói mà thôi. Chàng đi giang hồ cốt để thoả ý thích của mình, ý thích của một kẻ vì thấy cảnh phồn hoa đầy vẻ ô trọc giả dối nên không muốn sống mãi trong cảnh phồn hoa, của một kẻ yêu thích thiên nhiên, khoái những phong cảnh mới, những chân trời mới, của một kẻ không muốn mình bị giam hãm gò bó tại một nơi như một con hổ (cọp) bị nhốt trong sở Thú. Bài thơ *Nhớ Rừng (Lời con hổ ở vườn Bách Thú)* đã phô bày rõ cái tâm trạng của một người ham cuộc sống phóng khoáng tự do, và ghê sợ cuộc sống trói buộc giữa cảnh nhàm chán bất biến. Bài *Nhớ Rừng*, mở đầu cho tập *Mấy Vần Thơ*, là một trong những bài danh tiếng nhất của Thế Lữ. Tác giả nhìn chúa sơn lâm bị nhốt trong chuồng sắt để mà tránh lòng thương cảm ái ngại cho những kẻ có khí phách, có tài trí, giàu tâm huyết lỡ cơ bị sa vào cảnh mất tự do, bị lũ người ngạo mạn, ngốc nghếch coi như một thứ trò chơi, một thứ vật lạ mắt:

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua.
Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,
Giương mắt bé, riễu oai linh rừng thẳm,

Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm,
Để làm trò lạ mắt thứ đồ chơi.
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự...

Con hổ quả có đủ tư cách để khinh miệt tất cả những người những vật khác chung quanh nó, bởi vì khi xưa, trước lúc bị sa cơ, nó vốn là chúa tể của rừng xanh, chúa tể của muôn loài, tất cả mọi sinh vật khác đều phải sợ nó :

Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
Thủa tung hoành hống hách những ngày xưa.
Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già,
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi,
Với khi thét khúc trường ca dữ dội,
Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng,
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng
Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc.
Trong hang tối, mắt thần khi đã quắc,
Là khiến cho mọi vật đều im hơi,
Ta biết ta chúa tể muôn loài
Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi...

Một sinh vật oai nghi dũng liệt như vậy, vốn quen sống phóng túng ngang tàng như vậy mà nay bị giam hãm trong một chỗ nhơ bẩn, quá đỗi chật hẹp thì quả thật không còn gì đáng mỉa mai hơn, đáng chua xót hơn. Càng tưởng nhớ đến cái dĩ vãng oai hùng lộng lẫy ngày xưa, niềm uất hận của con hổ càng thêm sôi sục :

Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu,
Ghét những cảnh không đời nào thay đổi,
Những cảnh sửa sang, tầm thường, giả dối ;
Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng cây trồng ;
Giải nước đen giả suối, chẳng thông giòng
Len dưới nách những mô gò thấp kém :
Dăm vừng lá hiền lành không bí hiểm,
Cũng học đòi bắt chước vẻ hoang vu
Của chốn ngàn năm cao cả, âm u...

Trong lúc viết bài thơ *Nhớ Rừng*, chắc hẳn Thế Lữ có hai ý tưởng muốn phát biểu. Ý tưởng thứ nhất là dùng biểu tượng một chúa sơn lâm bị mất tự do để nói lên sự quý giá vô biên của cuộc sống tự do, nhất là sự tự do của những người vốn ham chuộng tự do. Suy luận một cách hẹp hơn, chúng ta thấy tác giả mượn chuyện con hổ (cọp) đó để nói rằng ông là người rất ưa sống tự do, phóng khoáng, vốn rất ghét những cảnh không đời nào thay đổi, những cảnh nhân tạo, gò bó, thấp kém, trơ trẽn không có gì làm hấp dẫn đối với tác giả. Nếu con hổ là biểu tượng cho sự mất tự do, thì cái chuồng hổ là biểu tượng cho cuộc sống định vị tại một nơi nào đó, một nơi mà người ta phải chôn chân tại chỗ ấy, không còn có hoàn cảnh, có dịp thuận tiện để chuyển dịch ngõ hầu gặp những chân trời mới để có những cảm giác mới, những kiến thức mới, những rung động mới. Như vậy chúng ta không lạ gì khi thấy « con người vơ vẩn » trong đêm ba mươi tết lang thang ngoài đường phố vắng vẻ lạnh lẽo, chợt nhìn thấy cảnh một gia đình ấm cúng, đã bồi hồi, đã man mác, nhưng vẫn có thể cương quyết quay mặt đi, không nhìn cảnh đó nữa. Tại sao chàng ta đã có thể ngoảnh mặt đi để tiếp tục bước trên đường sương gió ? Tại sao những thiếu nữ xinh tươi, dịu dàng mà chàng đã gặp và đã có cảm tình lại không thể giữ chàng ở lại được ? Bởi vì cuộc sống xê dịch, tự do phóng khoáng vốn có quá nhiều sức hấp dẫn của nó, và hình như chỉ trong một cuộc sinh hoạt như thế chàng ta mới thấy là mình đang sống thật với chính mình. Chàng ta phải xê dịch, phải xê dịch hoài hoài để tìm những vẻ đẹp của trần gian, để tìm những chất liệu cho sự sáng tạo. Chàng ta là một nghệ sĩ, và phải chăng mục đích chính, công việc chính của chàng là sáng tạo. Chàng ta muốn là một « cây đàn muôn điệu » nên chỉ một cuộc sống phóng khoáng như thế mới có thể cung cấp đủ « âm điệu » cho « tiếng đàn ». Có đi mới biết mặt sơn hà ; có đi mới thấy rõ mọi cảnh sống của đồng bào ; có đi mới được hưởng tất cả những nỗi xôn xao rung động, những hoài cảm man mác của một kẻ phiêu du ; có đi mới có dịp thấy mình cô đơn nhỏ bé trước cảnh trời nước bao la, núi cao, rừng rậm ; có đi mới có nhiều dịp để mà thương nhớ, ngậm ngùi ; có đi mới thấy mình được tự do. Đối với những kẻ giầu

tâm hồn, thích hưởng mọi thứ cảm giác, dễ dàng rung động trước mọi cảnh trí của cuộc sinh hoạt chung, không thích bị trói buộc gò bó, thật không gì quý cho bằng sự Tự Do. Còn một lý do nữa đã khiến cho Thế Lữ ưa cuộc sống xê dịch : đi để khỏi phải nhìn thấy mãi những cái thấp hèn, đê tiện của rất nhiều những kẻ sống chung quanh mình, để khỏi thấy những cảnh bất công diễn ra trong những đô thị, nơi mà người ta chỉ đâm đầu chạy theo danh lợi, chạy theo những tiện nghi xa hoa phù phiếm, nơi mà kẻ mạnh hiếp kẻ yếu, người giầu bóc lột người nghèo khổ ; nơi mà người ta quen đánh giá con người bằng tiền tài hôi tanh, bằng những danh vọng hão huyền, bằng nhà lầu, bằng xe hơi, là những cái mà nhà thơ của chúng ta thường khinh bỉ ; nơi mà cuộc sống vốn có cái vẻ ồn ào phức tạp không hợp với tính tình trầm tĩnh giản dị của chàng.

LÒNG YÊU NƯỚC. — Lúc bấy giờ Thế Lữ là một thanh niên nghệ sĩ giầu tâm huyết, giầu khí phách, nhưng lại đã trưởng thành giữa lúc đất nước thân yêu của chúng ta đang bị khổ đau nhục nhã dưới sự thống trị của bọn thực dân Pháp. Vì thế chàng đã không hiếm những lúc phẫn uất vì cảnh sống nô lệ. Bài thơ *Nhớ Rừng*, được đề tặng Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh) là kẻ cũng rất giầu lòng ái quốc, còn phát biểu tâm trạng của những kẻ đã cảm thấy mình nhục nhã vì bị bọn thống trị ngoại lai tước đoạt mất tự do. Con hổ kia còn là biểu tượng cho những nhà ái quốc, những nhà cách mạng (trong đó có Nhất Linh) đã bị thực dân Pháp giam giữ. Con hổ kia cũng là biểu tượng cho một dân tộc vốn có bốn ngàn năm văn hiến, vốn đã tạo được những trang sử cực kỳ vẻ vang liên quan tới những chiến công lừng lẫy trong những thời kỳ Trưng Nữ Vương, Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Quang Trung... mà nay bị lâm vào cảnh nô lệ. Bài *Nhớ Rừng* chứng tỏ Thế Lữ là một thanh niên Việt đầy khí phách có lòng ái quốc nhiệt thành. Bài đó cũng chứng tỏ chàng là một người can đảm. Dưới thời thực dân Pháp, bất cứ người Việt nào có thái độ, cử chỉ hoặc lời nói gì bầy tỏ lòng ái quốc sẽ bị bọn chúng để ý và tìm cách hãm hại. Vậy mà nhà thơ của chúng ta

cách mạng như Nguyễn Tường Tam, đã viết những bài thơ như bài *Nhớ Rừng* bầy tỏ sự đắng cay, uất hận của những kẻ bị mất tự do, đã tự xưng là một khách « chinh phu » (*Ta là một khách chinh phu — Dấn bước truân chuyên khắp hải hồ*...) Chinh phu có nghĩa là một chiến sĩ. Thế Lữ đã chẳng bao giờ đi lính cho Pháp, chẳng bao giờ khoác áo quân nhân, như vậy cái tiếng chiến sĩ (chinh phu) mà chàng ta tự xưng đó ắt phải có nghĩa là một chiến sĩ cách mạng vậy.

YÊU THIÊN NHIÊN — Là một người vốn không ưa thích cuộc sống đô hội ồn ào phức tạp đầy những cảnh lừa lọc giả trá, Thế Lữ thường hay tới với những cảnh thiên nhiên có núi cao sông rộng, có cây xanh bóng mát, có bầu không khí êm tĩnh, khoảng khoát trong sạch. Bài *Nhớ Rừng* không những bầy tỏ tâm trạng của một kẻ khí phách ngang tàng bị sa cơ nên nhớ cảnh sống tự do trong dĩ vãng, mà còn bầy tỏ tâm trạng của kẻ vốn yêu thích thiên nhiên. Phải là người đã từng sống nhiều với cảnh thiên nhiên; phải rất ưa thích thiên nhiên, người ta mới có thể tả cảnh thiên nhiên bằng những lời lẽ chính xác và đầy say mê như :

Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả, cây già,
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi.

. . . .

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan ?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn,
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới ?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng ?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng,
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật...

Trong nhiều bài thơ khác, Thế Lữ cũng đã tỏ ra có một ngòi bút tài tình linh động khi ông tả cảnh thiên nhiên. Chẳng hạn như đoạn thơ dưới đây của bài *Lựa Tiếng Đàn* (trang 13) :

Sáng hôm nay sương biếc toả mờ mờ
Như hương khói đượm đầu cau, mái rạ :
Ánh hồng tía rắc ngọc châu trên lá,
Trời trong xanh, chân trời đỏ hây hây.
Tiếng chim xuân ca nhí nhảnh ở trên cây.
Cảnh vui thế sao tôi còn buồn nữa ?

Trong bài *Tiếng Trúc Tuyệt Vời* (trang 15) cũng có những câu thơ tiết điệu êm đềm tả những tình cảm những âm thanh trong sáng và tuyệt vời được lồng vào cảnh thiên nhiên đầy sức hấp dẫn :

Tiếng địch thổi đâu đây
Cớ sao mà réo rắt ?
Lơ lửng cao đưa tận lưng trời xanh ngắt,
Mây bay... gió quyến mây bay...
Tiếng vi vút như khuyên van, như dìu dặt
Như hắt hiu cùng hơi gió heo may.

Ánh chiều thu
Lướt mặt hồ thu,
Sương hồng lam nhẹ lan trên sóng biếc,
Rặng lau già xao xác tiếng reo khô,
Như khua động nỗi nhớ nhung thương tiếc
Trong lòng người đứng bên hồ...

Thế Lữ yêu mến thiên nhiên bởi vì chàng cho rằng thiên không lừa dối ai bao giờ cả; bởi vì cảnh thtên nhiên, rộng rãi phóng khoáng, vốn hợp với tâm hồn rộng rãi phóng khoáng của chàng, bởi vì cảnh thiên nhiên, với những đặc tính của nó, giúp cho chàng dễ dàng suy tưởng về ý nghĩa cuộc đời. Chẳng hạn cảnh cao rộng của bãi bể Đồ Sơn vào một buổi chiều đã gợi cho những mối suy tư thâm trầm, những cảm hoài đầy tính cách triết lý, những cảm hoài khiến cho tâm hồn con người trở thành cao quý, phong phú hơn.

TÔN THỜ NGHỆ THUẬT — Ở cuộc sống này, mỗi người có một nỗi đam mê chính. Những bác lái buôn mê tiền bạc, nhiều khi không từ cả những hành động gian giảo đê hèn, chỉ cốt kiếm sao cho ra nhiều tiền. Chính trị gia hoặc là mê danh vọng hoặc là mê được dịp thuận tiện để có thể ra tay cứu dân cứu nước. Là một nghệ sĩ, dĩ nhiên nỗi mê say nhất của Thế Lữ là Nghệ Thuật, mà thơ là tiêu biểu. Đối với chàng, thơ là phương tiện lợi hại nhất mà chàng có thể dùng phát biểu tâm sự của chàng, để ca ngợi những vẻ đẹp của trời đất, để đả kích những sự xấu xa đê hèn. Đối với chàng, Thơ giống như một cây đàn muôn điệu mà chàng dùng để ca ngợi mọi vẻ đẹp của trần gian. Trong bài thơ *Cây Đàn Muôn Điệu*, chàng viết :

Tôi chỉ là một khách tình si
Ham vẻ Đẹp có muôn hình muôn thể.
Mượn lấy bút nàng Ly Tao tôi vẽ,
Và mượn cây đàn ngàn phím, tôi ca
Vẻ đẹp u trầm, đắm đuối, hay ngây thơ,
Cũng như vẻ đẹp cao siêu hùng tráng
Của non nước, của thi văn, tư tưởng ;
Dáng yêu kiều tha thướt khách giai nhân ;
Ánh tưng bừng linh hoạt nắng trời xuân ;
Vẻ sầu muộn âm thầm ngày mưa gió ;
Cảnh vĩ đại, sóng nghiêng trời, thác ngàn đổ ;
Nét mong manh thấp thoáng cánh hoa bay ;
Cảnh cơ hàn nơi nước đọng, bùn lầy ;
Thú sán lạn mơ hồ trong ảo mộng ;
Chí hăng hái ganh đua đời náo động :
Tôi đều yêu, đều kiếm đều say mê.

. . . .

Với Nàng Thơ, tôi có đàn muôn điệu
Với Nàng Thơ, tôi có bút muôn màu ;
Tôi muốn làm nhà nghệ sĩ nhiệm màu
Lấy thanh sắc trần gian làm tài liệu.

Thế Lữ mê say thơ đến độ coi Thơ như lẽ sống duy nhất của mình, và ông thường coi Nàng Thơ như người tình của mình

vậy. Không có cảnh giàu sang nào có thể khiến ông bỏ được Thơ ; không có người đàn bà nào có thể ngăn trở ông trên bước đường phục vụ cho Thơ. Đôi khi ông coi thơ như một thực thể có xác thịt, có linh hồn, biết đau đớn, biết đói lạnh, và lúc ấy ông nói tới Thơ như nói tới một con người thật sự bằng xương bằng thịt :

NÀNG THƠ LẠNH

Gió bấc giục về, Nương Tử rét
Bạn nghèo không sắm áo nhung tơ,
Sương thu gội mãi trên vai giá,
Ta lấy gì đây, đắp dáng Thơ ?

(trang 71)

Trong bài *Giục Hồn Thơ* (trang 69), ông đã cất tiếng nỉ non tâm sự với Nàng Thơ của ông như tâm sự với chính một người đàn bà vậy :

Nàng Thơ ơi, tâm hồn ta trống trải,
Ta đứng đây, lơ láo, hững hờ trông
Cảnh vô duyên không gợn tiếng tơ lòng ;
Ta đứng đây thẫn thờ mơ bóng bạn,
Trông giờ khắc lặng mang niềm ngao ngán,
Ly Tao ơi, nương tử của lòng ta !
Nỡ lòng ru, sơ lãng mối tình thơ ?

. . . .

Nàng Thơ ơi ! Nàng Thơ ! — Ta buồn lắm !
Đem lại đây ánh hương hoa say đắm,
Đem lại đây làn sương gió mơ màng
Đem lại đây cùng với điệu du dương,
Những tiếng khóc than hay lời cảm khái.
Để lòng ta thôi đừng khô héo mãi !
Để cho ta khi ngắm nắng, trông hoa,
Khi đứng bên hồ đón gió đưa qua,
Ta được thấy ánh lòng ta rung động,
Ta được thấy hồn thơ ta gợn sóng,
Thấy miệng cười bạn tiên tử yêu kiều
Và cùng ai chung giấc mộng cao siêu.

Có một điều chúng ta cần phân biệt rõ ràng chứ không nên ngộ nhận : thông thường người ta hay coi một người đàn bà có thực nào đó, mà người ta yêu mến, như nàng *Thơ* của mình vậy. Riêng phần Thế Lữ ông coi Nghệ Thuật, được biểu hiệu qua thơ, như một người đàn bà mà ông yêu tha thiết. Như vậy nàng Thơ của Thế Lữ là chính Thơ chứ không phải một người đàn bà có thật nào đó được coi như Thơ. Đối với ông Thơ còn là một thứ mà ông thành kính tôn thờ, mà ông coi như lẽ sống chính yếu của ông vậy, thiếu thơ tức là hết thở, thiếu thơ tức là chết. Ông đã mải mê với thơ đến độ không còn quá tha thiết với nhiều người đàn bà khác mà ông đã từng được gặp và tỏ ra lưu luyến với họ. Họ đã không thể nào cầm chân ông lại được bởi vì « Nàng Thơ » của ông — Thượng đế của ông — đã ra lệnh cho ông phải luôn là một kẻ phiêu lãng để kiếm những chất liệu nuôi dưỡng cho nàng. Đối với Thế Lữ, thơ là một cái Đạo, là một thứ tôn giáo.

CHÂN DUNG NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG THƠ THẾ LỮ — Chúng ta đã nhận định không một người đàn bà nào, dầu được ông yêu tới đâu, có thể ngăn cản nổi bước phiêu lãng của Thế Lữ, sự phiêu lãng cần thiết cho ông, phiêu lãng để thoả ý thích được sống một cách giản dị, tự do và phóng khoáng, phiêu lãng để kiếm những chất liệu nuôi dưỡng cho « người yêu » chính của ông tức là Thơ. Nhưng nói như vậy không phải có ý nói rằng Thế Lữ thờ ơ lạnh lùng đối với các người đẹp. Đối với một kẻ đa sầu đa cảm, dễ xúc động như Thế Lữ, làm sao có thể thờ ơ đối với những mỹ nhân được chứ. Trong *Mấy Vần Thơ*, chúng ta thấy Thế Lữ rất hay nói tới người đàn bà, và cũng thường ca ngợi vẻ xinh đẹp duyên dáng của họ. Trong bài *Cây Đàn Muôn Điệu*, theo lời tâm sự của ông thì một trong những sự kiện khiến tâm hồn ông rung động là « dáng yểu kiều tha thướt khách giai nhân », lại nữa ông cũng đã thường « Tôi thở than cùng thiếu nữ bâng khuâng ». Trong bài *Tiếng Gọi Bên Sông* (trang 10), khách « chinh phu » Thế Lữ đã gặp một cô thôn nữ và tiếng của cô gọi chàng hãy dừng bước để sống với cô đã khiến chàng cực kỳ xúc động. Tuy chàng ta không chịu dừng bước; không chịu bỏ dở chuyến đi, nhưng tiếng ái ân đó cũng đã khiến cho lòng chàng đau sót,

« nước mắt đầu tiên lã chã rơi », để rồi từ bữa đó, tâm trí khách phiêu lưu « thêm bận nỗi thương ai ».

Tiếng đi ần kia réo rắt hoài
Mà lời mây nước giục bên tai,
Đau lòng rứt mối tơ vương vấn,
Nước mắt đầu tiên lã chã rơi.

. . . .

Ta đi theo đuổi bước tương lai,
Để lại bên sông kẻ ngậm ngùi
Chỉ nặng bốn phương trời nước rộng
Từ nay thêm bận nỗi thương ai.

Cái tâm sự, cái nỗi lòng, cái hoàn cảnh ngậm ngùi như thế của kẻ phiêu lãng đa tình còn đã tái diễn trong bài thơ khác của ông như *Khúc Ca Hoài Xuân* (trang 28), *Mấy Vần Ngây Thơ* (trang 29), *Khúc Hát Bên Sông* (trang 51), *Hồ Xuân Và Thiếu Nữ* (trang 53) và nhất là bài *Bên Sông Đưa Khách* trang 33) :

Tôi tiễn đưa anh đến tận thuyền
Để dài thêm hạn cuộc tình duyên ;
Thuyền đi tôi sẽ rời chân lại
Tôi nhớ tình ta anh vội quên

Thuyền khách đi rồi tôi vẫn cho
Lòng tôi theo lát tới phương mô ?
Bâng khuâng trong mối sầu vô hạn
Không khóc, vì chưng mắt đã khô...

(Bên Sông Đưa Khách)

Lại thêm một cảnh chia tay đau xót giữa một trang tài tử với một giai nhân kỹ nữ. Cũng giống như hoàn cảnh của Giang Châu Tư Mã với nữ cầm giả trên bến Tầm Dương khi xưa. Trong *Bên Sông Đưa Khách*, tiếng thở than là tiếng của người đàn bà, nhưng đó cũng là tiếng thở than của chính gã đàn ông. Người kỹ nữ đau đớn ngậm ngùi. Gã đàn ông tuy không thổ lộ một chút gì tâm trạng mình về cuộc chia tay dứt áo đó, thế nhưng chúng ta vẫn biết chắc gã ta không thể nào « vội quên » được, gã ghi

lại lời của nàng, đã làm tâm hồn nàng để than thở hộ nàng, nếu như gã không đau đớn, gã không thể nào « nói hộ » nàng một cách thiết tha chân thực đến như thế. Tiếng lòng của nàng do đấy đã chính là tiếng lòng của gã.

Chân dung nàng kỹ nữ đó là thứ chân dung nội tại, một chân dung thật dễ thương, dễ mến. Những chân dung phụ nữ tuyệt vời như thế có nhiều trong *Mấy Vần Thơ*. Đây là một chân dung khác, thật tuyệt vời :

HỒ XUÂN VÀ THIẾU NỮ

Trên mặt hồ in màu ngọc biếc
Cô em đang chơi chiếc thuyền con
Lẳng lơ như cái chuồn chuồn,
Rỡn đuôi trên nước chập chờn ghẹo hoa.

Chân gió nhẹ lướt qua làn sóng,
Nắng chiều xuân rung động trên cành,
Mấy hàng lau yếu nghiêng mình
Cô em bỗng ngẩn ngơ tình vì đâu ?

Đặt mái chèo, ngả đầu trên gối,
Trông mây chiều phơi phới trên kia...
Hỏi xem mây có duyên gì,
Mà con chim én đi về lửng lơ... ?

Mặc dầu thường e ngại một cuộc tình quá mê man quá đắm đuối sẽ gây trở ngại cho tương lai của mình, nhưng Thế Lữ vẫn không thể nào không thiết tha ca ngợi Ái Tình. Hoặc ông nhập vào tâm trạng của các thiếu nữ để nói lên lòng thèm khát tình yêu, hoặc ông ca ngợi dáng vẻ họ và tâm hồn họ khi họ thèm khát tình yêu, hoặc đôi khi ông nói tới sự mau qua của tuổi xuân để kêu gọi họ hãy yêu đi :

Nhưng em ơi, vẻ xanh tươi trong trời đất
Tuy đến hạn u tàn, xong chẳng mất :
Đông qua, lại thấy xuân sang,

Còn vẻ đẹp giai nhân, đắm đuối rõ ràng,
Gồm những áng tinh hoa bao cảnh sắc,
Phải đâu cũng lâu bền như non nước ?
Một ngày kia, em ngắm lại dung nhan,
Em sẽ cùng ta buồn trách thời gian,
Tiếc cảnh vui qua, tiếc màu rực rỡ
Của xuân đời ngàn năm không về nữa.

*

Vậy thì yên đi, vui mãi, bạn lòng ơi !
Dù khi ánh quang minh soi má hồng phai,
Thấy áng tóc điểm thưa màu sương bạc,
Thấy nét thắm miệng hoa dần đã nhạt,
Nước hồ thu đôi mắt đã mờ ;
Em vẫn còn giữ được tấm lòng xưa.
Vì, em ơi, khi nặng mang tình ái.
Thì xuân sắc nắng sương tuy dầu giãi,
Ngày xuân xanh khe khắt vô tình qua,
Nhưng lòng xuân muôn tuổi vẫn không già.

(Nhan Sắc, trang 56)

Chúng ta tưởng như đang nghe thấy tiếng nói của Lamartine trong bài *Le Lac* hoặc của Ronsard trong bài *Mignonne, allons voir si la rose...*

Nhưng cũng có một sự khác biệt : tình yêu của Lamartine thường là một thảm kịch, còn tình yêu của Thế Lữ thường chỉ có một nỗi buồn. Đối với Lamartine, tình yêu giữa trai và gái là lẽ sống chính yếu của ông ta ; còn đối với Thế Lữ, tình yêu thường khi cũng đầy vẻ đa diết ngậm ngùi, thế nhưng nó vẫn chỉ là phụ thuộc. Cuộc sống phóng túng tự do và Nghệ Thuật, đó mới là những lẽ sống quan trọng nhất của Thế Lữ.

YÊU ĐỜI.— Chính vì thế mà Thế Lữ đã không phải một kẻ chán đời như Lamartine. Thế Lữ nhận biết sự hiện hữu mỏng manh, phù phiếm của con người bé nhỏ giữa vũ trụ bao la đầy bí mật (*Trước Cảnh Cao Rộng*, trang 20); Thế Lữ cũng công nhận trong cuộc sống này có đầy những nỗi khổ đau, buồn bã, thế

nhưng ông không hề có giọng yếm thế, bởi ông biết rằng dầu sao trong cuộc sống cũng có nhiều nỗi vui, đằng khác thường khi ông còn tìm thấy nỗi vui trong chính nỗi buồn :

Tìm cảm giác hay trong tiếng khóc, câu cười,
Trong lúc gian lao, trong giờ sung sướng,
Khi phấn đấu cũng như hồi mơ tưởng.
Tôi yêu đời cùng với cảnh lầm than,
Cảnh thương tâm, ghê gớm hay dịu dàng
Cảnh rực rỡ, ái ân, hay dữ dội...

(Cây Đàn Muôn Điệu)

Những yếu tố nào đã giúp cho Thế Lữ có tinh thần yêu đời ?

Đời vốn có nhiều thú vị, nhiều nguồn an ủi, như cảnh đẹp của thiên nhiên, như sự hấp dẫn của cuộc sống phiêu lãng phóng khoáng tự do, những tình yêu tuy thoáng qua nhưng mặn mà, nhất là ở cuộc sống này còn có nghệ thuật, có nàng thơ, có trí tưởng tượng của chính tác giả, một trí tưởng tượng đủ phong phú đủ quyền lực tạo ra một cõi Mộng Ảo để nhà thơ nương náu trong đó.

Thử nhìn vào những cõi Mộng trong thơ Thế Lữ:

Chính thi ca đã là một cõi mộng tuyệt vời bởi vì thi ca vốn có một giá trị vạn năng, có nhiều bộ mặt, mà một trong những bộ mặt chính yếu của nó là cõi Mộng Ảo. Thi sĩ nương náu trong thơ, và trong thơ đó ông thường cảm thấy mình thoát tục.

Rồi đến cõi Mộng của trí tưởng tượng.

Quang cảnh trong những bài như *Tiếng Sáo Thiên Thai* (trang 17) *Mộng Ảnh* (trang 48) *Vẻ Đẹp Thoáng Qua* (trang 49) *Hoa Thủy Tiên* (trang 57) đều là những cõi Mộng Ảo tuyệt vời có đầy sức an ủi giúp cho những kẻ ẩn náu trong đó quên được những nỗi phiền muộn chán nản. Người ta sẽ quên hết buồn tủi khi lạc vào những cảnh cực kỳ êm đềm, trong sáng và kỳ ảo như thế.

Cho nên dù nhận thấy rõ ràng cả bề mặt lẫn bề trái của cuộc đời, cả cảnh tươi sáng lẫn cảnh đen tối của cuộc đời, nhưng với Thơ, với cuộc sống phóng khoáng, với những cõi mộng do

Thơ cũng như do chính ông tạo ra, với những bổn phận và trách nhiệm của một thi nhân đối với nhân loại, với khí phách của một thanh niên vừa giàu tình cảm, vừa giàu tâm huyết, dầu trong bất cứ cảnh ngộ nào Thế Lữ vẫn luôn luôn giữ được một tâm hồn bình tĩnh, trong sáng, một tư tưởng lạc quan, một lòng yêu đời tha thiết. Ông là một nhà thơ lãng mạn, nhưng lãng mạn một cách lành mạnh, một cách khoẻ khoắn, chứ không lãng mạn một cách mềm yếu và chán chường như Lamartine, như Alfred de Musset hoặc như Vũ Hoàng Chương.

Như chúng ta đã xét qua ở chương I, Thế Lữ là một trong những người đã có công lớn trong việc truyền bá, cổ động và phát huy thơ Mới thời Tiền Chiến. Tập *Mấy Vần Thơ* là một trong những thi phẩm tiêu biểu của thơ Mới, đồng thời cũng là chứng tích nói lên rõ ràng sự đắc thắng vẻ vang của phong trào Thơ Mới.

Các thể thơ trong tập này, ngoài lục bát là thể thơ cổ truyền của Việt Nam, tất cả các thể khác đều là những thể mới du nhập từ Tây Phương vào Việt Nam.

Ngôn ngữ trong thơ Thế Lữ rất bình dị, sáng sủa giống như ngôn ngữ trong thơ của phái Lãng Mạng Pháp Đó là thứ ngôn ngữ có đầy khả năng truyền thẳng những cảm xúc những tư tưởng, những hình ảnh trong thơ vào lòng độc giả khiến cho độc giả có thể lãnh hội thơ một cách dễ dàng.

Với văn pháp tươi sáng gọn gàng với những dụng ngữ phong phú nhưng chính xác, với những hình ảnh rất nổi bọc lấy những ý tưởng vừa say mê vừa phóng khoáng, thơ của Thế Lữ đã tạo ra những rung động mạnh mẽ, những hoài cảm thiết tha trong tâm hồn người đọc.

Ngoài ra, lẫn với văn pháp và ngôn ngữ chân thực sáng sủa đó, thỉnh thoảng Thế Lữ còn xài thứ bút pháp hơi có vẻ mung lung phiếu diêu rất giầu sức gợi cảm của thơ Tượng Trưng. Bài Nhớ Rừng là một bài hơi thấp thoáng tính chất tượng trưng, cũng giống như bài thơ *L'Albatros* của Baudelaire. Cả hai ông đã

dùng một con vật (Baudelaire dùng con chim albatros, Thế Lữ dùng con hổ) để biểu tượng cho nhà thi sĩ, cũng như cho tất cả những con người có khí phách, cao viễn hơn đời nhưng lỡ bị sa cơ.

Trong những bài như *Tiếng Trúc Tuyệt Vời*, *Tiếng Sáo Thiên Thai*, tính chất tượng trưng còn tăng thêm một mức độ nữa, do cái vẻ mơ hồ, phiếu diêu của những ý tưởng và hình ảnh, nhất là do cái nhạc điệu thật êm dịu trong thơ, đáp ứng được cái chủ trương « De la musique avant toute chose » (Thơ cần có nhạc tính trước hết mọi thứ) hoặc « De la mus'que encore et toujours ! » (nhạc tính thêm nữa và luôn luôn phải có nhạc tính). Cần hiểu rằng nhạc điệu trong thơ Tượng Trưng không phải thứ nhạc điệu hùng hồn sôi nổi. Để có được cái ma lực trong việc gây rung động, nhạc điệu đó cần phải rất êm dịu để có thể thấm dần vào lòng người đọc, len lấn và lê thê khiến cho người đọc bâng khuâng ngây ngất. Đó là thứ nhạc điệu làm cho độc giả lả dần vào cõi mộng. Nó không bi ai nức nở cũng không khêu gợi trâng tráo. Nó thường có một giá trị thần chú có thể mê hoặc độc giả khiến họ bàng hoàng say đắm. Vài bài thơ của Thế Lữ trong *Mấy Vần Thơ*, mà tiêu biểu nhất là hai bài *Tiếng Trúc Tuyệt Vời* và *Tiếng Sáo Thiên Thai*, đã có được cái nhạc tính cần thiết đó :

Ánh chiều thu
Lướt mặt hồ thu
Sương hồng lam nhẹ lan trên sóng biếc
Rặng lau già xao xác tiếng reo khô
Như khua động nỗi nhớ nhung thương tiếc
Trong lòng người đứng bên hồ.

Cô em đứng bên hồ
Nghiêng tựa mình cây, dáng thẫn thơ
Chừng cô tưởng đến ngày vui sẽ mất.
Mà sắc đẹp rỡ ràng rồi sẽ tắt
Như bóng chiều dần khuất
Dưới chân trời...
(Tiếng Trúc Tuyệt Vời)

Ánh xuân lướt cỏ xuân tươi
Bên rừng thổi sáo một hai Kim Đồng

Tiếng đưa hiu hắt bên lòng
Buồn ơi! xa vắng mênh mông là buồn...
Tiên Nga tóc sõa bên nguồn.
Hàng tùng rủ rỉ trên cồn đìu hiu
Mây hồng ngừng lại sau đèo
Mình cây nắng nhuộm, bóng chiều không đi.
Trời cao, xanh ngắt. — Ô kìa.
Hai con hạc trắng bay về Bồng Lai...
(Tiếng Sáo Thiên Thai)

Những đoạn thơ trên — của bài *Tiếng Trúc Tuyệt Vời* — đã có một nhạc điệu êm đềm đầy sức quyến rũ nhờ ở những câu thơ thuộc loại phá thể, dài ngắn thất thường nhưng lại được quy định cho hòa hợp với nhau rất vừa khớ; nhờ ở những tiếng bằng, trắc (bằng nhiều, trắc ít) xen lẫn vào nhau một cách thật đúng chỗ; nhờ ở những dụng ngữ chính xác, những hình ảnh mờ ảo đầy sức gợi cảm. Những đoạn thơ trích trong *Tiếng Sáo Thiên Thai* cũng có rất nhiều nhạc tính, thật êm ái thật dịu nhẹ mà vẫn du dương uyển chuyển nhờ ở thể thơ lục bát — vốn dĩ đã có nhiều nhạc tính — mang trong đó những hình ảnh phiếu diễu mơ màng (Kim Đồng thổi sáo bên rừng, Tiên Nga tóc sõa bên nguồn, hàng cây tùng trên cồn vắng, mây hồng sau ngọn đèo, những thân cây tắm nắng chiều, đôi hạc trắng lặng lẽ bay trên trời cao xanh ngắt) được trợ lực bằng những dụng ngữ thật êm thật mơ hồ như *hiu hắt, xa vắng, mênh mông, rủ rỉ, đìu hiu...*

Nhạc tính trong bài thơ trên của Thế Lữ do đấy có hai đặc điểm: 1) nhiều ma lực gợi cảm không kém gì những bài thơ có nhiều nhạc tính nhất của các thi sĩ Tượng Trưng Pháp chẳng hạn *L'Invitation au voyage* của Baudelaire, *Le ciel est, pardessus le toit...* của Verlaine, *Apparition* của Mallarmé hoặc *Elégie* của Albert Samain... 2) nhạc tính trong thơ Thế Lữ lại có được một âm điệu Á Đông rất hợp với tâm hồn và cảm quan của người Việt.

Với thi phẩm *Mấy Vần Thơ* (tập mới), Thế Lữ đáng được coi là một trong những thi sĩ tài giỏi nhất của Việt Nam. Ông đã

là một trong những kiện tướng văn học có công lớn trong việc truyền bá thơ Mới và tạo sự chiến thắng hiển hách cho lối thơ này thời Tiền Chiến. Nội dung *Mấy Vần Thơ* chứa đựng tư tưởng, khát vọng và nhân sinh quan của một thanh niên Việt giàu tình cảm, giàu khí phách, rất say mê Nghệ Thuật, ham chuộng cuộc sống phóng khoáng tự do, lãng mạn một cách lành mạnh, thừa thông minh và khả năng để có thể dùng thơ truyền bá đắc lực những tư tưởng và tình cảm nồng nàn, trong sáng, tạo ra một sinh khí mới trong tâm hồn người thanh niên Việt dưới thời Pháp thuộc. Giá trị nội dung đó còn đã được nâng cao thêm bằng một hình thức thơ phù hợp, rất mới mẻ, rất giàu sức truyền cảm hoặc gợi cảm. Với tâm hồn đó, với tài năng đó, Thế Lữ đã thành công lớn trong việc truyền đạt những tư tưởng cao đẹp cho kẻ đồng loại, đồng thời đã khiến cho kho tàng thi ca Việt Nam thêm nhiều vẻ phong phú.

III

Hàn Mặc Tử qua «Thơ Hàn Mặc Tử»

Hàn Mặc Tử là một kẻ bất hạnh vì đã bị thần Bịnh tật hành hạ. Như chúng ta đã biết ông đã mắc phải bịnh cùi, chứng nan y, và chứng bịnh đó đã khiến cho ông rất đau khổ, buồn tủi. Tuy nhiên, nỗi đau khổ thường khi có vẻ tuyệt vọng đó của ông đã có hai mãnh lực mạnh mẽ ngang nhau nhưng lại gần như trái ngược với nhau : nếu căn bịnh ngặt nghèo đó đã tàn phá cơ thể ông, thì cùng lúc nó đã góp phần kiến tạo đắc lực tâm hồn ông khiến cho ông trở thành một thi sĩ trác tuyệt. Đã đành rằng tài năng về thơ của ông là thứ tài năng thiên bẩm, nếu như ông không mắc phải bệnh cùi ông vẫn có tài năng đó, thế nhưng khi đọc thơ ông, chúng ta phải nhìn nhận rằng, chứng bịnh nan y ấy, hoàn cảnh đau khổ ấy đã là động lực khiến cho tài năng sẵn có của ông phong phú thêm lên rất nhiều.

Hàn Mặc Tử đã để lại cho hậu thế những áng thơ bất hủ và trong số những thi phẩm của ông, tác phẩm tiêu biểu hơn cả vẫn là tập « Thơ Hàn Mặc Tử » qua nó người đọc có thể nhìn thấy đầy

đủ thi tài và tâm trạng của Hàn. Thơ Hàn Mặc Tử đã do nhà xuất bản Đông Phương ấn hành lần đầu tiên vào năm 1942, và do nhà Tân Việt in lại vào năm 1959.

Cuốn thơ này đã là cả một thế giới rất phong phú cả về tư tưởng lẫn Nghệ Thuật. Tất cả những khách yêu thơ, tất cả những kẻ ham chuộng văn chương tư tưởng đều không thể không mở một hoặc những chuyến đi vào thăm thế giới đó. Nếu bạn đã từng bước vào đó rồi, thiết tưởng bạn nên vào thăm trong đó thêm nhiều lần nữa, bởi vì thơ Hàn mặc Tử rất cao diệu phong phú nên tôi dám tin rằng cứ thêm một lần bạn bước chân vào đó bạn sẽ lại thâu đạt thêm được những rung cảm mới. Còn nếu như bạn chưa từng vào thăm trong đó bao giờ thì, thưa bạn, đây là một dịp rất tốt đẹp cho bạn.

Thế giới « Thơ Hàn Mặc Tử » có những gì đáng kể ? Mời bạn bước vào...

Căn cứ theo tập in lần thứ hai (1959) của nhà Tân Việt thì thi phẩm *Thơ Hàn Mặc Tử* gồm có một bài tạm coi như bài tựa của chính tác giả và 51 bài thơ nằm trong năm mục đề : 1) Thơ Đường Luật (7 bài). 2) Gái Quê (3 bài). 3) Đau Thương (29 bài). 4) Xuân Như Ý (12 bài). Chúng ta đã tính là 51 bài tất cả, nhưng nếu tính cho hợp lý hơn nữa thì tổng cộng phải là 52 bài, bởi vì chính bài «tựa» của tác giả cũng phải được coi là một bài thơ, vì nó đầy chất thơ.

TRĂNG — « Ai nói vườn trăng là vườn mơ ». Ngay câu mở đầu bài « tựa » tập *Thơ Hàn Mặc Tử*, thi sĩ của chúng ta đã nói ngay tới trăng rồi. Và để rồi, trong suốt tập thơ, Hàn Mặc Tử luôn luôn nói tới trăng. Ánh trăng bàng bạc khắp nơi tạo cho tập thơ một không khí huyền ảo nhiều khí âm và rất ít khí dương. Trong *Thơ Hàn Mặc Tử*, trăng thường hiển hiện một cách sống động, như có thể xác, có linh hồn, biết yêu biết ghét, biết hờn giận, biết đau khổ. Trong bài *Đêm Không Ngủ* (trang 14) (1)

(1) Tất cả những số trang trong bài khảo luận này được căn cứ theo tập in lần thứ hai của nhà Tân Việt. Cần lưu ý : trong bản này của nhà Tân Việt, số trang chỉ được ghi trong mục lục mà thôi. Vậy nếu hiện bạn đang có tập Thơ Hàn Mặc Tử (in lần hai) trước mặt, bạn có thể chiếu theo « mục lục » để ghi số trang cho mỗi bài thơ.

chúng ta thấy « Bóng Nguyệt leo song sờ sẫm gối ». Trong bài *Bẽn Lẽn* (trang 22) : « Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu, — Đợi gió đông về để lả lơi ». Trong bài *Huyền Ảo* (trang 31) : « Mới lớn lên trăng đã thẹn thò, — Thơm như tình ái của ni cô. » hoặc « Không gian đầy đặc toàn trăng cả : — Tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng. » Trong bài *Hãy Nhập Hồn Em* (trang 43) : « Bỗng đêm nay, trước cửa bóng trăng quỳ, — Sấp mặt xuống uốn mình theo dáng liễu. » Trong *Phan Thiết ! Phan Thiết !* (trang 81) : « Trăng tan tành rơi xuống một cù lao — Hóa đài điện đã rất nên tráng lệ. » Hàn Mặc Tử thường tỏ ra mình có liên hệ rất chặt chẽ đến trăng. Đôi khi ông thấy chính ông là trăng (tôi cũng trăng mà nàng cũng trăng), rồi có những lúc ông ôm ấp trăng, vuốt ve trăng, tâm sự với trăng, nhập vào ánh trăng, ngủ với trăng, miệng ông, mắt ông, môi ông, cũng như tâm hồn ông thường đầy trăng :

Cả miệng ta trăng là trăng
Cả lòng ta vô số gái hồng nhan ;
(Một Miệng Trăng, trang 51)

Tôi giả chết và no nê vô hạn
Cười như điên, sặc sụa cả mùi trăng.
Áo tôi là một thứ ngợp hơn vàng,
Hồn đã cấu, đã cào nhai ngấu nghiến !
Thịt da tôi sượng sần và tê điếng,
Tôi đau vì rùng rợn đến vô biên.
Tôi dìm hồn xuống một vũng trăng êm,
Cho trăng ngập, trăng dồn lên tới ngực...
(Hồn Là Ai, trang 53)

Vì sao mà trăng đã ám ảnh Hàn Mặc Tử dữ dội đến như thế ? Có người viện y lý cho rằng trong trường hợp người mắc bịnh cùi, trăng càng sáng tỏ họ càng đau đớn nhức nhối, do đấy tâm hồn họ càng thêm náo động. Hàn Mặc Tử bị bịnh cùi nên ông đã vì thế mà bị trăng ám ảnh thật mãnh liệt. Riêng tôi, tôi không tin cái lý do y học đó là xác thực. Theo ý tôi, sở dĩ Hàn Mặc Tử hay nói đến trăng là vì ông rất ưa thích trăng, bởi ánh trăng thường tạo cho cảnh vật một vẻ mơ hồ huyền ảo rất hợp với tâm hồn ông. Nếu trăng có khả năng tạo vẻ huyền hoặc cho vũ

trụ thì nó cũng đã góp phần rất lớn vào việc tạo vẻ huyền hoặc cho thơ Hàn Mặc Tử. Không khi thơ ông vốn có vẻ mung lung phiếu diễu, mỗi khi có trăng nó càng mung lung phiếu diễu hơn. Lại nữa, Hàn Mặc Tử là người ưa sống trong cảnh mộng; ánh trăng đã thường hiến cho ông những cảnh mộng tuyệt vời. Còn gì mộng ảo hơn những cảnh như : « *Ngả nghiêng đồi cao bọc trăng ngủ, — Đầy mình lốm đốm những hào quang* » (*Ngủ Với Trăng*, trang 49) hoặc cảnh *Đà Lạt Trăng Mờ* :

Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu
Trời mơ trong cảnh thực huyền mơ!
Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt,
Như đón từ xa một ý thơ.

Ai hãy làm thinh chớ nói nhiều
Để nghe dưới nước đáy hồ reo;
Để nghe tơ liễu run trong gió,
Và để xem trời giải nghĩa yêu...

Hàn Mặc Tử là kẻ ưa thích những cảnh mơ màng ảo diệu. Ánh trăng dễ gây nên những cảnh như thế nên ông đã bị trăng ám ảnh một cách đặc biệt, và sự ám ảnh đó đã khiến cho thơ ông có đầy trăng. Như vậy trăng là một trong những yếu tố quan trọng nhất của thơ Hàn Mặc Tử.

ĐAU KHỔ — Thơ Hàn Mặc Tử có không hiếm những chỗ đầy giọng buồn thương. Trong bài *Sầu Vạn Cổ* (trang 44) ông than thở :

Lòng ta sầu thảm hơn mùa lạnh,
Hơn hết u buồn của nước mây,
Của những tình duyên thương lỡ dở,
Của lời rên siết gió heo may...

Trong bài *Cuối Thu* (trang 40), ông còn có giọng buồn thảm ghê gớm hơn thế nữa :

Mây vẽ hằng hà sa số lệ.
Là nguồn ly biệt giữa cô đơn.

Tôi vẫn còn đây hay ở đâu ?
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu ?
Sao bông phượng nở trong màu huyết,
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu ?

(Những Giọt Lệ, trang 38)

Trong *Thơ Hàn Mặc Tử*, người ta thường gặp những lời thơ đau đớn tuyệt vọng khủng khiếp đến như thế.

TÌNH YÊU ĐAM MÊ — Hàn Mặc Tử sống trong sự buồn tủi, sống trong tuyệt vọng, nhưng dầu buồn tủi đến mấy, dầu tuyệt vọng đến đâu chàng vẫn cứ tha thiết với tình yêu. Tuyệt vọng nhưng vẫn cứ thương, cứ nhớ, cứ thèm khát yêu đương. Tâm trạng rắc rối phức tạp gần như mâu thuẫn đó đã khiến cho tình yêu của chàng càng thêm sôi nổi. Nhận được bài thơ của người yêu (Mai Đình chăng ?) chàng đã :

Anh đã ngâm và đã thuộc làu
Cả người rung động bởi thương đau,
Bởi vì mê mẩn vì khoan khoái
Anh cắn lời thơ để máu trào...

Lời thơ ngậm cứng không rên rỉ,
Mà máu tim anh vọt láng lai.
Thơ ở trong lòng reo chẳng ngớt,
Tiếng vang tha thiết dội khắp nơi

(Lưu Luyến, trang 42)

Mặc dầu tuyệt vọng nhưng không phải không có những lúc cuộc đời chàng được hưởng tình yêu. Chẳng hạn chàng đã từng sống chung với Mai Đình trong ít lâu. Trong những dịp xum họp ngắn ngủi như thế, chàng đã cố gắng tận hưởng tình yêu, nên tình của chàng rất thiết tha và mãnh liệt :

Cứ nhắm mắt cứ yên nhau như chết,
Cứ sảng sốt, tê mê và rũ liệt,
Đừng nghe chi âm hưởng địa cầu đang
Vỡ toang ra từng mảnh, cả không gian.
Cả thời gian, từ tạo thiên lập địa

Đều trộn trạo, điều hòa và xi xóa,
Thành hư không như tình ái đôi ta...

(Đôi Ta, trang 35)

Nhưng càng yêu nhau mãnh liệt, nồng cháy bao nhiêu thì lại càng đau đớn, bi thương khi phải xa nhau. Xa nhau nhưng tình của chàng vẫn còn, sự cô đơn, nỗi thất vọng càng làm cho tình đó thêm da diết. Tình cảm của Hàn Mặc Tử đã luôn luôn bị hành hạ, giày vò trong hoàn cảnh ngang trái như thế, nên những bài thơ tình của chàng luôn luôn có cái giọng đắm đuối, ngậm ngùi và ham hố đến cực độ, bầy tỏ một tâm hồn luôn luôn thèm khát và say mê.

MỘNG ẢO — Thực tế phũ phàng. Bệnh tật, sự nghèo túng, thói khinh thị của người đời đã khiến cho Hàn Mặc Tử thấy rõ trong cuộc sống này có đầy rẫy những thực tế phũ phàng. Chàng đã không sao chịu đựng nổi những thực tế đó. Chàng tìm phương thế trốn lánh chúng. Làm sao có thể trốn lánh được chúng ? Có hai cách. Cách thứ nhất : xa lánh những đám đông, tìm đến những nơi cô tịch để tìm sự an ủi của thiên nhiên. Cách này đã được rất nhiều người áp dụng Thế Lữ khi cảm thấy những sự độc ác, tàn nhẫn và giả dối của những người sống chung quanh mình đã đi tìm sự khuây khỏa trong những cảnh sắc thiên nhiên hoặc mơ màng hoặc hùng vĩ và luôn đầy vẻ trong sạch. Chateaubriand mỗi khi buồn vì tình đời đã mở những chuyến đi vào những miền rừng núi đầy vẻ hoang dã tịch liêu. Hàn Mặc Tử cũng thế, những lúc đau khổ vì tình đời và hoàn cảnh, chàng thường tìm đến những nơi vắng vẻ mong cho nỗi đau của chàng dịu lại. Khi bịnh trạng của chàng trở nặng, chàng đã xa lánh hẳn loài người bằng cách tới ở một túp lều tranh ở giữa một nơi hoang vắng khuất nẻo. Sống ở những nơi như thế, người ta sẽ cảm thấy cô đơn ghê gớm thế nhưng người ta cũng sẽ tìm thấy sự yên tĩnh trong cảnh vắng lặng. Sống ở những nơi như thế, người ta sẽ còn thấy tư tưởng mình phiêu diêu thanh thoát và cao quý thêm lên rất nhiều và chính sự phiêu diêu thanh thoát đó, chính những tư tưởng cao đẹp đó đã là những nguồn an ủi rất công hiệu cho những kẻ đang đau khổ bực dọc.

Còn một cách nữa là tự mình tạo cho mình một thế giới mộng ảo riêng để mình ẩn náu trong đó. Hàn Mặc Tử đã thường vận dụng Nghệ Thuật và trí tưởng tượng của mình để tạo ra một cõi mộng ảo như thế, trong đó không còn có những vẻ thấp hèn, tẻ nhạt, buồn thảm, nghèo nàn, tàn nhẫn của thực tại. Nếu không thỏa mãn được những đam mê của mình trong cõi Thực thì vẫn còn có thể thỏa mãn được chúng trong cõi Mộng, chứ sao. Trong cõi Mộng, tình sẽ không còn ngang trái, không còn đau thương, không còn tan vỡ, không còn « chết yểu ». Trong cõi Mộng đó :

Anh đã thoát hồn anh ngoài xác thịt,
Để chập chờn trong ánh sáng mông lung,
Để tìm em đưa hai tay ràng rịt
Mảnh tình thiêng ngả ngớn giữa không trung.

Anh đã gặp hồn em đương chới với,
Bến Mê Hà trên giải nước mênh mang.
Anh đã đón tình em bay phất phới,
Như hương trăng đầm thấm cõi không gian.

Chúng ta biến, em ơi làm thanh khí.
Cho tan ra hoà hợp với tinh anh
Của trời đất của muôn vàn ý nhị,
Và tình ta sáng láng như trăng thanh.

(Sáng Láng, trang 55)

Trong cõi Mộng đó, không còn những cảnh bịnh tật, nghèo nàn, không còn những cảnh tranh sống kèn cựa lẫn nhau, không còn những mùa hè nắng cháy, những mùa đông buốt giá, nhưng lúc nào cũng chỉ có một mùa Xuân tươi đẹp, một mùa Xuân vĩnh cửu :

Tứ thời xuân ! tứ thời xuân non nước !
Phút thiêng liêng nhuần gội ánh thiều quang
Thiên hạ bình và trời tuôn ơn phước,
Như triều thiên vờn lượn khắp không gian.

(Nguồn Thơm, trang 70)

Trong cảnh mộng ấy, thi sĩ của chúng ta tự thấy những nỗi khổ đau của mình tan biến hoặc dịu đi, bởi vì trong đó chàng

cảm thấy cuộc sống của mình thanh quý hơn gấp bội, tâm hồn của mình được tự do cởi mở, tự do vươn tới những cảnh cao sang mầu nhiệm, được thương yêu một cách thoải mái bằng những cuộc tình phong phú, đẹp đẽ tuyệt vời mà trong cõi Thực không thể nào có được. Đến đây chúng ta không còn lạ gì khi thấy chàng ham thích ánh trăng, ham thích những cảnh cô tịch, bao la, bởi vì ánh trăng và những cảnh đó vốn là những môi trường thuận tiện để khả năng Nghệ Thuật và trí tưởng tượng của chàng có thể tạo ra những cõi Mộng Ảo riêng cho chàng.

ẢNH HƯỞNG VÀ MÀU SẮC TÔN GIÁO — Thi sĩ Hàn Mặc Tử vốn là một tín đồ Thiên Chúa Giáo. Nhờ có tinh thần tôn giáo này mà tâm hồn chàng phong phú thêm rất nhiều, đồng thời những nỗi khổ đau của chàng cũng giảm bớt cường độ. Như chúng ta đều biết, vị lãnh đạo tối cao của đạo Thiên Chúa là chúa Jésus. Khi còn sống, đấng thánh nhân đó đã đứng về phía những người nghèo khổ, những kẻ bị áp bức; Ngài truyền bá cho nhân loại tinh thần bác ái, Ngài yên ủi những kẻ đau khổ bằng cách nâng đỡ tinh thần họ, đồng thời chính Ngài cũng vui lòng hứng chịu những nỗi khổ cực về cả tinh thần lẫn thể xác. Về tinh thần, chúa Jésus luôn luôn đau đớn vì thương xót chúng sinh, thương xót vì họ lầm lạc tội lỗi, thương xót vì họ không biết thương yêu nhau; về thể xác, Ngài đã sinh ra vào nhà nghèo, phải làm việc tay chân vất vả, phải trốn lánh những vụ khủng bố, ruồng bắt của các vua chúa độc tài ích kỷ, rồi Ngài lại sẵn lòng chịu chết vì chính nghĩa yêu thương, chịu chết để chuộc tội cho nhân loại, Ngài bị tra khảo, bị đánh đập, bị đội vòng gai sắt, vác cây thập giá nặng nề đi lên đỉnh núi Ca-la-va-ri-ô rồi bị đóng đinh và chết trên núi đó. Ngài bị đau đớn đến cùng cực nhưng Ngài đã nghiến răng chịu mọi cực hình không hề kêu ca gì cả, bởi Ngài muốn nêu gương nhẫn nhục cho những kẻ đau khổ, muốn cùng được chịu sự đau khổ với họ, để an ủi họ. Chúa Jésus cũng đã từng tuyên bố đại ý: Phước cho những kẻ đau khổ, bởi vì họ sẽ được hưởng nước Thiên Đường, sẽ được sống vinh hiển đời đời!

Thánh nữ Maria, mẹ Ngài, cũng là một kẻ đau khổ. Vâng theo ý muốn của Thượng Đế, trinh nữ đó đã vui lòng mang nặng

đẻ đau, đã vất vả nuôi con cho khôn lớn để rồi phải chứng kiến con trai mình chết một cách rất đau đớn rùng rợn trên thập giá. Trước cái chết đó của người con trai yêu dấu, Đức Mẹ đã cảm thấy như « bị dao sắc đâm xuyên qua trái tim mình vậy ». Tuy nhiên Đức Mẹ vẫn vui lòng chịu đựng mọi nỗi đau khổ, bởi Bà hiểu rằng con Bà đã chết để cứu chuộc cho nhân loại, để cảnh tỉnh những kẻ tội lỗi lầm lạc. Cả hai Đấng đã đau khổ nhưng hai Đấng đã can đảm nhẫn nhục chịu đựng sự đau khổ ấy để hiền dương cho chính nghĩa để phát huy lòng bác ái vị tha, để tạo một giá trị cao quý cho sự đau khổ.

Hàn Mặc Tử cũng là một người rất đau khổ — như chúng ta đã thấy — nhưng, là một tín đồ ngoan đạo, chắc chắn ông đã tìm được nhiều sự an ủi từ tấm gương chịu đựng đau khổ của Chúa Jésus và của Thánh Nữ Đồng Trinh Maria. Càng đau khổ bao nhiêu ông càng trông cậy vào sự an ủi đó của Chúa và Đức Mẹ. Đức tin Thiên Chúa Giáo đã là một trong những lẽ sống chính yếu của ông, cho nên thơ ông nhất là trong tập *Thơ Hàn Mặc Tử*, chúng ta thấy có rất nhiều ảnh hưởng và mầu sắc Thiên Chúa Giáo. Phần lớn những bài thơ trong tiết mục « Xuân Như Ý » đều đậm hương vị tôn giáo. Ông tin tưởng mãnh liệt vào tinh thần Đạo, bởi ông biết rằng tinh thần đó nâng cao tâm hồn bằng phát huy mạnh mẽ những tình cảm trong sạch và cao quý của con người. Ông tin rằng nhờ tình thương của Chúa, nhờ ơn sủng của Chúa, tư tưởng ông sẽ thanh cao, nhân đức của ông sẽ được phát huy, tài hoa của ông sẽ tinh tiến và nhờ đó cuộc đời ông sẽ có một lý tưởng tốt đẹp, một nguồn cảm hứng sung mãn, một ý nghĩa đích thực, một sự an ủi thật sự, một nỗi vui không bờ bến, vui với nhân đức cao sang, vui với sức chịu đựng những đau khổ. vui với một tinh thần bác ái, vị tha, vui với hi vọng mình sẽ được hưởng thụ sự sung sướng đích thực trên Thiên Cung, và nhất là vui với một khả năng sáng tạo tuyệt vời của Đức Tin đã tạo ra cho ông. Ở bài mở đầu tiết mục « Xuân Như Ý » (trang 65) ông viết :

Cho mau lên ! dồn ánh nguyệt vào đây... Lời thơ ta sẽ sáng trưng thất bảo. Tình cảm ta sẽ nóng ran như mặt trời. Ý tứ ta sẽ cao cường hơn ngọn núi.

Lạy Chúa Trời tôi ! Hãy ban cho tôi hằng hà sa số là ơn lành, ơn cả. Thơ tôi sẽ rất no, rất ốn, rất nư, trọng vọng như tài hoa, cao sang như nhân đức, chói chan vô vàn phước lộc...

Ôi ! Trời hạo nhiên đây không phải là công trình châu báu của Ngài sao !

Như chúng ta đã xét, đối với Hàn Mặc Tử, trăng có thể biểu dương cho đủ thứ : là tuyệt vọng, là vui sướng, là đau khổ, là bình yên, là điên loạn.., Ở mấy câu thơ trên, chắc hẳn ánh nguyệt biểu dương cho tinh thần và đức tin Thiên Chúa Giáo. *Cho mau lên ! dồn ánh nguyệt vào đây...* Cho mau lên dồn Đức Tin vào đây... *Lời thơ ta sẽ sáng trưng thất bảo...* Lạy Chúa Trời tôi ! Phải có ân sủng của Ngài tôi mới có thể sống xứng đáng và đầy đủ. Tất cả những vẻ đẹp của vũ trụ, của tâm hồn há chẳng phải đã từ công trình của Ngài mà phát xuất hay sao ! Hàn Mặc Tử coi Thượng Đế là một vẻ Đẹp hoàn hảo, một Chân Lý chính xác vì thế ông tin tưởng Chúa, trông cậy cả ở Chúa, coi Chúa như một nguồn Sống kỳ diệu.

Chính vì có Đức Tin vững mạnh, chính vì coi Chúa Jésus và Thánh Nữ Maria là một nguồn an ủi mạnh mẽ, một nguồn sống vô biên, chính vì ý thức tinh thần Thiên Chúa Giáo là một sự hứng khởi tuyệt vời, nên thơ Hàn Mặc Tử có nhiều mầu sắc và hương vị tôn giáo. Và chính bởi ông có Đức Tin thật sự, có cảm hứng cực kỳ mạnh mẽ từ Tôn Giáo, cũng như từ tấm gương bác ái cao cả và đầy hy sinh của Chúa Jésus, nên phần lớn những bài thơ « tôn giáo » của ông như *Ra Đời* (trang 69), *Nguồn Thơm* (trang 73), *Thánh Nữ Đồng Trinh Maria* (trang 95) là những bài tuyệt hay, đầy những ý tưởng vừa chân thành vừa cao diệu. Ông đau khổ vì không may mắc phải chứng bịnh nan y ; ông cũng biết ông là một nghệ sĩ vốn có tâm hồn mềm yếu thường có khuynh hướng tội lỗi. Nhưng ông hiểu rằng nếu ông trông cậy vào Chúa Jésus, nỗi đau khổ của ông sẽ dịu đi, tội lỗi của ông sẽ được gột rửa, tâm hồn ông sẽ được tinh lọc và sẽ cực kỳ giầu sang phong phú. Vì thế, trong bài *Đêm Xuân Cầu Nguyện* ông đã vừa thú nhận tội lỗi, vừa ca ngợi Chúa Jésus và xin Ngài ban cho ông những ân sủng cần thiết :

Trên chín tầng, điều động cả trân châu
Dường sống lại muôn ngàn hoa phẩm tiết,
Nhịp song đôi này đây cung cầm nguyệt
Ướp lời thơ thành phước lộc đường tu
Tôi van lơn thầm nguyện Chúa Giê-su
Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối,
Xin thứ tha những câu thơ tội lỗi
Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng :
Trong bao đêm xao xuyến vũng sông Hằng.

Bài thơ *Thánh Nữ Đồng Trinh Maria* có thể được coi là bài thơ tôn giáo hay nhất và đặc sắc nhất của Hàn Mặc Tử. Trong bài này, một Đức Tin cực kỳ mạnh mẽ, một lòng thành kính đầy sốt mến đối với Nữ Thánh Maria, những tình cảm và tư tưởng cao đẹp nhất của một nghệ sĩ đã được phát biểu bằng những câu thơ đầy nhịp tiết sôi nổi, những dụng ngữ phong phú và những hình ảnh độc đáo, tân kỳ :

Maria ! Linh hồn tôi ớn lạnh !
Run như run thần tử thấy long nhan,
Run như run hơi thở chạm tơ vàng...
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trìu mến.

Lạy Bà là Đấng tinh truyền thánh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn hộc từ bi,
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm lụy vừa trải qua dưới thế.

Tôi cảm động rưng rưng hai hàng lệ :
Giòng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ.
Bút tôi reo như châu ngọc đền vua ;
Trí tôi hớp bao nhiêu là khí vị...
Và trong miệng ngậm câu ca huyền bí,
Và trong tay nắm một nạm hào quang...

Bài *Thánh Nữ Đồng Trinh Maria*, cũng như bài *Đêm Xuân Cầu Nguyện* đáng được coi là áng thơ có giá trị siêu đẳng bất

cảm hứng từ tinh thần Thiên Chúa Giáo. Tôi tin rằng bất cứ khách yêu thơ nào, dầu có hay không có tinh thần Thiên Chúa Giáo, cũng đều phải rung động mãnh liệt khi thưởng thức những áng thơ như thế.

Về hình thức, khi khởi sự bước vào nghiệp thơ, Hàn Mặc Tử rất hay xài lối thơ Đường Luật. Trong tiết mục « Thơ Đường Luật » ở đầu tập *Thơ Hàn Mặc Tử* chúng ta thấy có 7 bài thơ của ông được làm theo thể Đường Luật. Điểm đặc biệt là thơ Đường Luật của Hàn khá đặc sắc với những cảm súc nồng nàn, những dụng ngữ phù hợp và những hình ảnh khá mới. Các bài *Đàn Nguyệt*, *Buồn Thu* và *Đêm Không Ngủ* là những bài tuyệt hay. Với những bài như thế, Hàn Mặc Tử có thể được sánh ngang hàng với những thi sĩ danh tiếng nhất của thời xưa như Nguyễn Khuyến hay Tú Xương.

BUỒN THU

Ấp úng không ra được nửa lời
Tình thu bi thiết lắm thu ơi!
Vội vàng cánh nhạn bay đi trốt,
Hiu hắt hơi may thoảng lại rồi...
Nằm gẳng đã không thành mộng được,
Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi.
Ngàn trùng bóng liễu trông xanh ngắt,
Cảnh sắp về đông mắt lệ vơi.

Dầu làm thơ Đường Luật rất hay, nhưng có lẽ vì thấy phong trào thơ Mới bột phát mạnh mẽ, và chăng cũng nhận ra những nét đặc biệt của thơ Mới, nên chỉ ít lâu sau, Hàn Mặc Tử đã từ bỏ thể Đường Luật để sử dụng những thể thơ Mới từ Tây Phương du nhập vào Việt Nam. Hàn là bạn thân của Bích Khê, cả hai đều ưa đọc thơ Pháp và rất thích thơ của những nhà thơ Tượng Trưng Pháp. Do đấy cả thơ Bích Khê lẫn thơ Hàn đều nặng khuynh hướng Tượng Trưng. Có điều thơ Tượng Trưng của Bích nhiều hương vị tây phương hơn thơ Hàn. Thơ tượng trưng của

Hàn như trong những bài *Dalat Trăng Mờ*, *Huyền Ảo*, *Thời Gian*, *Đàn Ngọc*, *Tương Tư*, *Cô Liêu*, *Ra Đời* v...v... có rất nhiều màu sắc Á Đông.

Đôi khi, Hàn còn sử dụng lối văn xuôi thi vị (prose poétique), như trong bài *Ai nói vườn trăng là vườn mơ...* (trang 7) hoặc *Cho màu lên! dồn ánh nguyệt vào đây...* (trang 65)

Thơ tượng trưng là lối thơ vừa giầu nhạc tính lại vừa giầu chất gợi cảm nên nó rất phù hợp trong việc diễn tả những tình cảm những tư tưởng của một con người có nhiều tình cảm phức tạp và ưa ẩn náu trong mộng ảo cũng như trong các nguồn cảm siêu hình như Hàn. Trong thơ Việt Nam, Hàn là một trong số những nhà thơ có khuynh hướng tượng trưng cao độ.

Với một khả năng sáng tạo phong phú, với những tình cảm nồng nàn sôi nổi, với nỗi đau khổ đặc biệt của một người bị mắc chứng bịnh nan y, với những cảm hứng tuyệt vời bắt nguồn từ tinh thần Thiên Chúa Giáo, với những đam mê cao độ trong tình yêu, Hàn Mặc Tử đã là một trong những thi sĩ độc đáo và tài giỏi nhất trong thi đàn Việt Nam.

IV

Vũ Hoàng Chương qua « Thơ Say »

Trong thi giới Việt Nam tại miền Nam Tự Do hiện nay, Vũ Hoàng Chương xứng đáng được coi như nhà thơ đại diện cho thơ Tiền Chiến. Từ 1940 tới nay, họ Vũ đã cho xuất bản trên mười tập thơ. Tôi chưa được đọc hết các thi phẩm của ông, mới chỉ đọc có 5 cuốn là *Thơ say* (1940), *Mây* (1943), *Rừng Phong* (1954), *Hoa Đăng* (1959) và *Cành Mai Trắng Mộng* (1968), và tôi nhận thấy trong số 5 thi phẩm đó, tập thơ đầu tay, tức *Thơ Say* vẫn là tác phẩm đặc sắc nhất và tiêu biểu nhất của ông. Căn cứ vào tập tái bản (1971) của nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng, thi tập *Thơ Say* có tổng cộng 32 bài thơ nằm trong 5 tiểu mục: SAY (6 bài), MÙA (2 bài), YÊU (8 bài), LỠ LÀNG (8 bài), LẠI SAY (8 bài).

CHẲNG SẦU — Vũ Hoàng Chương vốn có một tâm sự buồn, buồn đến độ sầu, và sầu cao chất ngất hoá nên cả một thành sầu :

Nhưng em ơi
Đất trời nghiêng ngửa
Mà trước mắt thành Sầu chưa sụp đổ...

Đó là mấy câu thơ nằm trong bài Say Đi Em, bài mở đầu cho tập *Thơ Say*.

Những nguyên do nào đã gây ra mối sầu đó ? Có một nguyên do phổ quát và vài nguyên do cá biệt. Nguyên do phổ quát : người Nghệ Sĩ thường thích một Lý Tưởng, nhưng Lý Tưởng tìm không thấy, hoặc có thấy nhưng nó chưa đúng với ý muốn của mình : đó là một nỗi sầu. Nghệ sĩ thường mơ tưởng và ham chuộng những sự thanh cao trong sạch, nhưng trong xã hội quanh mình có biết bao nhiêu sự đê tiện, nhơ nhớp : đó cũng là một nỗi sầu. Nghệ sĩ, tâm hồn vốn giản dị, nhưng đời lại kiêu bạc không dung tâm hồn giản dị đó : lại thêm một nỗi sầu, sầu vì cảm thấy mình cô đơn, cảm thấy mình « u uất nỗi chơ vơ », vì nghĩ rằng mình đã « đầu thai lầm thế kỷ. »

Lũ chúng ta lạc loài dăm bẩy đứa
Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh
Bể vô tận sá gì phương hướng nữa
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lênh đênh

Lũ chúng ta đầu thai lầm thế kỷ
Một đôi người u uất nỗi chơ vơ
Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị
Thuyền ơi thuyền xin ghé bến hoang sơ...

(Phương Xa, trang 21-22)

Cái tâm sự đau buồn đó của Vũ Hoàng Chương phải chăng cũng là cái tâm sự chung của nhiều nghệ sĩ, những người tính tình quen phóng khoáng, thích sống thực với lòng mình. Mình thực thà nhưng đời thường giả dối, mình hồn nhiên nhưng đời hay điệu bộ, mình giản dị nhưng đời phức tạp rắc rối, bởi thế

mà mình đâm ra bơ vơ, cô độc, lạc lõng trong xã hội loài người. Sự cô độc ấy là nguyên do của nỗi sầu.

Một nguyên do nữa: thất vọng vì tình. Làm sao biết chàng thanh niên đó đã thất tình? Câu trả lời chường ra rõ ràng trong những câu thơ đó. Nếu không thật sự thất tình hoặc nói cách khác, nếu chàng ta không thật sự ôm trong lòng một mối u tình, giống như Arvers chẳng hạn, thì làm sao chàng ta lại có thể viết được những câu thơ chân thật và thê thiết đến thế chứ:

Hôm qua tình đã chết
Anh đã chôn nó rồi
Anh khóc vì chôn nó
Là chôn cả một đời

Nhưng anh không đào huyệt
Không vùi đất như ai
Cũng không mua vải liệm
Cũng không mua quan tài

Anh chỉ đem chôn nó
Với nỗi niềm chua cay
Từng mảnh từng mảnh một
Trong mấy vần thơ đây

(U Tình, *trang* 60)

Nhưng thật ra, đối với những con người đa tình đa cảm như họ Vũ, chẳng cần phải có cả một khối u tình mới thành một sự thất vọng. Nguyên nhân có thể giản dị hơn thế nữa, không do một sự tan vỡ mà có thể do một cuộc xum họp, chẳng hạn như một cuộc hôn nhân. Đã có một đám cưới tất phải có một tối tân hôn. Trời ơi, trong tối tân hôn đó, ái tình đã bị giết chết cùng với những tình cảm trong sạch ngây thơ. Ái tình đã bị xác thịt thủ tiêu một cách thật tàn nhẫn:

Hai xác thịt lẫn vào nhau mê mải
Chút ngây thơ còn lại cũng vừa chôn

Khi tình dậy bùn nhơ nơi hạ giới
Đã dâng lên ngập quá nửa linh hồn

(Tối Tân Hôn, trang 40)

Ở đây, trong tâm hồn họ Vũ, cái chết của tình yêu thật dễ hiểu. Ái tình chỉ có thể sống trong cõi Mộng, mang nó tới bến Tục ắt nó phải chết, cũng như con cá quen sống dưới nước bị vứt lên bờ khô nắng cháy. Chiếc giường mới của đêm động phòng hoa chúc có khác gì mảnh đất nóng rẫy, khô nứt nẻ :

Thôi hết nhẹ thỏa đi niềm rạo rực
Từ cung Trăng rơi ngã xuống trần gian
Ta sắp uống bùn nhơ và Sự Thực
Sẽ mai đây giày xéo Giấc Mơ tàn

(Động Phòng Hoa Chúc)

Nhưng sự thực còn bi đát hơn thế nữa : nếu ái tình không bị xác thịt giết chết thì rồi tự nó nó cũng phải chết dần dần. Tình yêu vốn mỏng manh. Với thời gian nó sẽ tàn dần để đi tới chỗ tự hủy diệt. Hạnh phúc và niềm vui mà tình yêu cung ứng cho chúng ta vốn dĩ thấp thoáng mong manh như một cánh buồm trắng lững lờ trôi trên sông đêm :

Dưới chân sóng nức nở
Ta ngồi nghe buổi chiều
Bên ta gió nức nở
Ta ngồi mong người yêu

Một cánh buồm vải trắng
Trôi theo nước lững lờ
Từ khoang thuyền lanh lảnh
Tiếng hát bỗng cao đưa

Cánh buồm trắng đó là hình ảnh của hạnh phúc, tiếng hát cao đưa ấy là sự phát biểu một niềm vui. Nhưng than ôi, cánh buồm trắng vừa xuất hiện nó đã chực biến mất, tiếng hát vừa vang lên nó đã muốn tắt đi :

Cánh buồm ngày một nhỏ
Tiếng hát ngày thêm xa
Ta nhìn theo không chớp
Ta lắng mãi lời ca

Phải dương, đầu với gió
Phải bơi ngược dòng sông
Tiếng ca dần đuối sức
Còn thoi thóp não nùng

Rồi sau chìm tắt hẳn
Như ánh nắng chiều đông
Đã tắt trên đầu núi
Đã chìm trên mặt sông

Tiếng ca đã tắt. Còn cánh buồm trắng. Cánh buồm trắng tượng trưng cho hạnh phúc. tượng trưng cho « những điều mơ ước của tuổi trẻ yêu đời. » Nó ra sao ? Nó... « Xa xa cánh buồm nhỏ – Màu trắng vẫn chưa phai ». Nó... « Chỉ còn một điểm trắng – Hấp hối trong đêm sầu ».

Em ơi ta trằn trọc
Khắc khoải đã bao đêm
Nhớ mong rồi ngờ vực
Đến cả tấm tình em

Vì những điều mơ ước
Của tuổi trẻ yêu đời
Thắm tươi như ánh nắng
Đã phai rồi em ơi

. . . .

Ta đâu còn giữ được
Lòng em yêu như xưa
Em ơi cánh buồm trắng
Sắp biến trong đêm mờ

(Cánh buồm trắng, trang 66-71)

Tiếng ca đã tắt. Cánh buồm trắng biến mất, hi vọng và niềm vui cũng biến theo. Thất vọng nhô ra, mỗi lúc một thêm lớn. Từ sự thất vọng, từ nỗi cô đơn, từ sự bơ vơ nẩy sinh ra mối sầu ; mối sầu đó, như chúng ta đã thấy, trải ra bát ngát và dựng cao như một bức thành. Vì thế chàng họ Vũ, cũng như Lý Bạch, Byron, Edgar Poe hay Paul Verlaine, đã trở thành một chàng Sầu.

CHÀNG SAY — Từ lâu lắm rồi vốn có một con đường mòn chạy từ Sầu tới Say. Tản Đà đã đi qua con đường ấy. Baudelaire, Thomas de Quincey hay Đinh Hùng cũng đã đi qua con đường ấy. Có vị say thứ này, có vị say thứ khác; riêng họ Vũ chuốc đến ba bốn thứ say.

Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ
Hãy say thêm rượu còn đó rượu chờ ta
Cổ chưa khô đầu chưa nặng mắt chưa hoa
Tay mềm mại bước còn chưa chuếnh choáng
Chưa cuối sứ Mê Ly chưa cùng trời Phóng Đãng
Còn chưa say hồn khát vẫn thèm men...

(Say Đi Em, trang 8)

Hãy buông lại gần đây làn tóc rối
Sát gần đây gần nữa cặp môi điên
Rồi em sẽ dìu anh trên cánh khói
Đưa hồn say về tận cuối trời quên

(Quên, trang 19)

Thì ra chàng ta say sưa là cốt để quên. Quên gì ? Quên nỗi Sầu; quên hoàn cảnh cô đơn, cay đắng; quên những niềm hờn tủi; quên những cảnh tàn nhẫn phũ phàng của cuộc sống. Có điều, một điều rất phiền, Sầu và Say vốn là một cái vòng luẩn quẩn. Càng sầu lại càng muốn say mong quên sầu, thế nhưng hình như khi cơn say nhạt đi, mối sầu lại tăng hơn, thành sầu càng cao hơn. Thường khi, những cơn say còn bất lực không sao phá đổ được mối sầu :

Ta quá say rồi
Sắc ngả màu trôi
Gian phòng không đứng vững
Có ai ghì hư ảnh sát kề môi
Chân rã rời
Quay cuồng chi được nữa
Gối mỏi gần rơi
Trong men cháy giác quan vừa bén lửa
Say không còn biết chi đời
Nhưng em ơi
Đất trời nghiêng ngửa
Mà trước mắt thành Sầu chưa sụp đổ
Đất trời nghiêng ngửa
Thành Sầu không sụp đổ em ơi

(Say Đi Em)

Nhưng nếu như cái say đã bất lực không sao phá vỡ được mối sầu thì nó cũng vẫn có cái hay và ích lợi riêng của nó. Nói cho đúng hơn và rõ ràng hơn, những cơn say của tác giả vốn có ích lợi cho người thưởng ngoạn thơ. Nếu Lý Bạch không say làm sao mà hậu thế được thưởng thức những bài thơ tuyệt vời như bài thơ *Tương Tiến Tửu*. Nếu Vũ Hoàng Chương không say (và mê nữa chứ) đủ thứ như thế làm sao chúng ta có tập *Thơ Say* quý giá này, làm sao chúng ta có được những áng thơ đặc sắc như *Say Đi Em, Đà Giang, Quên, Phương xa, Nghe Hát* hoặc *Hơi Tàn Đông Á* để mà rung động.

CON NGƯỜI LÃNG MẠN — Có những chứng cớ nào chứng tỏ rằng họ Vũ là một con người lãng mạn. Chứng cớ thì nhiều lắm. Dám chuốc một lúc cả ba bốn cái thú chơi, toàn là thứ dữ dằn cả, riêng điều đó cũng đã đủ để chứng tỏ họ Vũ là một con người lãng mạn. Vào thời Tiền Chiến, các tác phẩm thuộc loại lãng mạn khá nhiều. Về tiểu thuyết có cả mấy chục cuốn thuộc loại lãng mạn. Về thơ, màu sắc lãng mạn nằm bàng bạc trong thơ của các thi sĩ như Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, J. Leiba, Mộng Huyền... Những tác phẩm của ba thi sĩ liên hệ (Thế Lữ, Hàn Mặc

Tử, Vũ Hoàng Chương) đều cũng có hoặc ít hoặc nhiều vẻ lãng mạn. Trong thời Hậu Chiến, tinh thần lãng mạn đích thực gần như là không có, còn vào thời Tiền Chiến, tinh thần đó lên rất cao. Cũng dễ hiểu, sống giữa thời bình, đất nước nằm dưới sự thống trị của ngoại bang, cuộc sống nhục nhã, nghèo nàn buồn tẻ diễn ra đều đều, người thanh niên dễ chán nản, đâm ra ủy mị yếu ớt hoặc thích những đam mê mạnh, những cơn say để mà quên đời, quên cái thân phận của mình giữa một cuộc sống đìu hiu buồn bã. Lại thêm những ảnh hưởng của văn chương Tây Phương. Những nhà thơ Pháp được thanh niên ta lúc bấy giờ ưa đọc đều là những vị lãng mạn cùng mình cả : những nhà thơ nhà văn như Lamartine, Hugo, Alfred de Musset, Chateaubriand, những tay lãng mạn chính cống, một trăm phần trăm, cả tác phẩm lẫn cách sống đều sặc mùi lãng mạn. Rồi đến những Baudelaire, Verlaine, Rimbaud... mặc dầu không chủ trương nguyên tắc lãng mạn trong hình thức thơ, nhưng những tư tưởng, nhân sinh quan và lối sống còn có vẻ lãng mạn cao độ hơn thế nữa, lãng mạn đến độ thác loạn... Những văn chương tư tưởng cũng như nhân sinh quan của họ đã thâm nhập sâu đậm vào tâm hồn thanh niên Tiền Chiến khiến cho cái tâm hồn vốn dĩ lãng mạn của họ lại càng thêm lãng mạn. Do đấy, trong thời Tiền Chiến, tại Việt Nam tư tưởng lãng mạn đã lên cao hơn bao giờ hết.

Chúng ta đã thấy cả ba ông Thế Lữ, Hàn Mặc Tử và Vũ Hoàng Chương đều thuộc loại lãng mạn, hoặc ít hoặc nhiều. Thế Lữ lãng mạn một cách lành mạnh hơn cả, lãng mạn ở chỗ thích sống tự do, phóng túng, nhưng ông ta ít bị lệ thuộc vào những đam mê thông thường như rượu mạnh. Hàn Mặc Tử lãng mạn về tâm tưởng nhiều hơn là trong cuộc sống. Những tình cảm, những rung động và trí tưởng tượng của Hàn thường được mở rộng nên nó thường lan tràn bát ngát. Riêng Vũ Hoàng Chương đã là một thứ lãng mạn điển hình nhất. Lãng mạn trong tác phẩm, lãng mạn trong lối sống, trong cách sinh hoạt hàng ngày. Thơ của ông chứng tỏ ông có rất nhiều đam mê, với rượu, với khói, với đàn bà, với những thứ chơi như khiêu vũ, hát ả đào... Ông có nhiều đam mê thế nhưng ông đã không chịu trốn tránh hoặc hạn chế những đam mê đó. Ông đã tự để cho các đam mê chế ngự ông, các ý thích

của ông được buông thả, các tình cảm cả tốt lẫn xấu được tự do phát triển lan tràn. Những con người lãng mạn vốn như thế đó : nhiều đam mê ,thích những cảm giác mạnh, yếu đuối và ham hố. Họ tự buông thả Họ thèm khát tình yêu, thứ tình yêu nặng về tâm hồn hơn là về xác thịt. Vì tâm hồn nhạy cảm họ dễ vui dễ buồn, và thực trạng cuộc sống đã khiến cho họ vui ít buồn nhiều. Họ than vãn, họ thở dài, họ đi kiếm những cảm giác mạnh, những sự kích thích dữ dằn [illegible] mà quên thực tế. Họ cần cõi Mộng Ảo hơn là thực tế. Chỉ trong những cõi Mộng, họ mới cảm thấy mình được sống một cách thoả ý, chỉ trong cõi Mộng mới có tình yêu thực sự, chỉ trong cõi Mộng mới có nỗi vui. Cả ba ông Vũ Hoàng Chương, Thế Lữ và Hàn Mặc Tử đều ưa thích những cõi mộng ảo. Tuy nhiên những cõi mộng ảo của họ không giống nhau. Cảnh mộng của Thế Lữ chỉ thấp thoáng như một ảo giác mau qua. Cõi Mộng của Hàn Mặc Tử vốn khác thường kỳ ảo giống như những hành tinh xa lạ nào đó. Cõi mộng của Vũ Hoàng Chương là cõi Mộng thông thường, cõi Mộng của rượu, của khói, của trí tưởng tượng, của thơ, của cung đàn, tiếng hát...

Vũ Hoàng Chương, Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, cả ba đều lãng mạn, cả ba đều ưa thích mộng mơ, thế nhưng tương đối tâm hồn Thế Lữ có vẻ khô khan, tâm hồn Hàn Mặc Tử có vẻ siêu thoát, chỉ có tâm hồn Vũ Hoàng Chương là ướt át và gần với tâm hồn chung của thế nhân hơn cả, do đấy có nhiều nhân tính hơn cả.

Điều đáng lưu ý nhất : cái tâm hồn lãng mạn của Vũ Hoàng Chương, ở bất cứ hoàn cảnh nào, bất cứ trường hợp nào, cũng vẫn giữ được cái vẻ ngây thơ trong sáng. Khi mới lớn lên, khi tuổi trẻ đang còn nhiều niềm vui hồn nhiên tâm, hồn ông trong sạch đã đành, thế nhưng ngay cả về sau này, những lúc sầu, những lúc say, những lúc than vãn, những lúc cảm thấy mình đã già cỗi cả về linh hồn lẫn thể xác, Vũ Hoàng Chương vẫn luôn luôn giữ được những tình cảm ngây thơ, trong sáng, chân thật, những tình cảm khiến cho cả con người lẫn thơ của ông trong bất cứ trường hợp nào cũng vẫn có vẻ thanh quý

Về hình thức, trong Thơ Say, họ Vũ đã sử dụng nhiều thể thơ khác nhau. Trước hết là thể thất ngôn bát cú phá cách (không theo nguyên tắc biền ngẫu) Lối này ông xài rất ít, trong Thơ Say ông chỉ xài có một lần, nhưng lần ấy ông đã tạo ra được một bài thơ thật đặc sắc : mặc dầu thể thơ phảng phất vẻ cổ kính, mặc dầu có những dụng ngữ và hình ảnh đã trở thành sáo, nhưng ở bài thơ, cái vẻ cổ kính và cái giọng sáo đó lại rất đắc dụng bởi chúng gợi ra được không khí mơ màng, hoài cổ có đầy sức hấp dẫn. Bài Nghe Hát là một trong những bài thơ tuyệt tác của họ Vũ :

NGHE HÁT

Phách ngọt đàn say nệm khói êm
Tiếng ca buồn nổi giữa chừng đêm
Canh khuya đưa khách lời gieo ngọc
Mơ gái Tầm Dương thoảng áo xiêm
Ai lạ nghìn thu xa tám cõi
Sen vàng như động phía châu liêm
Nao nao khói biếc hài thương nữ
Trở gối hoa lê rụng trắng thềm.

Mặc dầu có thể sáng tác được những bài thơ hình thức cổ có giá trị như thế, họ Vũ, cũng như Hàn, đã say mê rung động với những thể thơ Mới hơn, vì thế ông đã không ngần ngại sử dụng những lối thơ mới, năm chân, bảy, tám chân. Đôi khi ông còn sử dụng lối thơ « phá thể » như trong các bài *Say Đi Em*, *Hờn Giỗi* (trang 34) *Tối Tân Hôn* (trang 40) *Tình Si* (trang 56) là lối thơ gồm những câu dài ngắn không chừng, có công dụng tạo ra những âm điệu mới lạ cho thơ. Trong bài *Say Đi Em* chẳng hạn, lối thơ phá thể của ông rất đắc dụng, bởi nó đã tạo được một tiết điệu rất du dương hợp với cái hoạt cảnh được trình bầy trong bài thơ, khiến bài thơ có một vẻ uyển chuyển đặc biệt, một sức hấp dẫn kỳ lạ. Với những bài thơ như vậy, Vũ Hoàng Chương quả thực đã góp một phần công lao rất lớn vào việc hiển dương và tạo một sự chiến thắng vinh quang cho thơ Mới

Trong đa số các bài thơ ở tập *Thơ Say*, ngôn ngữ của

ông thường sáng sủa, rất dễ lãnh hội. Tuy nhiên, trong vài bài như *Đà Giang, Chợ Chiều, Nghe Hát*, ngôn ngữ có vẻ mơ hồ, uyển chuyển hơn, có những chỗ tương tự với lối thơ Tượng Trưng, mang nhiều sức gợi cảm hơn là truyền cảm. Bài *Cánh Buồm Trắng*, một trong những bài thơ tuyệt tác của họ Vũ trong *Thơ Say*, mặc dầu có một ngôn ngữ sáng sủa dễ hiểu, nhưng vẫn thấp thoáng cái mầu sắc tượng trưng, với những biểu tượng (symboles) như cánh buồm trắng hoặc tiếng hát được lồng vào những lời tâm sự phảng phất giọng triết lý. Những bài thơ « tượng trưng » đó, một vẻ tượng trưng có rất nhiều mầu sắc Á Đông, đã khiến cho tập *Thơ Say* thêm nhiều vẻ phong phú.

Với tập *Thơ Say*, Vũ Hoàng chương đã là một trong những ngôi sao sáng trên thi đàn Tiền Chiến. Với tập *Thơ Say*, ông đáng được coi như một trong những thi sĩ lãng mạn đích thực của thời Tiền Chiến. Với tập *Thơ Say*, ông đã chứng tỏ mình là một nghệ sĩ có tài nghệ rất cao, có khả năng gây rung động mãnh liệt không những cho các độc giả thời Tiền Chiến mà cả cho các độc giả thời Hậu Chiến, cũng như — hẳn thế — mọi thời đại sẽ tới trong tương lai.

Thơ Say của Vũ Hoàng Chương, cũng như *Mấy Vần Thơ* của Thế Lữ và *Thơ Hàn Mặc Tử* của Hàn Mặc Tử, đáng được coi như viên ngọc quý trong kho tàng văn chương của xứ sở chúng ta.

8-8-1974

Lê Huy Oanh

Phát hành cuối tháng 8

VÍ DỤ TA YÊU NHAU

truyện NGUYỄN THANH TRỊNH

Bạn Ngọc xuất bản

nguyễn thị thụy vũ

Thao Thức Trong Đêm

Đêm đó, nằm nghe mưa rơi lộp độp trên mái nhà, Dung nghĩ rất nhiều về Cường. Nàng không hồi hộp lắm về ngày mai, cái ngày mà mẹ Cường đến đây coi mắt nàng. Dung tự biết mình đẹp. Và nàng cũng tự biết mình không hẳn là mẫu người con gái ngoan hiền lắm, nhưng nếu cần chiếm cảm tình những type bà già khó tính, nàng sẽ đóng trò hiền lành, nết na chẳng có gì khó khăn cả. Mình nào có vẻ đanh đá, giết giặc gì cho cam. Mình chỉ có sóng mắt ướt quá, cái nhìn mời mọc nhiều quá, đầy hậu ý nhiều quá. Mình cũng phải công nhận là nụ cười mình tươi quá, không ngoan ngoãn, e ấp đúng như ý muốn các bà già kén dâu. Được rồi, ngày mai mình đừng nhìn lên nhiều quá, cố tập trung vẻ e ấp vào nụ cười, ánh mắt, cố tạo vẻ đoan trang, thùy mị Dung tin tưởng rằng, nếu nàng muốn, cái gì nàng cũng có thể làm được, gai góc đến đâu, nàng cũng gọt cho láng, cho trơn.

Đêm nằm nghe mưa rơi sao mà nhớ Cường đến thế này ? Nhớ đến mềm mụp cả ruột, cả tim. Tiếng mưa đều đều, buồn bã, nhưng càng nghe, nàng càng thấm vào một nỗi thú vị dịu dàng. Bên cạnh nàng, em Nghi, ngủ say sưa, tiếng ngáy của cô ả lảnh lót. Cơn vui làm cho nàng trằn trọc, thao thức trong đêm nay. Đã quá giờ giới nghiêm rồi. Bên ngoài, thỉnh thoảng, một chiếc xe tuần tiễu chạy ngang qua rồi mất hút vào cái lặng ngắt của đêm sâu. Cơn mưa vẫn còn rơi rỉ rả trong bóng tối. Chắc là mưa sẽ

kéo dài suốt đêm nay. Lạy Trời, sáng mai, nắng sẽ đẹp, nàng mới có thể mặc chiếc áo soie Pháp màu Hoàng yến. Nghĩ tới lúc trình diện mẹ của Cường trong chiếc áo màu tươi tắn, nhưng rất thanh nhã ấy, nàng có cảm tưởng mình mang đến bà ta một màu nắng bình minh tươi non, làm phấn khởi lòng bà. Bà sẽ nghĩ rằng nàng không quê rít, quê rang, nhưng cũng không lòe loẹt như loại tài tử híp bi choai choai.

Giờ thì cơn vui, niềm bồng bột, phấn khởi đang hành hạ nàng đây. Trái tim nàng như chan hòa những đợt sóng nhún nhẩy. Nếu ở một nơi đồng không mông quạnh, nàng sẽ chạy nhẩy, ca hát và nếu chưa đã nữa, nàng có thể hét lên, hú lên ú ú như Tarzan gọi voi rừng mới có thể vun vải cái vui rộng lớn của mình.

Dung duỗi tay chân lên nệm. Nằm trong ánh đèn chong mờ ảo, nàng bứt rứt lạ lùng. Hay là mình bật đèn lên, lấy thư của Cường ra xem lại, những bức thư trên giấy màu xanh êm ái hoặc trên màu hồng tình tứ mà nàng cẩn thận xếp trong những chiếc hộp bánh biscuit. Hay là mình viết nhật ký, ghi lại niềm xao động của mình trong đêm nay. Nằm hoài chỉ thêm bứt rứt một cách vô ích. Đêm nay chắc chắn là Dung sẽ mất ngủ. Làm sao nàng có thể ngủ êm thắm như Nghi khi cơn vui đang tràn trề, đang chao lượn, khiêu vũ trong trái tim mỏng mảnh của nàng ?

Dung ngồi dậy, khoác mùng, bước ra ngoài. Nàng lại bàn viết, bật đèn lên, rót cho mình một ly nước lọc, uống từng ngụm nhỏ, chậm rãi. Toàn thân nàng như thấm nhuần cái mát lạnh của chất nước đun sôi rồi để nguội trong tủ lạnh đó. Dung mở hộp thư của Cường gửi cho nàng. Cường luôn viết thư bằng ngòi bút lá tre và với mực tím. Chàng lãng mạn quá đi thôi. Ai có ngờ đâu với vóc vạc cao lớn, lực lưỡng, với nét mặt kiêu ngạo, với nụ cười hóm hỉnh, chàng lại có lối trình bày một bức thư như người cầu kỳ như vậy ? Chữ của Cường không đẹp lắm, hơi cứng và hơi rời rạc như những que diêm rải mỏng. Câu văn của chàng vẫn có giọng âu yếm, săn sóc, nhưng không ướt át lắm. Tóm lại, nếu tìm bạn tri âm, Cường khó mà thành công lắm. Lối viết thư và tuồng chữ của chàng tầm thường quá, nếu không khô khan, cộc lốc là may lắm rồi. Nhưng nàng đã gặp Cường, trò chuyện cùng Cường trước khi nhận thư tỏ tình của chàng. Chàng có lối

nói chuyện lôi cuốn quá đi thôi, nhưng không hiểu tại sao chàng viết thư tầm thường như vậy ? Cường là mẫu người ưa xem sách văn nghệ, ưa chớp bóng, âm nhạc. Chàng bình phẩm những cuốn tiểu thuyết của các tác giả ăn khách thời danh, những cuốn phim, những giọng hát rất hùng hồn, lưu loát, vượt xa kiến thức của nàng. Ấy thế, khi cầm bút lên, hình như có mặc cảm gì chặn hết kiến thức cùng sự hùng biện lưu loát của chàng đi. Nàng không hiểu tại sao chàng lại hà tiện những loại danh từ ướt át có thể làm chất liệu tươi mát và phong phú cho một bức thư tình. Nàng một khi viết thư là có cả một kho tàng chữ nghĩa để làm cho bức thư tình thêm phần tha thiết, cảm động. Nàng có thể hà tiện những quà cáp để biếu xén Cường, nhưng nàng rất hào phóng trong việc xử dụng danh từ để viết thư tình. Dung cũng hơi bất mãn là không khi nào Cường ướp nước hoa vào lá thư. Bởi vậy, mỗi khi xếp thư vào hộp bánh là nàng rưới một chút nước hoa vào thư để mỗi khi đọc lại, Dung có cảm tưởng là mùi hương trong tâm hồn của chàng thấm từng đợt vào tim nàng. Đàn ông con trai thời buổi này mấy ai tế nhị ? Không hiểu những chàng thanh niên thuộc thế hệ cha chú nàng thuở trước có ga lăng, có thơ mộng hơn Cường hay không ? Nhưng mà — Dung thở dài, lim dim mắt — nói gì thì nói, nàng vẫn yêu Cường trên mọi điều nàng yêu. Anh không phải là người đàn ông toàn bích, nhưng đối với em, anh là nhất. Người đàn ông toàn vẹn khó mà lọt về tay mình vì mình có phải là hoa hậu hoặc tài ba lỗi lạc gì đâu.

Sành soạn những bức thư một lúc lâu, Dung vẫn thấy mình tỉnh táo như vừa uống một ly cà phê. Cơn buồn ngủ vẫn chưa đến. Nàng mở tập nhật ký với bìa bọc gấm làm nổi hoa bạc ra. Cầm cây bút lên, nàng như lạc vào giữa rừng cảm xúc trăm thứ nên không tài nào viết được một chữ. Không ngờ mình lại dễ bị kích thích đến như vậy. Bên ngoài, tiếng mưa vẫn êm đềm Nước róc rách tuôn vào lòng xối, chảy đều đều vào bể xi măng. Trên trần nhà, con thằn lằn chắc lưỡi lẻ loi. Đêm đã sâu lắm rồi.

Dung gặp Cường trong mùa hè kỳ vừa qua. Nàng thường đến tiệm kem của dì Tư nằng gần tháp nước, ngó qua Vườn Mít. Nơi đó, gần căn cứ Sư Đoàn 3 Không Quân. Quán kem của dì Tư

nàng ngoài món kem nước cốt dừa, hạnh nhân còn có món cà phê phin. Chiều nào quán cũng đông khách. Lại nữa phần trang trí của quán kem rất ấm cúng và mỹ thuật với những chiếc đèn ẩn núp trong những hàng cột to, với bức tranh vẽ bằng màu dạ quang thật táo bạo. Em Vân, con dì Tư ưa cho chạy những băng nhạc thính phòng rất du dương, êm ái nên những người sành nhạc thường đến đó chơi. Nhất là nhờ những cô chiêu đãi duyên dáng và bặt thiệp nên quán kem của dì Tư nàng nổi tiếng là một trong những quán kem đông khách trong tỉnh Biên Hòa. Dung, suốt mùa hè vừa qua, đến chơi với em Vân đang ngồi giữ két cho quán. Nàng phải chú ý đến anh chàng đại úy Không Quân cứ yêu cầu em Vân cho chạy băng nhạc lấy chủ đề về buổi chiều. Chiều đến Lâm Tuyền với màu nắng vàng trên mái tóc giai nhân qua bản « *Hình Ảnh Một Buổi Chiều* ». Chiều đến với Phạm Duy trên sông nước Cửu Long qua bản « *Chiều Về Trên Sông* ». Còn nhiều buổi chiều khác trong những khung cảnh thần tiên khác, qua các bản nhạc khác. Chàng đại úy ngồi thưởng thức các bản nhạc chiều với sắc mặt trang nghiêm thành khẩn. Rồi đó, Dung như bị thu hút vào cặp môi tươi của chàng dù chàng không cười thường xuyên, vào cặp mắt sắc nhưng đôi lúc ve vuốt của chàng, vào thân hình cao, to, và rắn chắc của chàng. Đó là Cường, một nhân vật đẹp trai. Ngoài cái nhân dáng hấp dẫn, chàng còn có một vẻ lôi cuốn khác nữa. Đó là vẻ hào hoa, nghệ sĩ mà Dung ít tìm gặp ở những người bạn trai thường theo đuổi và tán tỉnh nàng.

Dung là mẫu người con gái biết mình đẹp nên nàng chỉ thích ăn diện, còn ngoài ra chẳng biết một món phong lưu tao nhã nào, hoặc có một lý tưởng nào ngoài tấm lòng kiêu hãnh vì sắc đẹp của mình, Gặp được Cường, nàng vụt cảm thấy mình cạn cợt, có một đời sống nội tâm lạt lẽo, và vốn liếng kiến thức của mình chẳng có gì hơn là sự sành sỏi về quần áo, mỹ phẩm... Nàng vụt nghĩ rằng đối với một cô gái thời buổi này, đẹp và nết na vẫn chưa đủ. Phải có một màu sắc gì đó trong tâm hồn. Màu sắc đó là cái gì ? Nó ra sao ? Nàng cũng không rõ. Nhưng chắc chắn là nàng biết mình trơ thế nào ấy, quê không ra quê, thị thành không ra thị thành. . Song đó là cái mặc cảm lúc nàng đứng trước một cuốn sách văn chương mà lũ bạn khảo nhau là sâu sắc, hoặc ngồi

nghe một bản nhạc mà lũ bạn gán cho cái tên là nhạc thính phòng, hoặc nữa là khi xem một cuốn phim mà tụi nó cho là một cuốn phim nhân bản... Ôi Trời! Tiểu thuyết, ca nhạc, phim ảnh là cả những thứ mà nàng chẳng ưa chút nào. Ấy thế mà khi gặp Cường rồi Dung biết rằng thiếu những thứ đó, tâm hồn nàng như dăm bào, như mạt cưa, khô khan và tầm thường quá đỗi. Nhưng khi đứng trước tấm gương soi, nàng vụt lấy lại niềm tự tin, sự kiêu hãnh cố hữu. Tập làm một người đàn bà tao nhã có lẽ dễ hơn là tập làm người đàn bà có nhan sắc. Từ đó, nàng tập xem tiểu thuyết, nghe nhạc, xem phim, kịch... Nàng cũng không thấy mình ưa những thứ đó hơn chút nào và cũng chẳng hiểu gì hơn. Tuy nhiên khi lũ bạn hoặc Cường hỏi nàng có biết nhà văn mà nàng mới vừa xem tác phẩm của ông ta thì là cả một điều làm nàng phấn khởi. Nàng sẽ lập lại những lời nhận xét của con bạn thân mà từ lâu nàng cho rằng thông minh, uyên bác. Trong giai đoạn rù quến Cường, nàng cần một chút văn nghệ để tự thắp sáng mình trước mắt Cường. Một người đàn bà đẹp mà biết thưởng thức văn nghệ càng gợi cảm chớ sao. Nhưng những người đàn bà xấu hễ mở miệng là nói những chuyện văn chương, mỹ thuật thì có vẻ gàn làm sao ấy. Dung thừa thông minh hiểu rằng Cường thích loại đàn bà con gái có nhan sắc lẫn tâm hồn phong phú. Nàng phải dùng một chút xảo thuật, một chút thủ đoạn họa may mới vi Cường vào tròng. Nhưng khi gần gũi Cường, nàng mới chợt nhận thấy Cường nhờ có chút tâm hồn nghệ sĩ mà làm cho trái tim nàng mềm mụp, và bở rệt như trái dưa gang chín.

Nghĩ tới đây, Dung chỉ ghi vỏn vẹn dòng chữ vào tập nhật ký : *Cường, em không bao giờ hiểu được tâm hồn đầy màu sắc kỳ lạ của anh, thế nhưng em yêu anh; như vậy, kỳ cục quá, hén anh?*

Dung hé một nụ cười, chợt nghĩ : yêu dấu có vô lý tới đâu cũng thành ra có lý. Con tim có lý lẽ riêng của nó. À, không hiểu câu nói này của ai? Hoặc trong quyển sách rẻ tiền nào? Bây giờ nó chợt đến đầu óc nàng. Dạo trước, nàng coi câu nói đó sao mà cà chớn, kỳ kỳ thế nào, nhưng trong đêm không ngủ này, nàng chợt thấy nó có một ý nghĩa thân mật riêng đối với mình. Nàng biết rằng yêu Cường, đôi lúc nàng trở thành một mẫu người khác, không còn hồn nhiên sống thành thực theo sở thích như xưa.

Cơn mưa bên ngoài đã ngưng từ lúc nào rồi. Ánh trăng tái nhạt luồn lỏi qua khe cửa lá sách. Thôi, đi ngủ chớ. Nếu đêm nay mất ngủ, sáng ra nàng sẽ có một bộ mặt nhão nhượi như cái nùi dẻ còn gì. Dung tắt đèn, chui vào mùng. Nàng cố nhắm mắt đếm thầm từng con số trong trí, để giấc ngủ êm ái kéo đến. Thế nhưng nỗi bàng hoàng, xao xuyến như len lỏi chảy giữa những khe hở của tiềm thức nàng, làm nàng tỉnh như vừa mới rửa mặt xong. Cường há chẳng thường nói với nàng hay sao :

— Anh biết, em là một mẫu người nhạy cảm. Anh yêu em.

Lúc đó nàng hỏi :

— Tất cả nghệ sĩ đều nhạy cảm, nhưng không hiểu tại sao em không thể làm một nghệ sĩ được.

Cường hôn nàng ngây ngất, rồi trầm giọng :

— Em là một thiên tài nghệ sĩ trong bộ môn tình yêu.

Dung cũng hôn vào đôi môi tươi với hàng ria mép tỉa khéo của người yêu rồi hỏi :

— Tình yêu cũng là một bộ môn nghệ thuật sao anh ?

— Ừ, anh nghĩ vậy đó. Em có thấy kỳ cục không ?

Dung cười.

— Ừ, kỳ cục thiệt! Nhưng em thích anh nói như vậy...

Yêu nhau, Cường và nàng thường nói những câu ngô nghê. Đêm nay càng nhớ lại, Dung càng thấy thú vị và yêu Cường thêm. Chàng đã ba mươi hai tuổi rồi, nhưng lại có tâm hồn một cậu trai vừa mới lớn. Tuyệt chưa ? Chàng thường bảo :

— Gần em anh có cảm tưởng anh mới vừa bể tiếng, dậy mẩy.

Tình yêu có phép mầu nhiệm như vậy càng tốt chớ sao ? Dung thích mẫu người đàn ông nhiều thủ đoạn, biết lọc lừa trong vấn đề kinh doanh, trong cuộc sống bon chen lừa đảo, nhưng phải ngô nghê, thơ mộng trong tình yêu, phải chung thủy trong nghĩa vợ chồng. Không hiểu trong vấn đề mưu sinh, trong vấn đề binh nghiệp Cường có nhiều thủ đoạn hay không ? Nhưng chàng khá thơ mộng trong tình yêu, tuy chẳng ngô nghê gì lắm. Thế nhưng, quan niệm của nàng là một chuyện, còn thực tế cuộc đời đến với nàng là một chuyện khác. Nàng chỉ biết rằng hiện tại nàng đang hạnh phúc trong tình yêu, Tình yêu sắp kết thúc bằng một cuộc hôn nhân. Ý nghĩ đó lay mạnh con tim nàng dữ dội. Chắc mình

mất ngủ luôn cho tới sáng bét. Thây kệ, ít có đêm nào nàng được sung sướng bồng bột như đêm nay. Cứ gậm nhấm từng giờ, từng phút, từng giây của niềm hạnh phúc.

Dung hình dung lại những ngày hẹn hò đầu tiên với Cường. Những buổi chiều trong sáng trong mùa hè vừa qua như còn chiếu sáng mãi tận đáy thẳm của ký ức nàng. Chiếc xe Vespa màu xám bạc của Cường đã đưa đôi lứa yêu nhau chạy phom phom trên xa lộ để hóng gió. Cảnh xa lộ trong những buổi chiều tạnh ráo quả thật là đẹp. Những thửa ruộng phủ mạ tươi xanh, vòm mây hồng phía chân trời xa, những bãi đất trống lác đác những khóm cây xanh đậm, những ngôi nhà mọc rải rác hai bên vệ đường trước kia sao vô duyên, vô vị, thế mà trong những buổi đi dạo mát với Cường, Dung cảm thấy chúng nói thầm với nàng biết bao ngôn ngữ thân mật, chân tình.

Dung nói với Cường :

— Kỳ lạ, khung cảnh hai bên xa lộ dạo này hình như trẻ ra, hình như mới mẻ hơn.

Cường nói :

— Có lẽ vì cuộc sống hiện tại của em đổi mới nên em thấy cảnh vật chung quanh đều đổi mới chăng ?

Dung giả vờ :

— Cuộc sống của em bao giờ cũng vậy, có gì đổi mới đâu anh.

Cường hôn nàng, âu yếm hỏi :

— Tình yêu của anh mang đến không đổi mới cuộc sống em chút nào sao ?

Dung chỉ biết hôn trả lại Cường mà không nói thêm được một lời nào. Quả thật cuộc sống của nàng đã đổi mới rất nhiều khi nàng yêu Cường. Nàng có cảm tưởng như mình vừa bắt đầu sống ở một giai đoạn khác, bắt đầu thăng hoa vào một thế giới lạ mặc dầu thế giới lạ đó vẫn nằm trong cái khung cố hữu của cuộc sống tự bấy lâu nay.

Cường thường đưa nàng đến những chiếc quán ở Linh Xuân Thôn, chọn một góc bàn kín đáo để tâm sự. Hai người thường dùng bữa ăn chiều ở đó, trước khi trở về Biên Hòa. Nhưng Dung thích nhứt khung cảnh vườn cao su ở Linh Xuân

Thôn. Hai người thường thả rều trong đó, chọn một bãi cỏ sạch và dầy để ngồi ngắm cảnh trời chiều trên cánh đồng ở phía mút xa tầm mắt. Dung rất chịu lánh xa loài người trong những buổi chiều đó. Cường thường hát bài « *Chiều Tà* », lời của Phạm Duy :

Xin lắng lắng nghe bao lời thơ chiều tà...
Là chiều của chúng ta
Là câu ân ái muôn lời
Nắng đã phai rồi
Hãy nép trong lòng cõi đời.

Cường thích nhạc lấy chủ đề buổi chiều. Trong những buổi chiều đi chơi với chàng, Dung mới cảm nhận được cái gợi cảm của nhạc loại đó. Làm sao nàng quên câu mở đầu của tài tử Dạ Chung đề trên bản nhạc « *Hình Ảnh Một Buổi Chiều* » : *Anh không giữ trong tay một kho tàng hay một danh vọng nào cả. Anh chỉ giữ hình ảnh một buổi chiều khi nắng vàng nhuộm mái tóc em.* Tình tứ quá sá cỡ ! Làm sao nàng không bồi hồi khi nghe Cường đọc hai câu thơ mở đầu trong bản « *Bến Xuân* » của Văn Cao :

Chiều nay rụn rầy lê đôi cánh
Một bóng sơn ca đến lạc loài.

Nhạc chiều là nhạc hẹn hò, là nhạc mở một thiên đường trong giấc mộng xanh man mác. Nhạc đó mà do chàng hát thì phải biết, như ướp cả màu nắng vàng tới tận tâm khảm nàng. Cái miệng của Cường là cái miệng hăng hăng mùi thuốc lá, thích ăn tỏi, ăn hành, ăn mắm nêm, ăn tiết canh là những thứ mà Dung rất sợ. Nhưng nàng vẫn thích hôn cái miệng đó. Nhạc chiều làm cho nó thơm lên bởi một nguồn hương thi vị vô hình. Riêng nàng, mỗi khi đi chơi với chàng là nàng đánh răng thật kỹ, bằng loại kem Mỹ và nàng ngậm bạc hà cho hơi thở thơm tho, mát mẻ để cái hôn của nàng trao cho Cường được nên thơ hơn.

Dung trở mình. Hình ảnh những buổi chiều tan mờ trong đầu óc nàng. Giờ đây nàng đang vùng vẫy trong phần đêm còn lại. Anh Cường, bây giờ chắc anh đang ngủ một giấc ngon. Hiện giờ, em đang đối diện với hạnh phúc, em ngủ không được. Nhớ

cái miệng anh quá đi thôi, nhớ quay quắt, nhớ thấm thía. Cái miệng của anh với hàm răng trắng bóng, dù anh ghiền thuốc Bastos xanh. Hàng ria mép càng làm cho nụ cười anh thêm đều đều, mặn mòi, tình tứ. Cặp môi anh tươi quá là tươi. Miệng anh đã làm em mê mẩn rụng rời khi anh hát những bản nhạc chiều. Anh làm em biết đến những cái tên Cung Tiến, Phạm Duy, Văn Cao, Enrico Tosselli. Chiều trong nhạc phẩm của họ lảng vảng khói hương quá khứ, thấp thoáng men tình yêu. Yêu cái miệng anh lắm lắm. Cái miệng đó dẫu có ăn thịt chó, uống rượu pha huyết bò, chưởi tục, nói phét đi nữa, em vẫn thích hôn như thường, như thường. Môi anh dẫu đã hôn một trăm con đàn bà lang chạ đi nữa, em vẫn cảm thấy nụ hôn của anh ngọt ngào, mê đắm khác thường. Nhớ cái miệng, đôi môi, nụ hôn, tiếng hát của anh, làm sao em có thể ngủ được, hả anh ?

Mình về mình nhớ ta chăng ?
Ta về ta nhớ hàm răng mình cười.

Ôi, hàm răng, nụ cười của anh làm em muốn mở một hãng kem đánh răng rồi dùng tấm ảnh anh cười nhe răng đăng lên báo, lên áp phích để làm quảng cáo. Anh mà lên ti vi vừa hát vừa cười duyên thì khỏi cần nghe giọng hát, con gái cũng mê anh như thường. Nhờ hàm răng và nụ cười của anh em mới biết yêu nhạc chiều, biết yêu Cung Tiến, Phạm Duy, Văn Cao, Lâm Tuyền. Nếu không có hàm răng và nụ cười của anh, những thứ đó đối với em vẫn là những con « dê rô » to tướng.

Dung thở dài một cái sượt. Cơn thao thức đã làm nàng hơi thấm mệt. Sao trời lâu sáng thế này ? Ngoài cửa sổ chỉ là ánh trăng, chứ không phải là ánh bình minh đâu. Gà chưa gáy. Chuông nhà thờ chưa đổ. Tuần công phu bên chùa chưa gióng lên. Còi xe lửa chưa hú. Bên ngoài chỉ là ánh trăng và nỗi vắng lặng mênh mông. Căn gác cũng chìm trong hôn mê. Chỉ có tiếng đồng hồ tic tắc là thức cùng với nhịp tim và dòng ý nghĩ của Dung mà thôi. Tim không thao thức theo nhịp tiềm sinh. Tim đang nhún nhẩy vì mạch vui lai láng. Dung lăn trở mình. Nàng nhắm mắt lại, nhưng ý thức vẫn sống động hơn bao giờ.

Anh Cường, phải chi trong lúc này em được nằm trong vòng tay anh để rồi thiu thỉu ngủ trong hơi thở của anh ?

Người con gái vừa lớn lên, đón nhận tình yêu đúng lúc, đón nhận hôn nhân đúng lúc thì cuộc đời suông đuột. Em sợ làm một nhân vật trong một thiên tình sử. Em chỉ khiêm nhượng làm một người vợ tầm thường, nép trong bóng che chở của chồng, nép trong ánh sáng danh vọng của chồng. Trời sanh em đẹp để anh yêu, trời sanh anh bảnh trai để em mê đắm. Tất cả chỉ là một câu chuyện giản dị, phải không anh ? Em đẹp, được anh yêu mới có ý nghĩa chớ. Anh Cường, nếu số mệnh không xui em gặp anh thì chắc chắn đêm nay không phải là đêm lịch sử của đời em. Thôi thì em cứ thức, sung sướng mà thức để nghĩ về anh, để yêu anh thêm. Đàn bà con gái mà không biết yêu thì cuộc đời không có ý nghĩa gì ráo trọi. Đàn bà con gái mà không được đàn ông yêu thì kể như đời mình bị bán thân bất toại, hoặc kể như vừa đui, vừa điếc, vừa câm đứng giữa phiên hội chợ náo nhiệt, tưng bừng.

Anh Cường, em sung sướng đến mất ngủ. Tất cả tâm hồn và ý nghĩ của em đang hướng về anh đây. Ở trong căn phòng tại căn cứ của đơn vị anh, anh có nháy mắt, nhảy mũi vì em đang nhắc nhở anh cả muôn triệu lần không ? Chắc là không ! Đàn ông vốn vô tâm, yêu thì cứ yêu hết mình, còn ngủ thì vẫn ngủ. Ngủ và yêu đối với đàn ông con trai chắc chẳng liên quan với nhau nhiều, phải không anh ? Nghĩ tới đây mà em muốn ứa nước mắt vì tủi thân. Nhưng anh cứ ngủ đi. Em tin rằng vì ở đây em gọi thầm tên anh, tiếng gọi thầm đó trầm thống vô cùng, son sắt chung tình vô cùng; thế nào anh cũng nằm chiêm bao gặp được em. Thần giao cách cảm đâu phải là chuyện hoang đường, phải không anh ?

Tiết trời bỗng đổi hơi lành lạnh. Gần sáng rồi đó. Ở đất nước miền Nam mưa nắng hai mùa này, chỉ vào lúc về sáng mới lạnh mà thôi, dẫu-là đang lúc mùa hè cũng vậy. Tấm mền mềm mại như mơn man da thịt Dung. Thôi thì hãy đợi còi hú tan giờ giới nghiêm, nàng sẽ dậy, nấu nước tắm. Chỉ cần một ly cà phê sữa thôi, nàng sẽ lấy vẻ tỉnh táo cùng sắc mặt tươi mát để trình diện mẹ Cường. Đúng như em Nghi nói, ngày mai là ngày quan

trọng. Nàng cần phải đẹp, phải tươi. Ủa mà quên, mình phải còn làm về ngoan ngoãn, hiền hậu, cẩu hột cơm không bể nữa chớ. Nghĩ tới đây, Dung thú vị mỉm cười. Đầu óc của nàng bỗng bị một cơn váng vất nhẹ lướt qua. Sự sôi nổi bỗng dịu xuống, trầm xuống như một dòng sông sau cơn mưa to, gió lớn. Anh Cường, anh Cường ! Nàng gọi thầm. Rồi đó, Dung chợt thấy bóng tối loãng dần. Nàng trở thành nhẹ nhàng như một ánh sương mềm mại trên mặt nước ao đầm bốc lên, bốc lên cao, lọt ra khỏi bốn vuông mùng lưới, vượt khỏi căn phòng nầy. Trước mắt nàng là một buổi chiều chập chờn hư ảo cùng bóng dáng Cường thấp thoáng.

Nguyễn Thị Thụy Vũ

Quý vị đã đọc NGƯỜI NÔ LỆ của I.B. SINGER, nhà văn lưu lạc hàng đầu của Do Thái ; Xin đọc tiếp tác phẩm Kinh Điển :

TÌNH EM VỖ CÁNH

- Tác phẩm pha trộn giữa mộng và thực, được kể lại bằng một giọng văn đậm đà bất hủ của một ngòi bút hàng đầu thế giới hiện nay.
- Là những chứng tích sống động về đời sống mọi lớp người Do Thái trước ngày tìm lại quê hương, một cuộc sống ngột ngạt trong những thần thoại, đeo đuổi bởi những bóng ma và đầy đọa với số kiếp bất hạnh.
- 12 phụ bản offset năm mầu do Kỷ Nguyên Mới thực hiện. Bản Việt ngữ : HÀ THÚC SINH.

huy tưởng

Nụ Cười Đá Xanh

Đợi chờ mỏi giọng đường thi
Em ơi đỏ ngược còn ghi bóng người
Đồ nghiêng ngửa cuối chân trời
Nghìn năm tê lạnh nụ cười đá xanh.

Đêm nằm gõ nhịp tàn canh
Bay theo bướm đỏ lên cành gáy sao
Mở hai dòng lệ tuôn trào
Rơi cay đắng xuống tình nào phôi pha.

Nhớ em tóc buộc đuôi gà
Áo bay trắng xóa phủ nhòa vết xuân
Đêm chùng biệt cõi phù vân
Chẻ hai gối mộng tà huân khóc òa

Bóng nghiêng ngửa dưới trăng tà
Em đi quá muộn canh gà quá thu

Một ngày ảo lộng đường tu
Dấu chân mở gió mây mù mịt trôi...

Thả dăm tờ giấy đắp bồi
Để câu thơ nhỏ mượn lời tuyết sương
Mai về sông chảy nghìn phương
Cuốn theo cội biếc vô thường dưới chân.

Huy Tưởng

ĐỂ HIỂU RÕ VỀ THẾ GIỚI Chính Trị và Ngoại Giao — những bí ẩn của trận đệ nhị thế chiến — tâm tư ray rứt của De Gaulle người đã cứu vãn được nước Pháp sau trận thảm bại 1940.

HÃY ĐỌC

HỒI KÝ DE GAULLE

Dịch giả Vũ Đình Lưu
CỬU LONG xuất bản
Đồng Nai tổng phát hành

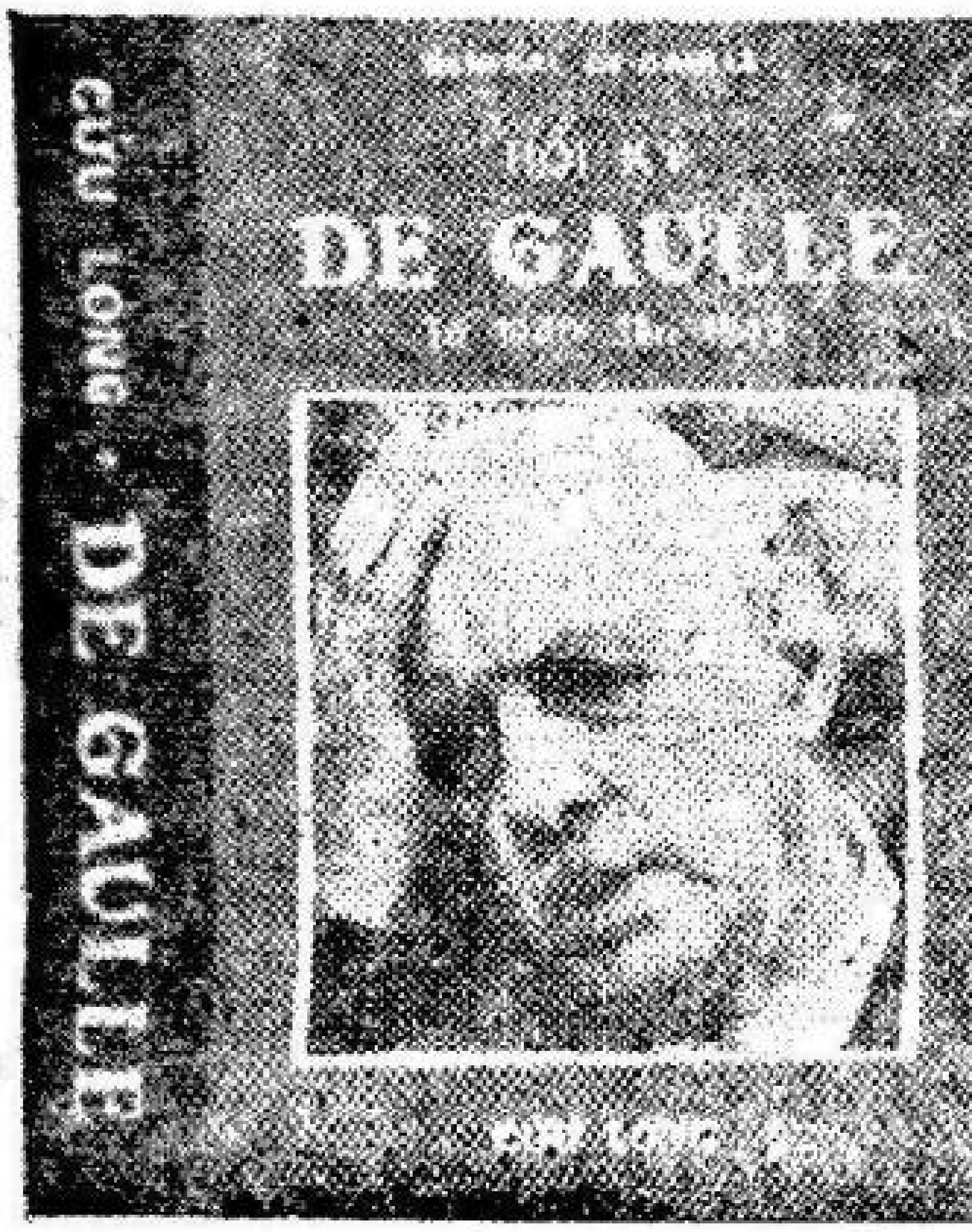

đu tử lê

Những Miểng Chai

1.

Tôi ghé Lục sớm, ra bài cho Đầu và Tạc, sau đó chạy thẳng tới trường. Buổi sáng còn giữ lại trên bầu trời, những tàng cây và hai mặt đường phố, dấu vết của cơn mưa đêm qua. Mùa mưa đã tới... Mùa mưa đã tới... Không biết bao lần tôi nghe được tiếng nói âm vang đó trong đầu óc lênh láng nước của mình. Chiếc xe lao vun vút. Tôi phóng hạnh phúc mình theo vòng quay. Thỉnh thoảng bánh xe rẽ những vũng nước đọng. Nước tóe tràn hai bên. Tôi cười mỉm (một mình) với nỗi sung sướng bâng quơ. Lục dặn với theo khi tôi quay ra : « *cô nhớ trưa ghé về ăn cơm* ». Tôi đáp vâng ạ. Ngày bắt đầu như thế. Ngày bắt đầu như thế đã một tuần nay. Tôi chìm tôi trôi trong đầy ứ hoan hỉ. Ngày bắt đầu như thế. Cùng với những cơn mưa rào, tôi biết mùa mới chỉ bắt đầu, nghĩa là còn nguyên đó những ngày mây thấp. Còn nguyên đó, những ngày nắng ui ui. Những ngày mưa, những hạt mưa như nước thánh nhỏ xuống đời sống tôi vốn quanh năm khô nẻ. Ngày bắt đầu như thế, nghĩa là còn chưa hết. Phần quan trọng là gặp Ngoạn lát nữa. Ngoạn, linh hồn của đời sống chàng. Ngoạn ngọn hải đăng của chàng trong những tháng năm chớm khởi, tối tăm và bão tố. Tôi đã bỏ ra một tháng để đi tìm Ngoạn

trong cái thành phố thênh thang này. Tôi đã bỏ ra bao nhiêu buổi chiều bao nhiêu buổi sáng, không còn nhớ nữa, cũng không thể tính được, để đi truy lùng, (hệt như nhóm người đi truy lùng kẻ mất tích) một người không hề biết mặt, một người chỉ thành hình bằng những tưởng tượng góp nên do những nhắc nhở thoáng phớt, có bởi những gạn hỏi, từ chàng. Và tôi đã làm được việc đó. Tôi đã lọt vào ngôi nhà xám, tối. Ngôi nhà cũng có trên mười năm, chưa một lần được quét vôi, được làm mới. Và Ngoạn đó. Ngoạn bằng xương thịt, bưng mặt khóc. Nước mắt Ngoạn đã kéo theo những giọt lệ không thể đừng, ở tôi. Có phải tôi đã đóng kịch khéo tới mức như thật, hay Ngoạn không thể ngờ rằng có một người yêu chàng (như tôi yêu chàng), lại đi tìm Ngoạn để nhắc nhở nàng nhớ : Hãn còn đó. Còn đó, những ngày niên thiếu của đời Hãn. Còn đó, những nồng nàn và thù hận. Còn đó, những kỷ niệm, như những miểng chai cắm sâu trên vách tường trí nhớ. Và mỗi lướt qua, mỗi chạm tới, là một lần thêm, vết thương rách miệng.

Phải nhận rằng tôi đóng vai cô em họ Hãn thật tài tình. Ngoạn chỉ hỏi tôi có một câu, và tôi đánh tan ngay : « *sao ch không nghe Hãn nhắc tới em ?* ». Tôi cười giả lả : «*anh Hãn có nhiều em. Chị đã gặp được tất cả mấy người mới được chứ ?* » Và Ngoạn im lặng. Nàng im lặng, tôi nghĩ không phải vì nàng chợt nhớ rằng nàng chưa gặp đủ mặt những người thân, quen bên gia đình chàng. Mà nàng im lặng vì những miểng chai, phải, những miểng chai mang tên Hãn đã bị lay động. Và những vết thương xưa một lần nữa, sau bao năm tháng ngủ im, nay lại rách miệng và buốt xót.

Như thế đó, tôi đã nối được đường dây tuyệt tích, mịt mù cho chàng. Màn sương dầy đặc, lớp lá úa chất chồng bao năm tháng đã được vén lên, đã được bóc đi, chỉ trong một buổi trưa, để những tia nắng mới, bắt đầu mon men ăn tới. Bây giờ, tôi nghiễm nhiên tôi trở thành đứa em gái của Ngoạn. Đứa em gái ngoan ngoãn và dễ thương nhất, ít ra cho suốt một đời Ngoạn. Sáng nay, tôi có hẹn trước. Tôi muốn đem tới cho nàng một bông hoa. Một bông hồng bạch. Hồng không phải là thứ chàng thích, cũng chẳng phải là thứ Ngoạn yêu, nhưng tôi thích đem cho nàng thứ bông hoa đó. Tôi muốn nói với Ngoạn những điều mà tôi không nói

được. Đó cũng là những điều mà Hãn muốn, nhưng bất khả. Cứ mỗi lần tôi nhắc tới Hãn trong câu chuyện là Ngoạn lại gạt phăng đi. Nàng tỏ vẻ quyết liệt không muốn nghe. Tôi sung sướng ghi nhận sự kiện này. Điều đó, chẳng có một ý nghĩa nào, khác hơn Ngoạn vẫn còn yêu chàng, và quả thực (như chàng nói) đó là một tình trạng đã không còn thay đổi được. Tất cả đều đã muộn màng. Quá muộn màng, để họ có thể trả lại cho nhau tâm hồn và đời sống. Chắc là vì quá yêu chàng cho nên tôi yêu cả những tuyệt vọng quá khứ kia. Nhỏ Lam không tin vậy. Nó cho rằng tôi quá tin nơi tình yêu của tôi, tôi kiêu hãnh với chính cái tôi ở cả hai phần : ý thức và vô thức, hoá cho nên tôi đã làm việc đó. Nó cho rằng tôi chỉ là một kẻ mộng du trong ảo tưởng về khả năng vô biên, có một không hai mà tình yêu đã đem tới, và tôi là người duy nhất, thể hiện được trọn vẹn.

Tới trường, các lớp đã vào học. Tôi chạy xe đến dãy phòng của Ngoạn. Nàng ngồi bàn đầu, bên một nhà sư trẻ, và đang nhìn ra. Giáo sư chưa tới. Tôi đi như lướt. Mắt Ngoạn sáng. Rực rỡ, như một ngọn lửa. Một ngọn lửa không bao giờ lụi. Tôi nói líu lo, Ngoạn hỏi tíu tít. Nàng quên vụ bông hoa tôi hứa. Chính tôi cũng chẳng nhớ. Trong lúc nói chuyện với Ngoạn, đầu óc tôi chờn vờn hình ảnh chàng. Tôi nói, và quên bẵng mình. Hình như tôi đã là một người khác, khi đứng trước Ngoạn cũng như sáng nay, tôi đã lại là một người khác nữa, khi đứng trước Lục và những đứa con của chàng. Ngoạn kể lại giấc mơ đêm qua. Tôi nói chiều nay sẽ gặp chàng. Và trưa nay có thể tôi ghé lại Lục để ăn cơm cùng với mấy đứa nhỏ. Những người vắng mặt luôn xen vào giữa câu chuyện của chúng tôi. Những người vắng mặt, luôn làm dịu ánh mắt sáng của Ngoạn, trong thoáng chốc (để rồi sau đó, lạnh băng và sắc lẻm) nhưng họ chính là chiếc gạch nối, chính là cái lý do thầm kín, nguyên nhân sâu xa của sự kết hợp giữa tôi và Ngoạn. Khi tôi nói : « *Lần nào gặp chị, anh Hãn cũng bắt phải kể lại tỉ mỉ từng chi tiết* ». Ngoạn nhăn mặt. Nàng ra dấu, định nói gì đó, nhưng giáo sư đã vào lớp. Tôi thoát ra và cười khi ngoái cổ lại. Ngoạn nhìn theo, ánh mắt trách móc nửa trìu mến. Tôi nheo mắt.

Trời cao dần với những đám mây xám bị lùa dập xuống thấp trước khi lẫn vào cây cỏ. Tôi lấy xe ra khỏi trường. Hai

giờ học buổi sáng nay, lại được gửi trên đường xá. Chương trình đã được vạch sẵn. Gặp Ngoạn. Trở ra bưu điện. Điện thoại cho chàng. Và sau đó, nếu không trở ngại, hai đứa sẽ đi ngồi quán. Tôi hát một bản nhạc nào đó trong miệng. Nắng vàng đục trên nóc nhà thờ. Bưu điện buổi sáng, complet tất cả những phòng gọi. Tôi chực sẵn ngoài phòng kính một người đàn ông có dáng thương gia. Kinh nghiệm cho thấy đàn ông trong phòng điện thoại bao giờ cũng bước ra nhanh hơn đàn bà. Quả nhiên, chừng hơn phút, người đàn ông bước ra. Ông như muốn chào tôi bằng nụ cười với hàng râu con kiến. Tôi nói « *cám ơn ông* » và bước vào. Đồng jeton thứ hai, rơi xuống đáy thùng, mới nghe được giọng chàng ở đầu giây bên kia. Giọng chàng như buổi sáng muộn. Tôi nói :

— Anh, ra ngay với em.

— Không được. Phải mười lăm phút nữa là nhanh nhất.

— Vậy em chờ.

— Ừ, chờ anh nha.

— Này, Anh.

— Chi nữa ? Anh sẽ ra mà ..

— Em muốn nói thêm là... là em yêu anh.

Tiếng chàng cười dòn. Tôi cúp máy.

Muốn hay không, tôi cũng không thể không vẽ ra trong óc mình những cảnh tượng của một tương lai mơ ước. Tôi hình dung tới một ngôi nhà. Một ngôi nhà có nhiều phòng. Tôi sẽ có riêng một phòng trong ngôi nhà đó. Bữa cơm sẽ có mặt đủ, những người thân yêu, những người làm thành chàng khô héo. Bữa cơm sẽ có Lục. Và tôi, cũng một ghế nào đó. Tôi nghĩ không khó khăn gì lắm khi hai người đàn bà muốn sống với nhau. Tôi đã từng thấy những gia đình, có tới hai, ba người đàn bà. Họ sống rất hòa thuận. Ăn thua người đàn ông. Phải, ăn thua chàng. Tôi nghĩ tôi có thể sống với Lục. Tại sao không ? Mỗi người đàn bà chỉ có thể đáp ứng cho người đàn ông một số phương diện nào đó mà thôi. Nhất là loại đàn ông như Hãn. Không một người đàn bà nào, có thể làm đầy, làm đủ cho chàng. Tôi cho vai trò của tôi, là vai trò của một người phụ nữ, hoàn tất những thiếu hụt cho Hãn. Và tôi có thừa khả năng để làm việc đó.

Tình yêu đã cho tôi một khả năng màu nhiệm. Tình yêu đã cho tôi những phép lạ. Những phép lạ mà trước đây, tôi không hề tưởng tượng được. Những ý nghĩ thầm kín này, đã bắt đầu nung nấu tôi. Tôi chờ đợi sự lên tiếng của Hãn. Tôi muốn hiến trọn vẹn đời sống mình, để làm kẻ nô lệ cho Hãn. Không những tôi chỉ đóng vai kẻ nô lệ thể xác mà còn muốn là kẻ nô lệ tinh thần nữa. Tuy nhiên không nói ra, nhưng tôi hiểu Hãn chưa muốn thấy có một biến chuyển nào khác hơn tình trạng của hai người như bây giờ. Chàng bảo tôi lý tưởng. Thực tế đời sống khác. Khác xa với mơ ước. Thực tế đời sống còn phũ phàng hơn nữa, khi người ta sống hẳn với nhau, cái đời sống của vợ chồng. Tôi bảo anh quên rằng bản chất của người đàn bà là chịu đựng. Người đàn bà sinh ra để làm chi, nếu không phải để thử thách sức chịu đựng. Chàng cãi: đàn bà sinh ra để được yêu, được chiều chuộng, được ve vuốt. Tất cả những nhiệm vụ, những bổn phận mà người ta vẫn nhìn nơi người đàn bà, chỉ có tính cách làm cho những ve vuốt, chiều chuộng thêm sâu đậm hơn mà thôi. Tôi không muốn cãi nhưng quả thực là tôi không đồng ý điều đó. Ít ra, điều đó, không đúng với tôi. Tôi muốn nhắc nhở chàng : tôi là người khác hơn những người đàn bà khác. Và bằng chứng cụ thể là những việc tôi đã làm. Những người đàn bà từng đi qua đời chàng, đã ai làm cho chàng việc đó ? Chưa một ai. Có thể có những người con gái thực lòng lo lắng và thương yêu những đứa con của người mình yêu, nhưng điều ấy chỉ xảy ra khi người đàn bà kia đã chết hoặc đã vĩnh viễn chia lìa. Đàng này, không. Liên lạc giữa chàng và Lục vẫn là liên lạc vợ chồng. Lục chưa đi bước nữa và tôi cũng không mong thấy điều này ở nơi Lục. Và nữa : Ngoạn. Ngoạn còn đó và mãi mãi là ngọn núi sừng sững trong tinh thần, trong đời sống âm u, nín lặng của chàng. Vậy mà, tôi đó. Đứa con gái mới hai mươi tuổi đã phăng phăng bước vào. Có thể tưởng tượng được không ? Tôi đó ! Hai mươi tuổi đã tự gánh gồng những long đong, đã tự nhận lấy việc khâu vá những tơi tả cho người mình yêu. Tôi thấy rõ tôi lắm. Tôi đang thí nghiệm chính tôi đấy. Tôi đang thử sống cái đời sống cùng lúc với ba bộ mặt. Một người tri kỷ. Một người em. Và một người yêu. Quả thực tôi không ngờ định mệnh đã ném tôi vào một khu

rừng với những chông gai và thử thách là những thử thách sống, chết. Nhưng tôi đã bước đi. Và sắp tới. Tất cả vấn đề còn lại với tôi bây giờ là trước sau gì, rồi Ngoạn cũng sẽ biết tôi không phải là em gái của Hăn. Cái người đàn ông vô danh, cái người đàn ông có tên gọi, có chức nghiệp mà tôi đã khai với Ngoạn : chồng tôi, ở phương xa, là một người của tưởng tượng. Và khi ấy, rồi sẽ ra sao? Vấn đề không chỉ với chàng mà với cả tôi nữa. Ngoạn liệu có còn đủ sức để đứng vững? Hay khi ấy, chính tôi là ngọn dáo nhọn ngập xuống và kết liễu đời nàng. Dẫu sao thì không thể xoay trở được nữa rồi. Chẳng còn gì. Tất cả như mũi tên đã được đặt sẵn trên cung. Và giây đã căng. Tất cả chỉ còn là giờ phút của định mệnh. Khi buông tay. Mũi tên sẽ phóng đi. Và kẻ nào trong chúng tôi lãnh trọn mũi tên đó. Kẻ nào? Tất nhiên chỉ có một. Nhưng sự thực là tất cả. Phải tất cả. Sụp đổ hết. Tôi rùng mình nghĩ tới ngày tận tuyệt. Những ngày tận tuyệt thì còn xa. Còn xa lắm. Tôi còn nhiều thời gian trước mặt để sống. Tôi phải sống. Cho hết. Cho cạn. Trước khi không còn.

2.

Nắng như chỉ có ở hai đầu đường, và phía bên kia, chỗ những người đàn ông mặc quần soọc đánh quần vợt. Vẻ thanh nhàn thư thái của họ không hợp với tình cảnh chung của những ngày tháng mà trên miệng mọi người, chỉ có chuyện cơm gạo, và xăng nhớt. Sự lạc lõng hay vẻ bày đặt cố tình của họ, hình như cũng không đánh lừa được chính họ. Tôi nghĩ tới những Xuân tóc đỏ và những bà Phán của Vũ Trọng Phụng. Đây là chỗ ngồi thỉnh thoảng của chúng tôi vào buổi sáng và đôi khi buổi trưa. Trước kia, quán nằm trên lề đường Nguyễn Du, dưới những tàn me già cỗi. Lá vàng rụng quanh năm. Rất thường lá rơi vào những ly cà phê đen một màu đen khả nghi. Người ta cho cà phê đen như vậy, nhưng chát, bởi vì được xay cùng với hạt cau hay những hạt điệp rang cháy. Tôi không uống cà phê ở đó bao giờ, (đúng hơn chẳng khi nào chàng hỏi ý kiến tôi trước khi gọi thức uống. Bao giờ cũng là ly nước đá xí muội cho tôi và chàng thì một ly

cà phê sữa) lần này cũng chẳng khác hơn. Vẫn là ly nước đá xí muội và một ly cà phê. Đường vắng. Mặt trời bị giữ lại ở phía sau dãy nhà máy. Những cột khói thả lên trời từng bụm khói sệt đầu. Chàng có vẻ phờ phạc như những tấm lá gỗ dầu to bản sớm rụng. Tôi muốn kể tôi đã gặp Ngoạn sáng nay, nhưng tôi lại muốn thử xem chàng có hỏi không đã. Kể từ ngày tôi bắt liên lạc được với Ngoạn, bao giờ câu chàng hỏi, dù cho không là câu đầu tiên thì cũng vẫn là câu sớm nhất : *« em gặp Ngoạn không? »* Trong sáng nay, đáng lẽ chàng đã phải hỏi tôi câu đó. Nhưng mà chưa ? Tại sao ? Tôi bắt đầu phân vân, nghĩ ngợi. Chàng kể đêm qua mưa. Và cơn mưa đã giúp chàng ngủ được vào lúc hai giờ sáng. Tôi nói tôi ngủ ngay từ chập tối để khuya thức dậy và thở cùng cơn mưa cho tới sáng. Buổi sớm, khi tôi ra đi, mưa vẫn còn lác đác. Những hạt mưa nhỏ, như bụi, *« Anh có điều chi lo nghĩ ?»* Tôi hỏi đột ngột. Tôi không dè mình lại có câu hỏi đó. Chàng lắc đầu, cười cười. Nụ cười phơ phất như đôi ba hạt nước còn sót lại trên cành và rơi xuống nốt. Tôi không muốn nghĩ gì thêm. Tôi nói : *« em mới gặp chị Ngoạn » « Ở trường »— « Vâng. Sáng nay chị ấy có giờ. »* Chàng đốt thuốc. Máy lửa không cháy. Tôi thấy một phần điếu thuốc ngậm nơi môi chàng bắt đầu bị thấm nước bọt. Hai đường mắt chàng xụp xuống. Hàng mi dài, xuôi. Đôi lông mày lớn. Mái tóc lấm chấm những mảnh gầu trắng nhờ. Chàng nói : *« hình như anh có bảo em, chiều nay mình đi chơi ? »* Tôi thăm dò : *« nếu anh bận, mình dành buổi khác ? »* Chàng ngước đôi mắt dữ, nhìn lên. Ngọn lửa vừa bùng cháy. Chàng lắc đầu. *« anh muốn mình đi chơi ngay bây giờ. »* Tôi rùng mình *« em còn hai giờ sau »* Chàng không trả lời. Hai hay bốn, hay chục giờ thì đó cũng chỉ là một cách nói. Với tôi chẳng có gì quan trọng trước những điều chàng muốn. Hình như tôi đang sống những ngày để chờ đợi được làm vừa ý chàng. Hạnh phúc mà tôi tìm thấy cho mình, chính là những điều chàng đòi hỏi nơi tôi, kể cả những điều mà tôi tự nguyện. Hắn không nói. Sự im lặng của chàng, tôi hiểu như là không hề quan tâm tới lời nói của tôi. Và điều đó, có nghĩa, chút xíu nữa, khi rời khỏi đây, chúng tôi sẽ tới nơi thường tới. Đó là một căn phòng ở trên một tầng lầu cao. Nơi mà không ai biết, cũng như không ai chú mục tới

chúng tôi. Đó là chỗ chúng tôi sống được với nhau, trong một khoảng khắc thời gian nào đó. Và chỉ duy nơi đó, mới không có sự có mặt của một người nào khác, dù là một có mặt vô hình. Dẫu vậy trong đầu óc tôi không khỏi có những ý nghĩ, mỗi khi được chàng xiết ghì : « *anh đang nghĩ tới ai khi ôm em? Anh đang liên tưởng tới ai khi em nằm trong tay anh?* » Những ý tưởng đại loại, thỉnh thoảng vẫn bốc lên giữa khi cả hai cùng chìm xuống. Và đó là ý nghĩ thầm kín duy nhất, tôi không hề nói hay để lộ ra. Ở đó, chỉ ở đó thôi, tôi hát cho chàng nghe tất cả những bản nhạc mà tôi nhớ được. Tôi cũng kể tất cả những truyện mà sau đó, nếu có hỏi lại chàng cũng chẳng biết gì. Lý do, chàng đang ngủ. Tôi thường hôn lên người Hãn những lúc đó. Những lúc ngủ, chàng mới thật là của tôi. Hình như thế. Và tôi đã nói hoài hoài điều ấy với chàng (tức là với tôi) giữa khi chàng đã vào sâu giấc ngủ chập chờn. Thường thì sau đó, tôi chỉ có những lời trách móc dành cho chàng mà thôi, những lời đay nghiến, những lời chua chát, những lời khi trở về một mình, trong đêm, trước bàn, tôi thường lầm bầm hay viết trên giấy, để đọc lại, cất đi. Riêng những lá thư loại « văn nghệ đen hay văn nghệ xám » này tôi chồng cất được cả mấy trăm trang. Tôi cho đó mới thực là vốn liếng mà tôi sẽ gửi cho chàng một ngày nào, khi tôi không còn nữa. Một ngày nào khi tình yêu chẳng còn những ngọt ngào dành cho nhau. Và tôi phải vạch con đường đã chọn sẵn : Bỏ đi. Biệt mù.

Nắng ăn ngược từ sân quần vợt ăn tới bờ hè cà phê. Hoa nắng lung linh qua những mắt cáo lưới thép. Anh thanh niên đứng phía bên kia quật mạnh chiếc vợt vào trái banh vừa nẩy tới, mắt nhìn bằng cái nhìn của một con chó nhởn nhơ, và cái miệng cười của một kép cải lương. Tôi nhìn xuống bàn tay mình trên mặt bàn làm bằng gỗ thùng đạn. Những ngón tay đầy gân xanh, những mấu xương ở khớp, đúng lúc cơn đau ruột quặn lên. Tôi bấu những ngón tay mình xuống mặt bàn. Những ngón tay đọng máu. Ửng hồng rồi nâu lại. Những ngón tay cùng với cơn đau xé tơi, như muốn xuyên qua mặt gỗ. Bỗng chàng hỏi : « *em sao vậy?* » Tôi lắc đầu. Chàng trả tiền và chúng tôi đứng lên.

3.

Tôi trở về trường mười lăm phút trước khi chuông tan học. Còn nhiều điều chưa nói kịp với Ngoạn. Tôi muốn bảo với nàng rằng hãy cho Hãn gặp một lần, dù thế nào, ra sao, sau đấy. Tôi muốn nói với Ngoạn, chị Lục gửi lời thăm, và mấy người bạn của tôi muốn được giới thiệu với chị. Còn nhiều điều nữa. Những điều không ăn nhằm đâu vào đâu. Tôi cũng chẳng hiểu tại sao trong óc tôi lại chất đầy những điều vơ vẩn ấy. Nhưng khi thấy Ngoạn ngước đôi mắt sáng, tay thoăn thoắt bỏ đồ đạc vào túi lớn, vẻ thánh thiện của Ngoạn làm tôi khó chịu. Tôi khựng bước chút xíu trước cửa lớp. Nhưng rồi tôi cũng vẫn tiến đến. Ngoạn nhích người chừa một chỗ cho tôi. Ngoạn nói : « *Mới ra đấy hả ?* » Tôi lắc đầu : « *Không, em ở phố về* ». Ngoạn cười bảo thêm được sung sướng như tôi. Và nàng cầm lấy bàn tay tôi xiết chặt. Cử chỉ bất ngờ đột ngột của Ngoạn, khiến tôi liên tưởng tới Hãn. Tôi rút mạnh tay về. Trong một thoáng mơ hồ, tôi vừa ngửi thấy mùi hơi chàng đâu đó, quanh đây. Không. Chính là hơi hướm chàng đang đẫm đầy trên người tôi. Ngoạn tròn đôi mắt lớn ngơ ngác. Tôi vội lấp liếm bằng cách đặt bàn tay lên ngực, làm bộ như chặn lại một cơn ho vừa trở tới. Ngoạn ái ngại. Nàng đưa tay nhặt một sợi tóc trên vai áo. Tóc của chàng. Tôi tái mặt. Ngoạn thả nhanh cho sợi tóc rơi xuống. Yên lặng. Nàng nói nhỏ, mắt nhìn ra sân trường đã thưa dần : « *anh ấy mới về ?* ». Tôi ngay tình : « *anh nào ?* ». Ngoạn cười dịu dàng vuốt tóc tôi : « *còn anh nào nữa. Thì anh gì mà em nói hai người lấy nhau ở Pleiku đó ?* » Chết thật. Tôi nhớ ra rồi. Thì ra tôi quên khuấy tôi đã kể với Ngoạn, tôi có gia đình. Chồng tôi đi lính. Ở xa. Pleiku. Cái tỉnh nghe lạ hoắc. Phải. Ngoạn đã nói thế khi nghe tôi kể. Tôi gật đầu tới tấp : « *à...à... mới về chị...* » Ngoạn hỏi tới. Những câu hỏi của nàng thành thực nếu không muốn nói tỏ dấu yêu thương và lo lắng vun xới cho tôi. Nhưng khi nghe, tôi đã chỉ thấy khó chịu, bực dọc và thù hận nàng mà thôi. Chẳng hạn như Ngoạn hỏi sao anh ấy về mà lại đi học. Phải ở nhà chứ. Vợ chồng cả năm mới có được vài ngày gần nhau, chuyện gì cũng bỏ, quan trọng tới đâu cũng

đẹp. Huống hồ chi chuyện học hành. Học hành cho vui. Có xá chi. Càng lúc mùi hơi chàng càng tỏa khắp. Tôi có cảm tưởng như Ngoạn đã nhận ra. Đã hiểu thấy. Tất cả. Nàng nói thế, chỉ là để khỏa lấp gian dối và xấu hổ cho tôi. Nàng nói thế, chỉ là là để cho tôi phải tự hiểu. Nàng không nói, nàng giả đò, nàng im lặng bởi vì nàng đã biết, tôi không phải là địch thủ của nàng. Không ai là địch thủ của nàng hết. Trong đời sống của Hãn mỗi người đàn bà có một cách thể hiện diện riêng. Không có điểm chung. Nên không thể có so sánh. Tôi biết thế. Rất rõ. Nhưng sao lúc đó, tôi lại thấy như mình bị sỉ nhục. Bị lột hết quần áo, trần truồng trước mặt Ngoạn. Và máu ghen, và cơn điên, và khí uất xung thiên bừng bừng, muốn nổ óc. Tôi định quát thẳng vào mặt Ngoạn rằng : Vâng. Đúng đấy. Tóc chàng. Đúng đấy, mùi hơi của Hãn. Chúng tôi vừa ở với nhau. Người đàn ông mà chị tưởng chồng tôi, chỉ là người của tưởng tượng. Không có ai là chồng tôi ngoài Hãn. Không có ai. Chẳng có ai... Ngoài Hãn. Chị có nghe ? Chị bằng lòng chưa ?...

Nhưng mà tôi đã chẳng nói được câu nào. Hình như tôi đã lặng đi. Hình như cơn đau ruột lại tái phát. Lần này, tôi ôm ngực thực sự. Tôi nói : « thôi chị Ngoạn về. Em về nhà Lục đây. Chị có nhắn gửi gì không ? » Và tôi đứng lên. Tôi bước nhanh. Tôi muốn thoát khỏi mùi hơi chàng. Tôi muốn ra khỏi tôi, nơi mà chàng đã nhuộm tím đã không thể tẩy xóa.

Trên đường về, tôi không đến Lục. Làm sao tôi có thể đến Lục, ngồi ăn cơm với những đứa con của chàng cùng với hơi hướm chàng còn đọng nguyên trên thịt da, trên quần áo. Làm sao tôi có thể đến Lục với đôi mắt đỏ hoe, và một lòng thù hận trắng, lóa. Sự thực, đang nhú mầm trong tôi. Đó là một sự thực không ngờ trước : tôi đang mất dần từng người. Phải từng người, vì tôi không thể đạp nát những miểng chai, mà tôi chỉ có thể cắm thêm những miểng chai, trên vách tường trí nhớ của chàng, và rào kín luôn khu vườn đời tôi, chưa đủ luống.

Du Tử Lê
(5 . 74)

trần quang thiều
hà vũ giang châu
trần mộng hoàng
chu ngạn thư

Lục Bát

phố đêm

Dưới chân ngõ hẹp đêm sâu
Trên xa lá khép những màu tóc xanh
Hai hàng phố thấp xe nhanh
Đánh rơi từng tiếng động quanh đường dài

Trần Quang Thiều

đêm ở biển

Biển đêm hù trước mặt tôi
Cát un chân bước, đá ngồi nhìn sao
Mờ xa con sóng lồi vào
Kéo trăm sợi cước, lao đao con thuyền
Tôi cười với ước vọng riêng
Mai sau có chết, làm thuyền chở em

Hà Vũ Giang Châu

thuở yêu em

chút mưa chút nắng chút tình
thương em thương chết một hình bóng em
chút khuya chút sớm chút đêm
nhớ em nhớ chết một tên họ người
chút môi hồn chút nụ cười
trăm năm thôi cũng một thời nhớ nhau
chút mưa phùn chút mưa mau
em đâu đến để tình trao bốn mùa.

Trần Mộng Hoàng

blao, mùa mưa 74

mưa từ ngàn xưa mưa qua
mưa vây phủ đồi, mưa sa đỉnh đèo
mưa ngàn sau tiếp mưa theo
mưa đơm quá khứ về reo trên đồi
mưa dầm thấm gọi trên môi
mưa quanh phố núi, mưa vời vợi say

mưa về ngọt ngọn tóc mai
trong cơn xa vắng mọc dài nhớ thương
mưa ngần ngần nhủ lòng đường
dấu chân thời cũ còn vương vấn đầy

mưa về nhắc nhớ người đi
chia tay ngày đó : dáng nhòa lệ mưa.

Chu Ngạn Thư

trần hoài thư

Gọi Người Xa Vắng

Mái tóc của chị Thi đen mượt tựa mun, óng ả chảy suốt cả một bờ lưng mềm mại, như một giòng suối tuyệt vời của người con gái Huế. Chị Thi, chị Thi... Chị có nghe những lời thầm kín tỏ lộ này không. Bây giờ, tôi đang hồi tưởng lại ngày tháng cũ, với hình ảnh một giòng suối huyền hoặc, mà từ lâu tôi đã bắt gặp một lần. Cho dù, tôi biết rằng, chị đã không còn để tóc dài nữa. Và cũng chẳng có thì giờ để ngậm ngùi với mớ tóc đã cắt đi. Nhưng hãy cho tôi nhắm mắt lại mà lòng bồi hồi liên tưởng đến một giòng sông êm đềm thơ mộng. Ở đó mái tóc của chị chảy dài, chảy dà. đến tận cuộc đời của tôi. Ở đó, những cánh hoa ngọc lan trắng mượt được chị cài lên mái tóc như những cánh hoa vĩnh cửu, bất diệt của một đời sống. Chị Thi có nghe không đấy Người chị có mái tóc thề đẹp nhất kinh thành có nghe không đấy?

Chị có nghe không, những ngày Đệ ngũ. Niên học thật quá êm đềm như giòng sông trước ngôi trường, như con đường ven giòng An Cựu, đầy bóng lá xanh. Chị có nghe không tiếng gió xao xuyến những cánh lá khô, và đùa mái tóc của chị, khiến chị phải giữ những phiến tóc đang bay, và một vành nón nghiêng nghiêng, che mặt thẹn thùng?

Tôi được biết chị Thi vào năm Đệ ngũ. Chị: người con gái ngoan đạo, sinh trưởng trong một gia đình giàu có và danh vọng. Nhà chị : một biệt thự nằm cạnh con đường tịch mịch. Cuối đường là ngôi nhà thờ. Đầu đường là chiếc cầu đá. Nhà chị : bao bọc bởi 4 bức tường vôi cao và một khu vườn xum xuê hoa lá. Nhà chị: mỗi ngày hai bận tiếng chuông nhà thờ vọng qua, và chị làm dấu thập tự. Chị quì xuống nền, cầu nguyện. Chắc trong lời cầu nguyện ấy, chị dành một phần cho tôi. Bởi tôi là bạn nhỏ của chị. Bởi chị hiểu được tình cảnh của tôi : học trò nghèo, áo quần luôn luôn chắp vá, và nhất là mất mẹ. Chị đã từng thổ lộ như thế. Đôi mắt chị buồn buồn :

— Hoàn cảnh của Tân tội nghiệp. Ba Tân là người cha phi thường... Khi nghe câu nói của chị, lòng tôi chợt trở nên ấm áp lắm. Vâng, chị là người chị mà tôi khao khát. Bởi vì ở chị tôi tìm thấy một người mẹ xa vắng. Bởi ở chị là tôi được bắt gặp một ma soeur thanh khiết. Và không dưng, tôi tỏ lộ tất cả sự yếu mềm.

— Chị Thi sao chị không trở thành ma soeur ? Chị cười trước ý nghĩ ngộ nghĩnh của một cậu học trò 14 tuổi. Rồi yên lặng chị vuốt mái tóc, nhìn ra ngoài khung cửa. Ở đây, cây ngọc lan đã nở hoa, trắng rợp lung linh dưới ánh nắng.

Cho đến bây giờ tôi cũng không hiểu tại sao tôi lại nép đầu vào chiếc bóng của chị nữa. Và sợi dây tình thân đã đến từ lúc nào ? Tuy nhiên, tôi cũng hiểu rằng, trong lớp học trên lầu của ngôi trường cạnh bờ sông An Cựu ấy, tôi đã có một người chị duy nhất mà tôi yêu mến. Bởi chị đã hiểu tôi. Bởi chị đã tìm đến tôi trong khi tôi tủi thân, tôi mềm yếu... Và ngược lại, chị cũng tìm ở tôi một người bạn thân nhỏ. Rộng lượng và khâm phục. Rộng lượng ở một tâm hồn ngoan đạo như một ma Soeur... Những ngày Đệ ngũ là những ngày không quên trong đời tôi. Như con đường với hai hàng cây cao lớn đổ bóng. Như dòng sông êm ái mà mùa nắng thì đục, mùa mưa thì xanh biếc. Từ khung cửa lớp, các đứa học trò có thể nhìn thấy hàng bàng, hàng sung rợp cành trên giòng sông cùng với cả những áng mây trắng trôi qua chậm rãi. Từ khung

cửa đó, trong những giờ học, mái tóc của chị hớp hồn những bàn phía sau, trong đó có tôi. Và tất cả chúng tôi đều nhận ra một mái tóc hiếm lạ : ở đó, chúng tôi muốn nhìn mãi không thôi. Bởi ở đó, tôi nghĩ ngay đến một giòng sông và những áng mây trắng đang lơ đễnh trôi qua khung cửa lớp, như dịu dàng hôn lên mái tóc mun óng ả của người con gái.

Tuy nhiên tôi chỉ biết vậy thôi. Tôi không đủ sự bén nhạy và trí khôn để hiểu xa hơn nữa. Bởi tôi vẫn còn nhỏ dại quá. Tôi chưa hiểu được nỗi ngậm ngùi là một ngày nào đó, mái tóc tuyệt vời ấy sẽ mất biệt như những áng mây trắng ngoài khung cửa. Tôi cũng chưa hiểu được thời gian và những thảm kịch. Mắt tôi chỉ biết một màu đen mượt thăm thẳm, óng mượt, và lai láng choán ngợp mà thôi. Và tôi đã nhìn mái tóc đến si dại.

Đến nỗi có lần, chị Thi bắt gặp. Chị hỏi :

— Tân nghĩ gì mà ngồi như pho tượng thế ?

Tôi xấu hổ, cúi đầu :

— Tân có nghĩ gì đâu ..

Chị thi thầm bí mật :

— Mái tóc chị có gì lạ không ?

Chắc ý chị muốn thăm dò tôi vì một cọng rơm, cánh lá, sợi nhện còn vương trên đầu. Nhưng tôi đã ấp úng :

— Không. Không có gì lạ cả.

Tôi ấp úng vì không diễn tả được ý nghĩ thành thật của mình. Rằng chị Thi có biết không, Tân đang hỏi tại sao chị lại có được một mái tóc thề tuyệt vời như vậy ? Rằng, chị biết không, Tân muốn chết ở mái tóc ấy... Sau đó, tôi được nhìn hàng phấn trên bảng đen. Tuy nhiên, tôi vẫn còn tiếc nuối một áng mây, hai áng mây vừa đậu lại mái tóc, và những sợi tóc quấn quít trong gió. Mắt tôi nhắm khẽ Lời giảng, không khí lớp học không còn hấp dẫn với tôi nữa. Bởi giây phút này, mùi hương nào đó, ngào ngạt tỏa và tôi tưởng chừng lịm đi trong một cơn mơ. Cơn mơ với con đường ven giòng An Cựu, vào buổi sáng sương muối, bóng chị Thi mất đi, chỉ còn mỗi mái tóc mun đen mượt chảy xuống, chảy xuống...

Những ngày Đệ Ngũ, tôi đã có cơn mơ xấu hổ đó. Tuy vậy, với chị Thi, tôi không bao giờ dám tỏ lộ. Tôi chỉ là một đứa em

bé nhỏ của chị. Và *Tân, chị, Tân, chị*.., Tiếng xưng hô thân mật ấy đã êm ái suốt cả một niên học êm đềm. « Tân, định lý Pytagore ra răng, chị quên mất rồi. Tân, quĩ tích điểm M là gì, nhắc chị với... *Tân chị, Tân, chị*, lời nói thì thào vẳng lên trong lớp, ngoài sân, trên con đường ven bờ sông An Cựu trên chiếc cầu đúc, trong khu vườn xum xuê hoa lá. Những tiếng mật ngọt ấy như những trang sách trang vở thì thầm, được lật ra từ khi mùa hoa phượng không còn, mùa ve sầu im tiếng, cho đến khi mùa hoa phượng, ve sầu trở lại gọi những cánh diều. Và theo từng chương, từng bài học, sợi dây tình thân lại càng mật thiết hơn nữa. Và rõ ràng, mái tóc của chị Thi càng tuyệt vời hơn nữa. Bởi chị đã tự biết rằng mái tóc của chị đang được truyền ra khắp thành phố Huế.

Do sự thân tình sâu đậm giữa tôi và chị, tôi vẫn thường thổ lộ những tin tức liên quan trong gia đình tôi. Và ngược lại, chị Thi cũng vậy. Chẳng hạn việc ba chị từ chối một chức vụ quan trọng trong một Bộ. Chẳng hạn mẹ chị ngỏ ý muốn để chị vào nội trú một ngôi trường nữ danh tiếng trên Đà Lạt. Chẳng hạn ba tôi không có thời cơ, làm ăn thất bại. Từ ngôi nhà rộng lớn bây giờ nhường lại một căn nhà thuê. Chẳng hạn, anh Tính của tôi đã đi làm precepteur vì không thể thấy một thân ba khổ cực trăm bề. Tuy vậy anh cũng đứng đầu trong lớp. Chẳng hạn bữa ni anh Tính bị ốm và tôi phải nấu cháo cho anh...

Như thế mặc nhiên anh Tính đi vào cuộc sống của chị Thi. Tôi không hiểu tại sao chị Thi lại để ý đến anh tôi như vậy. Không lần nào chị không hỏi về anh. Chẳng hạn :

— Hôm ni, anh Tính bớt đau chưa?

— Hôm ni anh Tính dạy Tân bài gì ? Anh hay rầy Tân không ? Anh có đập Tân không ?

Tôi tha hồ trả lời, tha hồ tiết lộ. Nhất là trò ngủ gục của anh.

— Chị biết không, ảnh là một cây ngủ gục. Không lần nào học bài là anh không ngủ. Nhưng anh ngủ tài tình lắm. Ngồi thẳng như học bài, mà mắt nhắm ngáy khò khò.

Chị Thi lại bật cười. Tôi lại tha hồ kể thêm :

— Nhưng ba đã biết cái tính ấy. Không đêm nào ba lại không tìm đến để kiểm soát.

Tiếng cười của chị lại trổi.

—... Tuy vậy, có lần anh đang học. Mắt mở ngon lành. Ấy vậy, ba lại tìm đến, vừa dòm sát vào mắt anh thì anh lại nói : Ba làm gì kỳ vậy. Mắt con mở mà !

Chị Thi lại cười rộ. Lần này chị quá vui. Đôi mắt chị rực rỡ :

— Chị mong có người anh như anh Tính. Để chị tha hồ cười.

Có một lần tôi khám phá anh Tính có làm thơ. Và hơn thế, anh có bài đăng báo Tôi đã tìm thấy cuốn nhật ký chép thơ, xen kẽ vài bài đăng báo nhật trình dấu tận đáy rương. Thú thật, tôi khâm phục anh ghê gớm. Tôi không thể ngờ anh trở thành nhà thơ cũng như không thể ngờ những giòng thơ của anh được biến thành những chữ in trang trọng. Tôi cảm thấy vinh dự cùng anh. Và tôi tiết lộ sự kiện lạ lùng này cho chị Thi, thì chị ngạc nhiên đến mở lớn đôi mắt :

— Anh Tính tài ghê. Vậy anh lấy biệt hiệu là gì nhỉ ?

— Cô Sầu.

— Biệt hiệu buồn ghê. Chắc anh Tính có nhiều tâm sự lắm...

Tôi kể thêm :

— Ba Tân mà biết được ảnh làm thơ, ổng rầy chết.

— Sao thế ?

— Ổng ghét ai làm thơ. Ổng nói chọn con đường thơ văn khổ lắm.

Chị Thi mơ màng :

— Riêng chị, chị rất yêu mến những nhà thơ. Bởi cuộc đời họ đầy những bất hạnh. Nhưng họ vẫn chấp nhận. Ví dụ Hàn Mặc Tử, ví dụ Quách Thoại hay thầy dạy Việt Văn của bọn mình...

Chị nhắc đến thầy T.V làm tôi nhớ đến những giờ Việt văn. Thú thật, tôi không ưa môn này bao nhiêu. Vào những giờ của thầy T.V tôi đều ngủ gục. Nhưng những lời tâm sự của chị đã làm tôi hiểu được thế nào là nhà thơ và sự bất hạnh của họ.

Mắt tôi có thể thấy lại một con người của thầy, ốm yếu, với bộ quần áo xốc xếch, thùng thình tuy nhiên đôi mắt của thầy là cả một vùng hào quang. Chúng tỏa ra những tia vừa u uẩn vừa nồng nàn, vừa tê tái, vừa mời gọi. Ngoài ra ở giọng ngâm thơ của thầy nữa. Chỉ có những lần ấy, thầy mới quyến rủ nổi tôi. Thầy ngâm giọng Huế, những bài thơ của Quang Dũng, Huy Cận, Xuân Diệu, và Hàn Mặc Tử. Tuy nhiên, thầy thích nhất là thơ Quách Thoại. Thầy hay kể về nhà thơ này, vì sự đau khổ ràn rụa trên những vần thơ mà thầy gọi là Thú Đau Thương, cùng với sự bất hạnh của một thiên tài bệnh hoạn. Khi thầy ngâm là cả một biển lửa bốc ngọn như thể táp vào da thịt chúng tôi. Những ngọn lửa của tận cùng đau thương, tận cùng quằn quại, tận cùng rên rỉ. Thầy vừa ngâm vừa diễn tả bằng cử chỉ. Mắt thầy nhắm, bàn tay thầy xiết chặt, vầng trán thầy nhăn như thể thầy không còn là thầy nữa, mà là người trong cuộc. Và lúc đó, chúng tôi cảm thấy rợn người, tưởng chừng có một trận gió lạ nào thổi đến. Và tôi đã hiểu rằng người thơ là người phi thường. Một vĩ nhân của địa cầu. Đó là điều tôi không bao giờ dám mơ ước đến.

Giờ đây, anh Tính đã làm tôi hãnh diện. Những lời ca tụng của chị Thi lại càng làm tôi kiêu hãnh hơn. Vâng, anh Tính của tôi là một thiên tài. Là một người phi thường. Vì nếu không phi thường, không thiên tài làm sao anh lại làm được thơ với những câu thế này :

Sông về bãi rộng đìu hiu
Người xưa bến cũ trăm chiều nhớ nhung...

Và tôi đọc cho chị Thi nghe. Chị bắt tôi đọc lại một lần thứ hai để chị chép vào cuốn vở, đầy ngập thơ của nhiều tác giả. Rồi chị hỏi khẽ :

— Tân có yêu thơ không ?

Cho dù tôi không thích, nhưng tôi vẫn gật đầu. Chị lại hỏi :

— Tân có thích làm thơ không ?

— Dạ thích. Nhưng không ai chỉ dẫn.

— Tân nhờ anh Tân chỉ hộ cho...

— Tân không dám...

— Dễ lắm. Chỉ một lần là làm được ngay.

Tôi hỏi chị :

— Chị cũng biết làm thơ ?

— Biết sơ sơ...

— Chị dấu Tân.

— Chị sợ Tân cười. Dị chết.

Nói xong, má chị ửng hồng. Rồi như tránh mũi dùi của tôi. Chị kêu lên :

— Mình ra vườn đi, Tân. Hôm qua, chị thấy hoa ngọc lan nở nhiều quá...

Rồi chị theo lối đi đá cuội. Tuy hôm ấy, trời nắng rực rỡ, nhưng nắng không lọt vào khu vườn. Và chúng tôi cùng dạo dưới vùng bóng mát đến lạnh mình ấy. Bãi cỏ xanh mượt như tấm thảm nhung êm. Chim chóc ríu rít trên cành. Những trái cam, trái quít, no lành gợi cảm. Những khóm huệ, lan, thược dược khoe màu tươi thắm. Chị Thi nói với tôi :

— Tân hái hộ chị ít hoa ngọc lan đi.

Tôi hăm hở làm theo ý chị. Trên cành, tôi đu mình tha hồ hái. Và ở dưới đất, chị hồi hộp giơ hai bàn tay trắng nuột của chị để hứng hoa. Đôi khi vài cánh hoa rơi xuống đất làm chị rú lên, chừng như tiếc nuối. Ở trên cành, tôi có thể thấy đôi mắt chị long lanh sáng, và chiếc môi tươi hồng của chị mở ra e ấp. Tôi muốn chọc chị, bèn thả một con sâu. Chị vô tình bắt rồi chợt thét lên, run rẩy. Tội nghiệp chị bỏ chạy. Tôi thấy mình lỗi nên tìm mọi lời gọi. Chị run sợ lần từng bước. Chị sợ một con sâu thứ hai. Chị luôn luôn nhắc tôi phải ý tứ. Tôi cười, cõi lòng tràn ngập một niềm vui khó tả. Và tôi hăm hở hái thêm.

Sau đó, chị Thi gọi tôi xuống đất. Tôi giữ chặt tay chân vào thân cây, tụt xuống từ từ. Khi chân tôi vừa chạm đất, thì chị kêu tôi :

— Tân xem...

Tôi ngẩng lên, và bắt gặp hai cánh hoa ngọc lan trắng mượt cài lên mái tóc của chị. Tôi sững sờ. Tôi muốn kêu lên một tiếng để diễn tả ý nghĩ. Chị Thi vẫn vuốt mái tóc, chờ đợi tôi. Còn tôi, không còn biết cách gì hơn là ấp úng trong miệng :

— Chị đẹp lắm...

Hai má chị ửng hồng. Chị quay mặt :

— Chị muốn hỏi Tân xem chị có dị không ?

— *Không, không. Chị đẹp lắm.*

•

Những niên học đã qua tự lúc nào. Con đường đã bắt đầu thấy rực rỡ một màu phượng đỏ, và giòng sông trở nên đục ngầu hơn. Và cũng vào thời gian đó, ba lại dọn về một căn nhà thuê mới nữa, gần sát nhà chị Thi. Dĩ nhiên ở đây, tôi và chị Thi lại càng gần gũi nhau hơn bao giờ hết. Nhưng chao ôi, tôi phải thổ lộ là chính ở đây, tôi đã biết được những giọt lệ của tình yêu, của tuyệt vọng, của nhớ nhung, tương tư, đau khổ. Bởi vì tôi đã 17 tuổi. Tôi đã lớn, và bắt đầu nẩy nở những cảm giác mới mẻ. Từ đó, tôi càng trở nên ý tứ hơn trong cách giao tiếp với người chị hàng xóm. Tôi ít qua nhà chị, và nếu có qua, tôi chỉ qua vào ban ngày. Và khu vườn thiên đường cũng ít khi thấy bóng chúng tôi nữa.

Phải tôi đã 17 tuổi, người tôi đã nẩy nở và tâm hồn tôi khép chặt hơn. Lòng tôi đã bắt đầu rung động, xao xuyến, rồi trở thành tương tư khi một cơn gió thổi qua, đem theo mùi hương ngọc lan tự bên nhà láng giềng. Nỗi nhớ nhung mơ hồ nẩy nở rồi trải dài trong đêm. Chị Thi không còn là người chị của tôi nữa.

Tôi đã yêu chị. Bằng cớ tôi đã thấy mình ghen với anh Tính vì anh là nhà thơ. Tôi chua sót đến chảy nước mắt vì nhận chân được cái tình mà chị Thi dành cho tôi là một thứ tình chị em cật ruột. Và hơn nữa, là tình thương hại. Bởi vì, tâm hồn chị quá từ thiện. Bởi lẽ chị đã hấp thụ những đức tính rộng lượng, bao dung trong các bài giảng đạo giáo. Nhưng bây giờ tôi đang đòi ở chị một thứ tình khác. Một thứ tình mà chị đã dành cho anh Tính của tôi.

Thật vậy, tôi đã khám phá ra rằng chị Thi và anh Tính tôi yêu nhau. Không ngày nào anh Tính lại không đứng đằng sau nhà, để nhìn qua bên kia khung cửa hàng xóm. Không ngày nào, chị Thi lại không đứng ở bên lề, làm duyên như thể hẹn cùng anh tôi qua ánh mắt, qua cử chỉ... Dường như đêm tối, chị học bài muộn màng hơn, để cả mái tóc thề đen mượt in đậm trong ánh

điện sáng láng, mà tôi biết chắc, là chị đã dành cho anh tôi. Hay những lần, chị vơ vẩn trong sân, nhón gót hái những cánh hoa ngọc lan để cài lên mái tóc, và ở bên này anh tôi đắm đuối nhìn sang. Trời ơi, tôi phải làm gì để chị hiểu được nỗi lòng đang bốc lửa của tôi ? Tôi phải làm gì để chị hiểu tôi không còn bé dại nữa ?

Tôi không biết làm gì nữa hết. Nếu có, là những đêm trăng, tôi ra ngoài chiếc cầu đá, nhìn vầng trăng, nhìn những vì tinh tú, nhìn giòng sông lặng thinh mà thổn thức. Nếu có, là những ngày đi học, trên con đường cũ, thấy những áng mây trắng trôi qua, mà ngỡ mái tóc của chị cũng trôi đi biền biệt. Nếu có, chỉ có tiếng sóng vỗ vào chân cầu, tiếng gió xào xạc trên khóm lá bàng, lá sung, và những giọt lệ nóng hổi lăn trào trên má tôi, trong tâm hồn tôi mà thôi...

Từ đó, không hiểu sao, tôi lại tìm đến thơ. Không, thơ đã tìm đến tôi cũng nên. Và trên chiếc cầu đá lạnh bắt qua giòng sông êm đềm ấy, trong một đêm trăng tôi có bài thơ thứ nhất. Không hiểu ai đã chỉ dậy tôi viết những câu như thế này :

Ngọc lan trên khung trời đầy sao
Tôi ràn rụa mơ một giòng suối tóc
Người tình xa xôi của tôi
Bên kia hàng xóm
Có nghe không mùa thu trở về
Qua khung cửa tôi làm thi sĩ
Và ngọc lan, ngọc lan
đêm tối bềnh bồng nước mắt
Hãy đậu trên hồn tôi,
ngọc lan ..

Và khi làm xong, không hiểu một động lực nào lại bắt tôi gửi bài tới một tạp chí văn nghệ với bút hiệu rất là thơ mộng Thi trần Tân. Sau đó, những ngày đợi tờ tạp chí kia xuất hiện là những ngày dài nhất của tôi. Tôi mới hiểu rằng cái nghiệp thơ văn quả là cái nghiệp đau thương nhất, nhưng hạnh phúc nhất. Tôi mới thấy rằng, những lời của ba tôi quả là sự thật. Vì, kể từ đó, tôi cảm thấy sự học là một hình phạt. Sách vở bắt đầu ngủ quên. Nhường lại là một mùi hương nào rất lạ, rất yêu dấu chiếm

ngợp lấy tâm hồn yếu đuối của tôi. Mùi hương đó đến tự nhà hàng xóm, đến tự mái tóc tuyệt vời của chị Thi.

Không ngờ, bài thơ tôi được chọn và được đăng thật trang trọng. Thi trần Tân. Tôi ngây ngất với một nỗi sung sướng vô biên. Tôi đọc đi đọc lại như điên những giòng mực in mà một lần tôi đã sáng tạo. Và tôi tự nghĩ mình là thiên tài. Thì ra tôi cũng là nhà thơ. Và hơn nữa lại tài hoa hơn anh Tính nữa. Bởi vì, dù sao, thơ anh chỉ đăng ở nhật báo.

Rồi việc làm của tôi đầu tiên là mang tờ tạp chí hăm hở đến nhà chị Thi. Đó là buổi chiều, khi tiếng chuông nhà thờ bắt đầu được ngân lên tự cuối con đường. Tiếng chuông càng lúc càng thấp, càng giạt trong không khí như những lời mừng gọi sự sung sướng của một đứa con đang hạnh phúc. Và khi tiếng chuông dứt đi, còn lại một chút âm thừa, thì tôi đã đứng trước cổng nhà. Rồi âm thừa ấy không còn nữa, thì tôi lại sực tỉnh cơn mộng. « Mình đang làm gì đây ? Mình đang làm gì đây ? Chị Thi không bao giờ hiểu con tim mình đâu... » Tôi nghe tim mình quặn khi nghĩ ra điều đó. Tôi biết chị Thi chỉ coi tôi như là một người bạn nhỏ. Và tình của chị đối với tôi chỉ là một thứ tình thương hại. Nước mắt tôi cay nồng. Hai vai tôi nặng chùng. Không hiểu tại sao tôi lại bỏ đi về phía nhà thờ. Tôi ngồi xuống vỉa thềm. Tự nhiên tôi úp mặt vào trang thơ Tôi rân rụa cùng con tim mình, những giòng thơ thứ nhất của mình, cái biệt hiệu Thi trần Tân của mình. Trên bầu trời, một áng mây trắng trôi qua, rồi trôi mãi. Nó không còn mái tóc để đậu lại nữa...

Giờ đây, đã mười năm trôi qua, tôi đã bắt gặp biết bao mái tóc để dài, biết bao mái tóc được chăm sóc cẩn thận, nhưng chưa một lần tôi tìm ra một mái tóc yêu dấu của chị Thi. Một mái tóc có cài những cánh ngọc lan, và có những áng mây trôi qua khung cửa lớp đậu lại, trước khi ra đi. Bây giờ, chỉ có những làn khói thuốc của tôi thay những áng mây một thời si dại ấy. Những sợi thuốc phai loãng mà tôi đốt lên để mặc niệm một mái tóc thề yêu dấu. Chị Thi, có nghe không, những lời thổ lộ thành thực và muộn màng của tôi ?

Trần Hoài Thư
Cần thơ 30-6-74

SÁCH BÁO trong tháng

Giai phẩm VĂN vừa nhận được những tác phẩm mới do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng. Xin chân thành cám ơn người tặng sách và trang trọng giới thiệu cùng toàn thể bạn đọc.

— SUỐI VỀ HOA NGHIÊM, thơ của Tha Phương Khách, Nến Hồng xuất bản, Nguyễn Hữu Ba giới thiệu, Phạm Thiên Thư, Trụ Vũ cảm đề, bìa Hiếu Đệ. Bản đặc biệt không đề giá bán.

— NGUỒN THƯƠNG, giai phẩm văn nghệ, do Hoàng Yên, Thanh Hải, Ngọc Liệt chủ trương, xuất bản tại Châu Đốc. 64 trang. Giá 200đ.

— ĐI QUA ĐỜI TÔI, thơ Xuân Hữu, in lần thứ hai, Nhập Cuộc tái bản, 20 trang, giá 100đ. (các bạn yêu thơ muốn liên lạc với nhóm Nhập Cuộc, xin gửi thư về : Nguyễn Thị Hảo, hộp thư 77, Huế).

HỘP THƯ

— *Nguyễn Thị Thảo (Phan Thiết) :* Buổi Lễ Tưởng Mộ rất cảm động. Sẽ đăng số tới. Thế là câu hỏi của Tolstoï sai rồi nhé ! Cho biết địa chỉ đích xác để liên lạc và gửi báo.

— *Anh Trần Mộng Hoàng :* Đã đăng một bài lục bát trong số này. Những bài khác, không.

— *Trần Quang Thiếu :* Anh Đ. G. T. không còn làm việc ở Văn. Số này có đăng thơ anh rồi đó.

— *Anh Mai Phước Trung :* Cám ơn về những lời lẽ trong thư. Làm mới, mãi mãi là tôn chỉ của Văn. Tôi đề nghị anh làm những bài thơ khác không phải thể lục bát xem sao.

— *Anh Hồ Ngạc Ngữ (Quy Nhơn) :* Đồng ý. Giá trị tờ báo là ở những bài hay, không chỉ ở những tác giả đã quen tên. Mong anh tiếp tục hợp tác và gửi cho Văn những sáng tác mới.

— *Hàn Dã Thảo :* Đã thấy thơ đăng trong Văn số trước chưa ? Đã nhận được thư. Chúc cố gắng.

— *Nguyễn Hùng (Châu Đốc) :* Chịu, không mách được anh tìm mua những số báo ấy ở đâu. Phải khó khăn với mình nhiều hơn nữa, đó là ý kiến của tôi về thơ anh.

— *Bích Đào :* Bài thơ văn suôi ý tưởng khá mới lạ. Đáng tiếc là lời thơ chưa được. Gởi tiếp những bài mới và đừng nản chí.

— *Mang Viên Long :* Đã nhận được bài phê bình thơ Sẽ viết thư sau. Thân.

— *Anh Lý Thiên Ngộ :* Không có gì sai với nguyên tắc hết. Chúng tôi coi những tập thơ in ronéo, phổ biến hạn chế như bản thảo, rất có thể chọn đăng. Đang đọc những bài thơ anh mới gửi về. Sẽ trả lời sau.

— *Người Sông Tương :* Cứ tiếp tục « nhả tơ » nếu thấy đó là một cần thiết cho mình. Đăng hay không đăng chỉ là thứ yếu.

— *Anh Trần Ngọc Kim (Ban Mê Thuột)* : Xin lỗi không viết được thư riêng. Anh còn chịu quá nhiều ảnh hưởng mấy nhà thơ tiền chiến, chính anh đã phải thấy ngay điều đó rồi chứ.

— *Anh Vũ Phan Long* : Đúng rồi, nhầm tỉnh này với tỉnh khác. Xin lỗi. Cứ gửi tập thơ theo lối bảo đảm; hoặc muốn trao tận tay chừng nào về Sàigòn cũng được. Cho hỏi thăm các bạn ngoài ấy. Thân ái.

— *Kim Khánh và các bạn :* Toà báo đã chuyển ngay những câu trả lời của các bạn cho L. H.

— *Ngụy Ngữ* : Đã chuyển thư cho quản lý. Tiền bạc mà lơ đễnh như ông là nhất rồi đó. Có truyện mới gửi về cho tôi. Thân.

— *Nguyễn Đăng Trình* : Tất nhiên là làm báo lúc này khó khăn hơn bao giờ. Đành chỉ cố gắng và chịu đựng được tới đâu hay tới đó. Thơ làm rồi, không gởi đi là đúng lắm. Phải suy nghĩ, sửa đi sửa lại nhiều lần mới có được thơ hay.

— *Cao Nhật Quang* : Đã nhận được thơ. Cho hỏi thăm mấy bạn anh nhắc tới trong thư. Văn đọc bài bạn đọc các nơi gởi về cẩn thận, chứ không khó khăn. Và thấy hay là đăng liền. Làm thơ phải coi là một sung sướng cho chính mình trước đã. Chưa nghĩ được thế chưa phải là thi sỹ.

— *Anh Nguyễn Thường Tình* : Không bỏ quên, cũng không thất lạc. Hoàn toàn đồng ý với nhận xét và đề nghị của anh.

— *Mường Mán* : đã nhận được Ngã Ba. Thân ái.

— *Anh N. Q. V.* Anh viết một mặt giấy. Và thật rõ ràng. Vì chúng tôi không thể chép lại dùm anh được.

— *Anh Đào Duy Hùng* : Đang đọc. Sẽ có ý kiến ở số sau, trong mục này.

— *Trần Hữu Nghiễm* : Những khó khăn của các anh ở Huế cũng là những khó khăn của chúng tôi ở Sàigòn. Làm thơ không in được thì để đó, lúc khác in, cần gì.

— *Nguyễn Hoàn* : Đồng ý để Văn là nơi cho anh « luyện bút ».

BÀI ĐÃ NHẬN ĐƯỢC

Giai phẩm VĂN đã nhận được bài của các bạn có tên sau đây. Chúng

tôi đang đọc. Các bài được chọn đăng, sẽ có báo tin trên những kỳ sau. Nếu sau bốn kỳ mà không thấy tin trên hộp thư hay thư riêng, xin hiểu cho là bài không thể đi được.

Chúng tôi không giữ lại cũng như không trả lại những bài không được chọn đăng. Bạn nào không muốn thấy tên ghi trong mục này xin đề rõ «yêu cầu miễn ghi» trên đầu bản thảo

● **THƠ**

Hoài Diễm Từ . Nguyễn Hữu Ngạn . Nguyễn Văn Ngọc Sinh . Chu Ngạn Thư . Lê Thị Luân Lưu . Hoàng Xuân Sơn . Nguyễn Thái Hư . Nguyễn Ngọc Nghĩa . Nguyễn Định . Vũ Quỳnh Anh . Ngô Văn Hùng . Phù Sa Lộc . Đinh Việt Tiến . Hà Vũ Giang Châu . Đặng Thành Thân . Nguyễn Phương Nhân . Ngô Thị Tạo . Lê Trường Hận . Nhược Thủy . Nguyễn Tịnh . Lữ Tình Tang . Trầm Cỏ Sương . Du Tử Trầm Luân . Anh Việt Thy . Lê Tuấn . Nguyên Hư . Tang Hồ . Đinh Thiên Mục . Thanh Lê . Phan Xuân Dũng . Hoài Giang Dung . Nguyễn Minh Thoại . Dương Linh . Lê Trường Hận . Lê Cảnh Xuân . Bảo Ảnh . Phượng Tri . Vũ Ngọc Tấn . Hoàng Văn Vĩnh . Hoàng Vi Hạnh . Như Anh . Lưu Di . Dương Huyền Ý . Trần Hữu . Ngọc Thùy Khanh . Nguyễn Thanh Châu . Người Sông Tương. Tam Thu . Trần Thanh Du . Ngô Bích Quỳnh .

● **VĂN**

Nguyễn Hạnh Tiến . Nguyễn Thị Minh Hằng . Nguyễn Thị Thảo . Hoàng Thị Viễn Du . Đào Duy Hùng . Cung Tưởng Hoa . Trần Huy Đạo . Vĩnh Cần . Nguyễn Quốc Duy . Nguyễn Vô Cùng . Lê Văn Côn . Bình Nguyên Hư . Huy Lực . Nguyễn Hoàn .

CHÚC MỪNG

Chúng tôi vừa được « Hồng Thiệp » báo tin :

ông Bạn Thơ : NGÔ CANG

và Nàng Thơ : NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

Ngày 19-8-1974 (02-7 Âl) sẽ kết hợp trăm năm tại Huế. Thành thực chia vui, và chúc mừng Nhà Thơ và Nàng Thơ sắt cầm hòa hiệp.

Mang Viên Long. Trần Huiền Ân. Trần Bá Lang. Đỗ Hiến Nam. Đỗ Chu Thăng. Lê Tăng Minh. Khánh Linh. Phạm Cao Hoàng. Nguyễn Lệ Uyên. Hồ Ngạc Ngữ. Trần Thị Lộc.